



CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI
TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ CẢNH BÁO

**THEO DÕI TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU MỘT SỐ MẶT HÀNG
ĐỂ ĐƯA RA CÁC KIẾN NGHỊ KỊP THỜI VỀ SỬ DỤNG VÀ ỨNG
PHÓ VỚI CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI**

THÁNG 04-2024

THEO DÕI MẶT HÀNG LINH KIỆN PHỤ TÙNG Ô TÔ XUẤT KHẨU

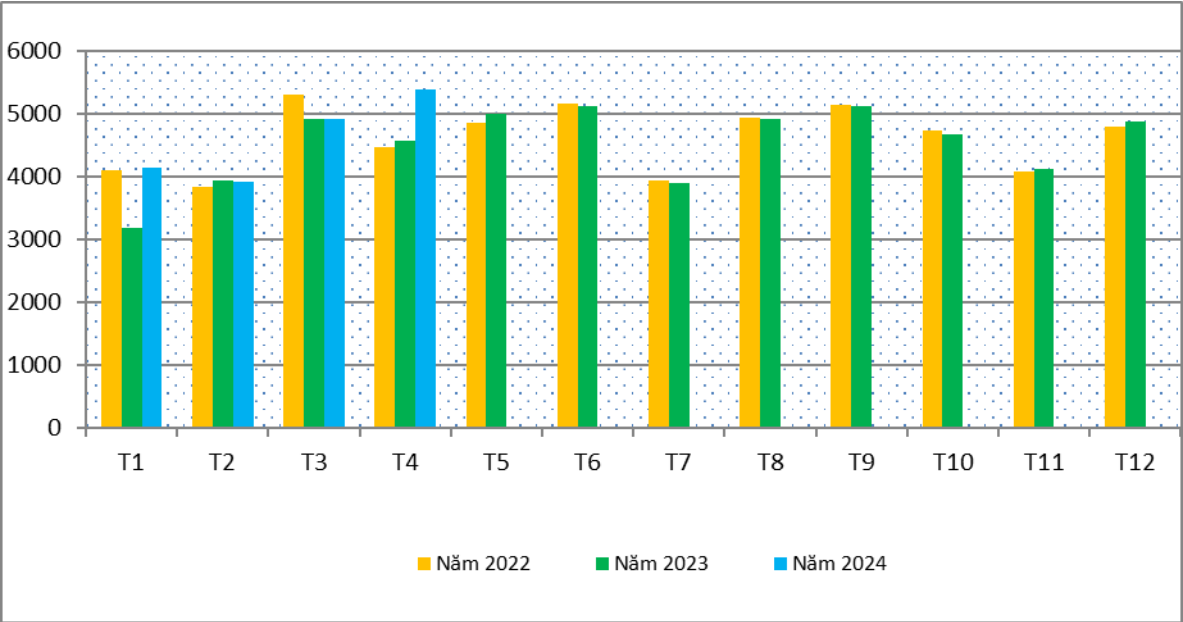
I. Tình hình xuất khẩu linh kiện phụ tùng ô tô của Việt Nam sang các thị trường

Tình hình xuất khẩu

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu linh kiện phụ tùng ô tô trong tháng 4/2024 đạt trên 5,78 tỷ USD, tăng 26,74% so với tháng 2/2024 và giảm 8,65% so với tháng 3/2023, chiếm 16,53% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trong tháng. Lũy kế 3 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu linh kiện phụ tùng ô tô đạt 13,03 tỷ USD, giảm 8,11% so với cùng kỳ năm 2023 và chiếm trên 16,18% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước.

Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng mã HS 870829 của Việt Nam qua các năm

(ĐVT: triệu USD)



Trong tháng 3/2024 xuất khẩu linh kiện phụ tùng ô tô của các doanh nghiệp FDI đạt trên 5,81 tỷ USD, tăng 25,83% so với tháng 2/2024 và giảm 8,85% so với tháng 3/2023 và chiếm trên 97,1% tổng kim ngạch xuất khẩu linh kiện phụ tùng ô tô của Việt Nam. Lũy kế 3 tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu linh kiện phụ tùng ô tô của khối doanh nghiệp FDI đạt trên 12,8 tỷ USD, giảm 8,13% so với cùng kỳ năm 2023 và chiếm 96,13% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của cả nước.

Thị trường xuất khẩu

Trong tháng 3/2024, Hoa Kỳ là thị trường đứng đầu với kim ngạch xuất khẩu đạt 2,36 tỷ USD, tăng 15,25% so với tháng 2/2024 và tăng 6,59% so với tháng 3/2023, chiếm 28,7% kim ngạch xuất khẩu. Trung Quốc là thị trường đứng thứ hai với kim ngạch xuất khẩu đạt trên 1,78 tỷ USD, tăng mạnh 143,01% so với tháng 2/2024 và giảm 4,69% so với tháng 3/2023, chiếm 26,87% tỷ trọng. Thị trường EU đạt 475,86 triệu USD, tăng 6,72% so với tháng 2/2024 và giảm 27,79% so với tháng 3/2023, chiếm 9,57% tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu.

Trong 4 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu linh kiện phụ tùng ô tô của Việt Nam sang các thị trường chủ yếu như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Hàn Quốc, EU, Hồng Kông... Kim ngạch xuất khẩu sang 5 thị trường này chiếm 79,97% tổng kim ngạch xuất khẩu linh kiện, phụ tùng ô tô của cả nước. Linh kiện phụ tùng ô tô của Việt Nam đã trở thành mặt hàng xuất khẩu chủ lực cho tăng trưởng kinh tế, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, tạo việc làm, nâng cao đời sống cho người lao động, trực tiếp làm tăng giá trị sản xuất, gián tiếp thúc đẩy phát triển ngành liên quan, nâng cao trình độ lao động, nâng cao trình độ sản xuất trong nước, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường quốc tế.

II. Các vụ kiện phòng vệ thương mại của nước ngoài đối với mặt hàng linh kiện phụ tùng ô tô Việt Nam

1. Hoa Kỳ: Khởi xướng điều tra thuế chống bán phá giá tạm thời đối với máy xịt rửa áp lực cao chạy bằng gas hàng nhập khẩu có xuất xứ từ Việt Nam và Trung Quốc

THEO DÕI MẶT HÀNG LỚP CAO SU XUẤT KHẨU

Vào tháng 6 năm 2024, thuế tạm thời được áp dụng đối với hàng nhập khẩu có nguồn gốc từ Việt Nam.

2. Hoa Kỳ: Thuế chống bán phá giá đối với máy cắt cỏ nhập khẩu và các bộ phận từ Việt Nam và Trung Quốc

III. Kết luận

Như phân tích ở trên, có thể thấy rằng kim ngạch xuất khẩu của các sản phẩm thiết bị linh kiện, phụ tùng ô tô của Việt nam sang các nước đặc biệt là Hoa Kỳ có sự giá tăng nhưng chưa ở mức đáng báo động. Tuy nhiên, mặt hàng thiết bị linh kiện, phụ tùng của Việt Nam vẫn

Nước nhập khẩu	Tháng 4/2024
World	159
Japan	
Denmark	29
Thailand	126
United States of America	
Korea, Republic of	
Australia	
China	
Czech Republic	
Germany	
Lao People's Democratic Republic	4

có thể có nguy cơ là đối tượng bị điều tra và áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại của nước ngoài. Vì vậy, về phía doanh nghiệp, doanh nghiệp cũng cần phải cân nhắc để có một chiến lược đa dạng hóa thị trường, tránh lệ thuộc quá nhiều vào một thị trường xuất khẩu tránh rủi ro, ngoài ra cần tìm hiểu các thông tin liên quan, tiếp cận thị trường, doanh nghiệp cũng cần chủ động tìm hiểu quy định cơ bản về phòng vệ thương mại;

Nước nhập khẩu	Tháng 4/2024	Nước nhập khẩu	Tháng 4/2024
World	107,621	Brunei Darussalam	45
Korea, Republic of	31,820	Portugal	
Malaysia	32,656	Chile	24
Japan	5,356	Spain	87
Thailand	7,894	United Arab Emirates	552
Singapore	3,687	United Kingdom	
United States of America	10,509	Cambodia	45
Australia	4,008	Uruguay	
Germany	2,805	Sri Lanka	36
Philippines	1,612	Finland	87
Sweden	658	Pakistan	29
Saudi Arabia	353	Venezuela, Bolivarian Republic of	52
Taipei, Chinese	236	Morocco	12
India	1,242	Kenya	17
Belgium	236	China	45
Italy	231	Brazil	130
New Zealand	390	Myanmar	
Qatar		Colombia	
Indonesia	285	Estonia	
South Africa	221	Ghana	46
Egypt		Iraq	51
Poland	31	Ireland	
Denmark	153	Israel	
Mexico	452	Kuwait	171
Lithuania	130	Lao People's Democratic Republic	
Canada	1,185	Latvia	
France	21	Netherlands	20

Cục Phòng vệ thương mại khuyến cáo các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu mặt hàng thiết bị linh kiện cần theo dõi diễn biến thị trường để đảm bảo quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp; chủ động xác định chiến lược sản xuất, kinh doanh phù hợp với xu hướng chính sách phòng vệ thương mại tại Hoa Kỳ, đa dạng hóa thị trường và sản phẩm xuất khẩu; hợp tác với các cơ quan chức năng của Việt Nam và Hoa Kỳ khi được yêu cầu.

I. Phân tích tình hình xuất nhập khẩu mặt hàng lớp cao su

Mặt hàng lớp cao su của Việt Nam gồm những sản phẩm thuộc các mã HS 4012.90. Nhìn chung, thị trường xuất

Nước nhập khẩu	Tháng 4/2024
World	302,046
Korea, Republic of	122,876
Japan	57,077
Malaysia	37,355
United States of America	44,123
Thailand	20,695
Singapore	6,489
Taipei, Chinese	7,971
Philippines	1,099
India	1,035
Indonesia	510
Australia	494
Israel	90
Hong Kong, China	163
New Zealand	219
United Arab Emirates	995
China	224
Brunei Darussalam	28
Italy	131
Egypt	258
Netherlands	
Cambodia	15
Saudi Arabia	140
Ghana	11
Morocco	27
Qatar	13
Russian Federation	9
Togo	

khẩu các mặt hàng lớp cao su thuộc mã HS nêu trên của Việt Nam rất đa dạng.

Đối với mã HS 4012.90.00, kim ngạch xuất khẩu sang các nước được thể hiện qua bảng bên dưới. Có thể thấy, đối với mã này, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam tương đối thấp, cao nhất chỉ đạt 300 nghìn USD trong năm 2020 và Thái Lan là quốc gia gần như duy nhất nhập khẩu nhiều nhất mã hàng này của Việt Nam.

Đối với mã HS 4012.90.10, kim ngạch xuất khẩu sang các nước được thể hiện qua bảng bên dưới. Có thể thấy, kim ngạch xuất khẩu của mã hàng này tương đối lớn, khi xuất khẩu tới 91 triệu USD năm 2020 và hơn 100 triệu USD các năm tiếp theo. Trong những năm gần đây, Hàn Quốc là quốc gia nhập khẩu nhiều mã hàng này nhất, đứng sau là Malaysia.

Mã HS 4012.90.22 là mã hàng có kim ngạch xuất khẩu cao nhất của Việt Nam. Theo đó, kim ngạch xuất khẩu sang các nước được thể hiện qua bảng bên dưới và có xu hướng tăng theo các năm. Cụ thể, năm 2019 Việt Nam xuất khẩu hơn 157 triệu USD, con số này gần như tương đương trong năm tiếp theo, tuy nhiên tăng lên 179 triệu USD trong năm 2021. Đến năm 2022, kim ngạch xuất khẩu tăng vọt lên 302 triệu USD và đạt đỉnh 305 triệu USD trong năm 2023.

II. Cảnh báo nguy cơ bị điều tra PVTM trong thời gian tới

Phần lớn doanh nghiệp lốp cao su của Việt Nam bị giảm đơn hàng, doanh thu lao dốc. Theo nhận định xuất khẩu lốp cao su năm tới sẽ tiếp tục gặp khăn do giá nguyên liệu sản xuất và sản phẩm tăng cao. Hiện, các đơn hàng từ thị trường Hoa Kỳ, EU, Anh đang sụt giảm mạnh, tác động tiêu cực trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành hiện nay. Bên cạnh đó, ngành lốp cao su cũng đang đối diện với vụ việc khởi xướng điều tra của Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đối với mặt hàng lốp cao su. Mới đây, Hiệp hội lốp cao su tổ chức khảo sát 52 doanh nghiệp ngành về tình hình đơn hàng, sản xuất kinh doanh. Kết quả cho thấy trong 45 doanh nghiệp hiện xuất khẩu đi Hoa Kỳ có 33 doanh nghiệp ghi nhận doanh thu giảm gần 40% so với các tháng đầu năm. Chỉ có 10 doanh nghiệp cho biết doanh thu tăng so với các tháng trước đó, tuy nhiên mức tăng chỉ khoảng 11%. Điều này xảy ra tương tự với thị trường EU. Cụ thể, trong số 38 doanh nghiệp tham gia thị trường này có tới 24 doanh nghiệp ghi nhận doanh thu giảm trên 41% so với các tháng trước đó. Chỉ có 4 doanh nghiệp cho biết nguồn thu tăng, ở mức 14%. Khoảng 71% doanh nghiệp cho biết tình hình đơn hàng từ nay đến cuối năm sẽ tiếp tục giảm. Theo đánh giá của các doanh nghiệp, với tình hình thị trường như hiện nay, 44% doanh nghiệp cho rằng nguồn thu của doanh nghiệp sẽ giảm khoảng 44% trong cả năm 2024.

Tuy nguồn thu của các doanh nghiệp Việt Nam được dự báo sẽ giảm trong tương lai, nhưng theo nhận định của tác giả, ngành lốp cao su có nguy cơ bị điều tra áp dụng biện pháp PVTM trong tương lai từ Hoa Kỳ. Điều này là do:

- *Hoa Kỳ tăng cường điều tra các mặt hàng xuất khẩu tỷ đô của Việt Nam*

Tính đến nay, Hoa Kỳ là quốc gia khởi xướng nhiều vụ việc PVTM nhất đối với hàng hóa của Việt Nam, lên tới 61 vụ việc. Trong đó có 27 vụ việc CBPG, 10 vụ việc CTC, 22 vụ việc chống lẫn tránh và 2 vụ việc tự vệ. Theo đó, Hoa Kỳ nhằm vào tất cả các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của ta, như cá tra, cá ba-sa, tôm nước ấm, ống thép cuộn cacbon... Dù đã điều tra, nhưng với thực trạng kim ngạch xuất khẩu lốp cao su của Việt Nam vẫn đang rất lớn, nên không loại trừ khả năng sẽ tiếp tục có những vụ việc PVTM trong tương lai. Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ bắt đầu ở mức 2,8 tỷ USD năm 2018, đã tăng lên 3,6 tỷ USD năm 2019. Đến năm 2020, kim ngạch tiếp tục tăng lên hơn 5 tỷ USD. Hai năm gần đây, kim ngạch vẫn ở mức cao, lần lượt là 5,7 tỷ USD và 5 tỷ USD.

- *Kim ngạch xuất khẩu lốp cao su vẫn tăng*

Hiện nay, lớp cao su đã được Cục PVTM đưa vào Danh sách cảnh báo do kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này vẫn tăng trưởng nhanh và thuộc nhóm xuất khẩu tỷ đô của Việt Nam. Trong năm 2018, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 4,6 tỷ USD. Bốn năm sau, kim ngạch đạt 6,5 tỷ USD, đạt mức tăng trưởng khoảng 15%/năm.

Do vậy, theo ý kiến của tác giả cần giám sát nguy cơ bị điều tra PVTM đối với mặt hàng này. Trong trường hợp những vụ việc mới nảy sinh, tác giả xin khuyến nghị doanh nghiệp một số nội dung sau:

- Trong trường hợp bị điều tra, Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan cần xác có chiến lược tham gia, xử lý vụ việc; hợp tác đầy đủ theo yêu cầu của Cơ quan điều tra; thường xuyên phối hợp để nhận được sự hỗ trợ từ cơ quan chức năng của Việt Nam.

- Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan cần rà soát lại việc xuất khẩu lớp cao su sang thị trường Hoa Kỳ (tham khảo các mã HS sau: 9403 và 4412), chuẩn bị ứng phó trong trường hợp Hoa Kỳ tiến hành điều tra vụ việc PVTM; chủ động nghiên cứu, nắm vững quy định, thủ tục điều tra PVTM của Hoa Kỳ;

III. Kết luận

Trong mười năm trở lại đây, tổng kim ngạch xuất khẩu lớp cao su của Việt Nam sang các nước đã đạt được những bước tiến lớn. Tuy nhiên, điều này dẫn tới hệ quả là các sản phẩm lớp cao su của Việt Nam đang gây sự chú ý đối với cơ quan điều tra nước ngoài. Chính vì vậy, để hạn chế rủi ro bị các nước điều tra áp dụng các biện pháp PVTM trong tương lai, các doanh nghiệp gang của Việt Nam nói chung cần tránh tăng trưởng nóng trong một vài thị trường nhất định. Thay vào đó, các doanh nghiệp nên cùng Hiệp hội gang nghiên cứu thâm nhập vào các thị trường mới để có thể duy trì mức tăng trưởng bền vững cho toàn ngành.

Việt Nam đứng thứ năm trong danh sách các nước sản xuất gạch men hàng đầu thế giới với quy mô ước tính đạt 5,16 tỷ USD vào năm 2023 và dự kiến đạt 9,78 tỷ USD vào năm 2028, tăng trưởng với tốc độ CAGR là 31.15% trong giai đoạn dự báo (2023-2028). Thị trường này đã phát triển mạnh mẽ và đạt quy mô lớn, với 4 dòng sản phẩm chính: gạch đất sét nung (Cotto), gạch tráng men (Ceramic), gạch xương sứ (Porcelain) và gạch Granite.

Hiện nay thị trường gạch men và gạch ốp lát Việt Nam đòi hỏi sự đa dạng về mẫu mã và công nghệ sản xuất tiên tiến. Do đó, các công ty đang đầu tư mạnh hơn vào công nghệ, dây chuyền sản xuất kích thước lớn và trang trí in kỹ thuật số để cạnh tranh hiệu quả. Tại Việt Nam, có khoảng hơn 90 công ty vừa và nhỏ tham gia sản xuất, cùng hàng nghìn đơn vị nhỏ lẻ cũng tham gia vào dây chuyền. Đa phần các công ty hiện nay đều sản xuất gạch Ceramic, đây cũng là phân khúc có mức độ cạnh tranh cao nhất trên thị trường. Công suất của thị trường gạch men Việt Nam hiện đạt 750 triệu m²/năm; cung ứng cho thị trường nhiều chủng loại sản phẩm. Đặc biệt, không chỉ đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước, ngành gạch men ốp lát còn xuất khẩu đến nhiều thị trường quốc tế như ASEAN, Mỹ, Cu Ba...

Ông Đinh Quang Huy - Chủ tịch Hiệp hội Gốm sứ xây dựng Việt Nam - cho hay, việc xuất khẩu ra thế giới là bước tiến lớn của ngành gạch men ốp lát Việt Nam trong thời gian qua. Mặc dù vậy, song hành với tăng trưởng xuất khẩu, mặt hàng này đã và đang đối diện với thách thức lớn trước các biện pháp PVTM từ các thị trường xuất khẩu. Liên tiếp gần đây, gạch men ốp lát đã bị nhiều thị trường xuất khẩu khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp PVTM, như Philippines, Malaysia. Đặc biệt, năm 2020, Đài Loan (Trung Quốc) đã khởi xướng điều tra chống bán phá giá đối với gạch men ốp lát xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường này. Theo đại diện Hiệp hội Gốm sứ xây dựng Việt Nam, việc bị điều tra áp dụng biện pháp PVTM đối với gạch men ốp lát là điều mà ngành này xác định trong bối cảnh hội nhập của nền kinh tế. Tuy nhiên, PVTM là vấn đề mới, kinh nghiệm ứng phó của doanh nghiệp (DN) còn ít, nên trong nhiều vụ việc DN, ngành sản xuất gặp không ít khó khăn, lúng túng.

Tuy nhiên, ông Đinh Quang Huy cho biết, với sự trợ giúp, hỗ trợ từ cơ quan Nhà nước, trong đó có Bộ Công Thương và chính sự chủ động, hợp tác tích cực của ngành, DN, các vụ việc điều tra PVTM đối với gạch men ốp lát xuất khẩu hầu hết đã có kết quả rất tích cực; các thị trường đều áp thuế ở mức thấp, thậm chí là 0% đối với gạch ốp lát Việt Nam. Như, ngày 9/4/2021, Cơ quan quản lý tài chính Đài Loan (MOF) đã ban hành kết quả sơ bộ vụ việc, theo đó, biên độ phá giá của các DN Việt Nam được xác định ở mức 0% - 28,60%.

1.2. Tình hình sản xuất và tiêu thụ trong nước của sản phẩm gạch men

Giai đoạn trước năm 2020, sản lượng tiêu thụ gạch ốp lát bằng 90-95% sản lượng sản xuất, trong đó tiêu thụ nội địa 80%, 20% là xuất khẩu. Tuy nhiên, trong 4 năm gần đây, sản xuất và tiêu thụ đều giảm mạnh, năm 2023 chỉ đạt 305 triệu m², bằng 85% sản lượng sản xuất. Tháng đầu năm 2024, ước tiêu thụ bằng cùng kỳ, với 166 triệu m².

Quy mô công suất lớn, vượt so với cầu, đầu ra tại thị trường trong nước bị thu hẹp bởi thiếu vắng các dự án bất động sản, nên ngành sản xuất này đang gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, một lượng lớn sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc, Ấn Độ... đổ bộ vào nội địa, cạnh tranh với hàng sản xuất trong nước nên khó khăn càng chồng chất. Dữ liệu thống kê cho thấy, năm 2022-2023, nhập khẩu gạch ốp lát lên tới 100 triệu USD, tương đương 2.400 tỷ đồng, tăng 66% so với năm 2021, riêng nhập khẩu từ Ấn Độ hơn 50 triệu USD (hơn 1.200

tỷ đồng). Theo các doanh nghiệp sản xuất, chi phí nhiên liệu than chiếm tỷ trọng 30% còn giá điện chiếm 8-10% trong chi phí sản xuất, việc tăng giá than và điện thời gian qua đã làm tăng chi phí sản xuất thêm 6%. Nhưng giá bán sản phẩm của các doanh nghiệp lại không tăng. Từ cách đây vài năm, Bộ Xây dựng đã lưu ý tới các ngành sản xuất vật liệu chính yếu như xi măng, gạch ốp lát, kính xây dựng trước thực trạng tổng công suất đầu tư cả 3 lĩnh vực này đều có cung vượt cầu, khiến tiêu thụ thấp hơn sản lượng sản xuất.

Trong nhiều năm gần đây, Ý là quốc gia luôn dẫn đầu về tổng kim ngạch xuất khẩu gạch men cùng loại vào Hoa Kỳ, trị giá xuất khẩu của nước này đạt mức cao nhất là 2,18 tỷ USD vào năm 2022, chiếm 31,08% tổng thị phần. Cũng trong năm 2022, Việt Nam đứng thứ 9 trong Top 10 quốc gia xuất khẩu gạch men sang Hoa Kỳ với thị phần tương đương 1,19%, đạt 83,28 triệu USD. Trị giá xuất khẩu của 10 quốc gia xuất khẩu chính gạch men cùng loại sang thị trường Hoa Kỳ trong đó có Việt Nam chiếm 64,28% tổng thị phần. Tổng trị giá xuất khẩu của các quốc gia khác ngoài Top 10 tương đối cao và đồng đều, đạt 9,71 tỷ USD và chiếm khoảng 35,72% tổng kim ngạch.

Sang đến năm 2023, tổng kim ngạch nhập khẩu gạch men cùng loại của Hoa Kỳ có sự sụt giảm xuống chỉ còn 6,23 tỷ USD. Phần lớn các quốc gia thuộc Top 10 nguồn cung ứng chính cũng sụt giảm về trị giá xuất khẩu. 2 thị trường hàng đầu là Ý và Tây Ban Nha giảm lần lượt 17,7% và 15,02% so với cùng kỳ năm trước đó, đạt 1,79 và 1,51 tỷ USD. Quốc gia có sự sụt giảm lớn nhất về trị giá xuất khẩu là Thổ Nhĩ Kỳ, mức giảm lên tới 29,38% so với năm 2022, xuống còn 430,88 triệu USD và đánh mất vị trí thứ 4 vào tay Ấn Độ sau khi Ấn Độ có kim ngạch xuất khẩu tăng 17,38%. Việt Nam là quốc gia có sự tăng trưởng ấn tượng nhất trong năm 2023 khi kim ngạch nhập khẩu tăng đến 78,97%, đạt hơn 149 triệu USD và đứng thứ sáu trong các thị trường xuất khẩu chính.

Trong 4 tháng đầu năm 2024, tình hình xuất khẩu gạch men cùng loại sang Hoa Kỳ ghi nhận mức tăng nhỏ về tổng trị giá nhập khẩu. Tổng kim ngạch nhập khẩu gạch men tháng đầu năm tăng 0,07% so với cùng kỳ năm trước đó, tăng hơn 1,6 triệu USD. Hầu hết các quốc gia thuộc Top 10 nguồn cung ứng chính đều gia tăng về trị giá xuất khẩu, hai nước xuất khẩu cao là Ý và Tây Ban Nha đều gia tăng nhẹ ở mức hơn 4%, lần lượt đạt 719,94 triệu USD và 596,71 triệu USD. Ma-lai-xi-a là quốc gia có mức tăng trưởng ấn tượng nhất lên đến gần 56%, đạt gần 43 triệu USD. Tiếp theo đó là Việt Nam với mức tăng 37%, đạt

69,58 triệu USD về kim ngạch xuất khẩu. Trong các quốc gia có kim ngạch xuất khẩu sụt giảm, Mê-hi-cô và Bra-xin giảm ở mức giao động từ 13,82% đến 15,48%, còn Thổ Nhĩ Kỳ giảm 25,48% trị giá xuất khẩu. Pê-ru có mức sụt giảm cao nhất lên đến 44,38% so với cùng kỳ năm trước đó, chỉ đạt 17,72 triệu USD.

4 tháng đầu năm 2023, Ý dẫn đầu khi chiếm 28,5% tổng thị phần toàn ngành trong khi Tây Ban Nha xếp thứ 2 với thị phần là 23,57%. Sang đến hết nửa đầu năm 2024, vị trí của các quốc gia xuất khẩu hàng đầu không có sự biến động đáng kể, Ý vẫn là nguồn cung ứng lớn nhất với thị phần tăng nhẹ lên mức 29,62%. Hầu hết các quốc gia đều có sự tăng trưởng về thị phần trong tháng đầu năm 2024 trừ Pê-ru, Thổ Nhĩ Kỳ và Bra-xin có sự sụt giảm nhẹ dao động ở mức từ 0,58% đến 1,76%.

2.2. Phân tích xuất khẩu gạch men của Việt Nam sang Hoa Kỳ

Năm 2021, Việt Nam có trị giá xuất khẩu gạch men đạt 67,56 triệu USD, tương đương với 1,1% thị phần. Sang năm 2022, kim ngạch xuất khẩu tăng 23,25% so với cùng kỳ năm trước đó, đạt hơn 83 triệu USD, giúp thị phần của Việt Nam tăng lên 1,19%. Năm 2023, gạch men Việt Nam tiếp tục thể hiện sự tăng trưởng ấn tượng và đạt kim ngạch lên đến hơn 149 triệu USD sang thị trường Hoa Kỳ, tăng tới gần 80% so với năm 2022. Việt Nam từ nguồn cung ứng đứng thứ chín trong Top 10 nguồn cung ứng chính đã vượt qua Thái Lan và Ma-lai-xi-a đã vươn lên vị trí thứ tư với thị phần chiếm 2,39% toàn ngành.

Trị giá xuất khẩu sản phẩm gạch men từ Việt Nam sang Hoa Kỳ từ năm 2021 đến năm 2023

4 tháng đầu năm 2024, Việt Nam tiếp tục có sự tăng trưởng mạnh về trị giá xuất khẩu, tăng hơn 37% so với cùng kỳ năm trước đó và đạt 69,58 triệu USD. Với sự tăng trưởng này, thị phần của Việt Nam đạt 2,86%, tiếp tục duy trì vị trí thứ bảy trong Top 10 nguồn cung ứng chính của Hoa Kỳ.

Trị giá xuất khẩu sản phẩm gạch men từ Việt Nam sang Hoa Kỳ 4T/2023 và 4T/2024

3. Cập nhật thông tin các vụ việc điều tra PVTM đối với mặt hàng gạch men

Cùng với việc Việt Nam tham gia vào nhiều hiệp định thương mại tự do, các hàng rào thuế quan dần được dỡ bỏ, sản phẩm gạch men trong nước ngày càng trên đà tăng trưởng mạnh

nhờ có lợi thế khi sang các thị trường nước ngoài. Dù vậy, sự tăng trưởng xuất khẩu cũng đi kèm với rủi ro về việc bị điều tra phòng vệ thương mại, và ngành gạch men không phải ngoại lệ. Áp lực từ sản phẩm nhập khẩu buộc Chính phủ một số quốc gia phải sử dụng các công cụ chính sách để bảo vệ lợi ích của ngành sản xuất trong nước, trong đó có các biện pháp phòng vệ thương mại - là công cụ được Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) cho phép.

3.1. Tình hình áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đối với mặt hàng gạch men của Việt Nam tại các quốc gia trên thế giới

Tại Argentina, sản phẩm gạch men của Việt Nam đã bị áp thuế chống bán phá giá 31,15% từ năm 2018.

Năm 2019-2021, Philippines và Malaysia sau một thời gian điều tra đều đã quyết định dừng điều tra tự vệ đối với gạch ốp lát nhập khẩu do kết luận không có sự gia tăng nhập khẩu sản phẩm bị điều tra và mối quan hệ nhân quả giữa sự gia tăng nhập khẩu và thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước.

Trong khi đó, năm 2021, Đài Loan (Trung Quốc) đã chính thức áp thuế chống bán phá giá đối với gạch ốp lát có xuất xứ từ Việt Nam, Ấn Độ, Malaysia và Indonesia. Mức thuế được tính toán cho các doanh nghiệp Việt Nam dao động từ 2,23% đến 19,41%. Trong đó, có 6 doanh nghiệp được hưởng thuế chống bán phá giá 0%. Biện pháp chống bán phá giá có hiệu lực trong 5 năm, tức sẽ kéo dài đến tháng 40/2026.

Cũng năm 2021, Indonesia khởi xướng rà soát cuối kỳ để xác định sự cần thiết của việc tiếp tục gia hạn biện pháp tự vệ đối với sản phẩm gạch ốp lát nhập khẩu đang được áp dụng từ năm 2019, trong đó có sản phẩm nhập khẩu từ Việt Nam. Sau rà soát, Indonesia quyết định tiếp tục áp dụng biện pháp tự vệ trong 3 năm đối với gạch ốp lát nhập khẩu, mức thuế tự vệ giảm dần từng năm: năm thứ nhất 17% (tháng 41/2021 - tháng 40/2022); năm thứ hai 15% (tháng 41/2022 - tháng 40/2023); năm thứ ba về 13% (tháng 41/2023 - tháng 40/2024). Như vậy, trong năm 2024 tới đây, khi biện pháp tự vệ hết thời gian có hiệu lực, Indonesia hoàn toàn có thể tiếp tục khởi xướng điều tra gia hạn để áp dụng thêm.

3.2. Tình hình áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đối với mặt hàng gạch men (bao

gồm 40 mã HS đã cho) của Việt Nam tại thị trường Hoa Kỳ

Gạch men là một trong những mặt hàng liên tục được Bộ Công Thương cảnh báo về nguy cơ bị điều tra phòng vệ thương mại tại thị trường Hoa Kỳ tháng 7/2020. Đối với gạch men (ceramic tile) xuất khẩu sang Hoa Kỳ, Hoa Kỳ đã chính thức áp dụng thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với sản phẩm tương tự nhập khẩu từ Trung Quốc kể từ tháng 4/2020.

Cục Phòng vệ thương mại cho biết, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng gạch men của Việt Nam sang Hoa Kỳ đang có xu hướng tăng nhanh, từ 269 nghìn USD năm 2018 lên tới 2,8 triệu USD năm 2019. Trong giai đoạn 14 tháng từ tháng 7 năm 2022 đến tháng 6 năm 2023, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ đã đạt 30,7 triệu USD, tăng 36,6% so với giai đoạn trước. Thị phần của Việt Nam có xu hướng tăng nhưng tỷ trọng kim ngạch của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của Hoa Kỳ còn nhỏ, mới chỉ chiếm 1,4%.

Dự báo xuất khẩu gạch men của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ sẽ tiếp tục tăng nhanh trong giai đoạn tới trong bối cảnh xuất khẩu gạch men của Trung Quốc sang Hoa Kỳ giảm mạnh vì bị áp thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp. Vì vậy, Cục Phòng vệ thương mại cho rằng cần giám sát việc cấp giấy chứng nhận xuất xứ và khai báo xuất xứ và tiếp tục theo dõi nguy cơ bị điều tra chống lẩn tránh thuế và các biện pháp phòng vệ thương mại đối với mặt hàng này. Các doanh nghiệp xuất khẩu sang Hoa Kỳ cũng cần lưu ý tránh sử dụng các nguyên liệu chính nhập khẩu từ Trung Quốc để sản xuất sản phẩm này.

4. Nhận định và kiến nghị dành cho mặt hàng gạch men

Việc hàng xuất khẩu của Việt Nam phải đối mặt với ngày càng nhiều cuộc điều tra phòng vệ thương mại nước ngoài hơn là một hệ quả tất yếu khi xuất khẩu tăng trưởng nhanh và ta tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu trong bối cảnh tình hình thế giới đang có nhiều biến động. Thời gian qua, các doanh nghiệp gạch men đã có nhận thức tốt hơn về vấn đề phòng vệ thương mại, có sự chuẩn bị để ứng phó kịp thời. Tuy nhiên, hạn chế về nhân sự am hiểu lĩnh vực này, hạn chế về nguồn lực tài chính, cộng thêm những rào cản như về thị trường, ngôn ngữ,... vẫn là những thách thức lớn đặt ra cho doanh nghiệp. Để hỗ trợ doanh nghiệp hiệu quả, Bộ Công Thương đã chủ động phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương,

hiệp hội, doanh nghiệp xử lý hiệu quả thông qua các hoạt động đa dạng như: (i) cảnh báo sớm nguy cơ bị điều tra phòng vệ thương mại để doanh nghiệp chủ động xây dựng kế hoạch xử lý; (ii) trao đổi kịp thời với hiệp hội, doanh nghiệp để cung cấp thông tin cập nhật giúp doanh nghiệp nắm được diễn biến vụ việc; (iii) tư vấn pháp lý, quy trình thủ tục điều tra, quy định/thông lệ điều tra của nước khởi kiện và đưa ra các khuyến nghị, hướng xử lý cụ thể cho doanh nghiệp; (iv) trao đổi, tham vấn đưa ra quan điểm của ta về các khía cạnh pháp lý và thực tiễn của vụ việc với Cơ quan điều tra của nước ngoài, đề nghị tuân thủ các quy định của Tổ chức thương mại thế giới (WTO); (v) xem xét khởi kiện các biện pháp phòng vệ thương mại của cơ quan điều tra nước ngoài nếu có dấu hiệu vi phạm các quy định của WTO.

Các hoạt động trên đã đem lại những kết quả tích cực. Đơn cử như trong vụ việc với Đài Loan (Trung Quốc), có 6 doanh nghiệp Việt Nam được hưởng thuế 0% và các doanh nghiệp còn lại được hưởng mức thuế thấp hơn so với cáo buộc ban đầu, hay mức thuế mà Indonesia đưa ra cho giai đoạn 2021-2024 cũng thấp hơn so với mức thuế đã được áp dụng trong giai đoạn 2018-2021 trước đó.

Việt Nam tiếp tục thực hiện các Hiệp định FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, UKVFTA, cùng với những lợi thế của ngành gạch men như nguyên liệu dồi dào, dây chuyền sản xuất hiện đại, đội ngũ lao động có tay nghề,... sẽ giúp hàng hóa của ta có lợi thế quan trọng tại các thị trường xuất khẩu. Do vậy, các quốc gia sẽ có xu hướng áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại ngày càng nhiều và hàng xuất khẩu Việt Nam cũng sẽ phải đối mặt với ngày càng nhiều cuộc điều tra phòng vệ thương mại nước ngoài.

Để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của ngành gạch men trong nước, Cục Phòng vệ thương mại khuyến nghị các doanh nghiệp:

Một là, tích cực tìm hiểu quy định pháp luật, thực tiễn điều tra phòng vệ thương mại, chống lẫn tránh của các nước xuất khẩu, đặc biệt là đối với các thị trường mục tiêu.

Hai là, thường xuyên cập nhật thông tin cảnh báo sớm từ Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại) để có hành động sớm, kịp thời và có chiến lược xuất khẩu phù hợp, đồng thời thiết lập các kênh thông tin với các đối tác, các Hiệp hội, ngành hàng để kịp thời cập nhật, xử lý các vụ kiện, tình huống phát sinh;

Ba là, đa dạng hóa thị trường, đa dạng hóa sản phẩm, tránh tăng trưởng xuất khẩu quá nóng vào một thị trường, đặc biệt là đối với các thị trường thường xuyên sử dụng công cụ phòng vệ thương mại hoặc đã từng điều tra phòng vệ thương mại đối với hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam;

Bốn là, nâng cao chuỗi giá trị của sản phẩm, đồng thời chuyển dần sang cạnh tranh bằng chất lượng và hạn chế việc cạnh tranh bằng giá; có chiến lược kiểm soát lượng xuất khẩu và giá bán một cách phù hợp để tránh bị coi là bán phá giá, nhận trợ cấp;

Năm là, hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp, triển khai hệ thống quản lý, truy xuất nguồn gốc nguyên liệu rõ ràng, minh bạch; áp dụng hệ thống kế toán theo chuẩn quốc tế, lưu giữ đầy đủ hóa đơn, chứng từ để có thể chứng minh không bán phá giá, không trợ cấp, không lẩn tránh khi bị điều tra;

Sáu là, hợp tác đầy đủ, toàn diện, cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan điều tra nước ngoài khi là đối tượng bị điều tra và phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại) trong quá trình ứng phó vụ việc để được hướng dẫn, hỗ trợ kịp thời.

THEO DÕI MẶT HÀNG DỆT MAY XUẤT KHẨU

1. Tình hình nhập khẩu mặt hàng

a) Phân tích tình hình nhập khẩu các mặt hàng dệt may vào Việt Nam

Về thị trường nhập khẩu, 4 tháng đầu năm 2024, lượng nhập khẩu dệt may nguyên liệu từ các thị trường lớn như: Cameron, EU, Mỹ, Thái Lan, Trung Quốc, Lào... giảm so với cùng kỳ năm 2022. Trong khi đó, lượng nhập khẩu từ một số thị trường châu Phi lại tăng như: Congo, Angola, Suriname, Gabông... Về chủng loại, 4 tháng đầu năm 2024, lượng nhập khẩu các chủng loại dệt may lớn như: dệt may lim, thông, sồi, dương, hương... giảm so với cùng kỳ năm 2022. Trong khi đó, lượng nhập khẩu một số chủng loại tăng như: dệt may tần bì, gỗ, cao su, vân sam, căm xe, bằng lăng, dổi, mít...

Biểu đồ 01: Kim ngạch nhập khẩu dệt may và sản phẩm dệt may về Việt Nam theo tháng trong từ năm 2020 - 2024

Về thị trường nhập khẩu, 4 tháng đầu năm 2024, lượng nhập khẩu dệt may nguyên liệu từ các thị trường lớn như: Cameron, EU, Mỹ, Thái Lan, Trung Quốc, Lào... giảm so với cùng kỳ năm 2022. Trong khi đó, lượng nhập khẩu từ một số thị trường châu Phi lại tăng như: Congo, Angola, Suriname, Gabông...

Về chủng loại, 4 tháng đầu năm 2024, lượng nhập khẩu các chủng loại dệt may lớn như: dệt may lim, thông, sồi, dương, hương... giảm so với cùng kỳ năm 2022. Trong khi đó, lượng nhập khẩu một số chủng loại tăng như: dệt may tần bì, gỗ, cao su, vân sam, căm xe, bằng lăng, dổi, mít...

Về các mặt hàng cụ thể, 4 tháng đầu năm 2024, trong khi mặt hàng dệt may dán được sản xuất từ gỗ cứng chủ yếu xuất khẩu sang Mỹ giảm mạnh, do chịu tác động của cuộc điều tra do Bộ Thương mại Mỹ (DOC) tiến hành từ giữa năm 2021 về chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá và thuế trợ cấp, thì sản phẩm gỗ dán sử dụng trong xây dựng (dệt may dán phủ film) xuất khẩu sang thị trường Mỹ, EU lại tăng. Trong 4 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng ván sợi sang thị trường Ấn Độ đạt 21,19 triệu USD, tăng 3 lần so với cùng kỳ năm 2022 (7,6 triệu USD). Ván sợi hiện chiếm 47% tổng giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Ấn Độ. Với mặt hàng ván bóc, xuất khẩu trong 4 tháng đầu năm đạt 69,4 triệu USD, tăng 9% so với cùng kỳ năm 2022. Các thị trường chính nhập khẩu mặt hàng này như Trung Quốc (57,2 triệu USD), Campuchia (3,4 triệu USD) đều tăng lần lượt 1% và 20% so với cùng kỳ năm 2022. Ngoài ra, xuất khẩu ván bóc sang thị trường Ấn Độ cũng tăng mạnh từ 284,5 ngàn USD trong 4 tháng đầu năm 2022 lên 3,1 triệu USD trong 4 tháng đầu năm 2024. Mặc dù giá dăm gỗ xuất khẩu giảm rất mạnh so với cuối năm 2022, tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu dăm gỗ trong 4 tháng năm 2024 đạt trên 4,1 triệu tấn, với trị giá 704,4 triệu USD, tăng 3% so với cùng kỳ năm 2022. Trung Quốc và Nhật Bản vẫn là 2 thị trường chính tiêu thụ dăm gỗ xuất khẩu từ Việt Nam, trong đó xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm trên 70%. Xuất khẩu viên nén 4 tháng đầu năm đạt 1,2 triệu tấn, kim ngạch 213,04 triệu USD, giảm 22% về lượng và 10% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022. Đặc biệt giá xuất khẩu viên nén đã giảm rất mạnh. Tuy nhiên, dự kiến trong tháng 6 và tháng 7 này nhu cầu viên nén tại thị trường Hàn Quốc sẽ tăng trở lại với lượng tiêu thụ là 100.000 tấn/tháng. Trong khi đó tại thị trường Nhật Bản, các doanh nghiệp Việt đã ký được các hợp đồng dài hạn 2 - 3 năm cung cấp viên nén cho thị trường này. Có thể thấy, hai thị trường nhập khẩu lớn viên nén của Việt Nam là Hàn Quốc và Nhật Bản, chiếm 98% tổng lượng đã và

đang có tín hiệu tốt. Thị trường EU dường như đã dần ổn định sau cơn sốt các nguồn cung ứng năng lượng, bao gồm cả nhiên liệu sinh khối. Tuy nhiên, với những cam kết giảm mạnh phát thải và tăng cường sử dụng năng lượng sinh học, dự báo xuất khẩu viên nén sẽ phục hồi cả về giá cả và khối lượng từ những tháng cuối năm 2024. Mặc dù phải đối diện với rất nhiều khó khăn, chủ yếu do các tác động từ bên ngoài, tuy nhiên, với vị thế hiện có trong thương mại gỗ toàn cầu, cùng với năng lực cạnh tranh đã được thử thách và đội ngũ doanh nhân đã tích lũy nhiều kinh nghiệm thương trường, doanh nghiệp gỗ Việt sẽ sớm lấy lại đà tăng trưởng khi thị trường gỗ toàn cầu phục hồi.

a) Phân tích tình hình nhập khẩu mặt hàng dệt may theo thị trường cung ứng:

Hàn Quốc và Nhật Bản là hai thị trường nhập khẩu viên nén nhiều nhất của Việt Nam. Lượng và kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này vào hai quốc gia trên luôn chiếm gần 100% tổng lượng và giá trị xuất khẩu từ Việt Nam từ tất cả các thị trường trong suốt giai đoạn 2019 đến nay (Hình 1). Tuy nhiên, tình hình xuất khẩu sang hai thị trường này lại có diễn biến trái ngược trong 6 tháng đầu năm 2024. Tới tháng 6/2024, Nhật Bản nhập khẩu hơn 1,16 triệu tấn viên nén, trị giá hơn 195 triệu USD, tăng 5,65% về lượng và 28,88% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022. Trong khi đó, Hàn Quốc nhập khẩu hơn 840 ngàn tấn viên nén, trị giá gần 116 triệu USD, giảm hơn 33% về lượng và gần 43% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022.

Hình 1: Lượng và giá trị xuất khẩu viên nén của Việt Nam tại một số thị trường chính giai đoạn 2019 – 6T/2024

Nguồn: Theo tính toán số liệu từ Tổng Cục Hải quan

b) Đánh giá chung về tình hình sản xuất trong nước

a) Quy mô thị trường mặt hàng dệt may trong nước

Việt Nam đã trở thành một trong những quốc gia sản xuất, xuất khẩu đồ dệt may lớn nhất thế giới. Cùng với sự cạnh tranh quyết liệt với những quốc gia khác, các doanh nghiệp dệt may Việt Nam đang gặp rất nhiều khó khăn tại các thị trường xuất khẩu do những quy định mới về nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm, thuế và các định chế thương mại liên quan.

Trong năm 2024, mặc dù kim ngạch xuất khẩu dệt may và sản phẩm có tăng trưởng nhưng chỉ đạt 79% kế hoạch đề ra, cho thấy tiềm ẩn những nguy cơ cần giải quyết. Khó khăn với ngành dệt may có thể kéo dài khi những yếu tố bất lợi vẫn hiện hữu như khủng hoảng địa chính trị lan rộng, suy thoái kinh tế thế giới, các thị trường xuất khẩu chính chưa phục hồi. Cùng với đó, ngành dệt may vẫn đối mặt những thách thức như đơn hàng phải cạnh tranh và yêu cầu về mẫu mã, chất lượng cao. Các rào cản thương mại nước ngoài ngày càng khắt khe, các chứng chỉ về quản lý rừng bền vững hay chứng chỉ giảm phát thải các-bon sau này bắt buộc sản phẩm dệt may khi xuất sang thị trường các nước phải tuân thủ. Nhiều thị trường lớn như EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ... đã yêu cầu các doanh nghiệp xuất khẩu dệt may phải có chứng chỉ bền vững, minh bạch trong chuỗi nguồn cung đã tác động đến các nhà sản xuất. Một số quốc gia nhập khẩu khác còn yêu cầu doanh nghiệp dệt may Việt Nam phải cung cấp các chứng nhận liên quan nguồn gốc sản phẩm, tình trạng sử dụng lao động, tiền lương, xử lý chất thải,... Hơn thế nữa, các doanh nghiệp xuất khẩu dệt may hiện phải đối diện với những thách thức mới về cam kết quốc tế như tuân thủ quy định của EU về chống phá rừng, trách nhiệm giải trình ngành dệt may để thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế theo luật Lacey (Mỹ), cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon (CBAM) do Ủy ban châu Âu (EC) đề xuất... Do vậy, những tháng còn lại của năm 2024, xuất khẩu dệt may và sản phẩm dệt may của Việt Nam sẽ vẫn còn tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức. Hiện tại Mỹ đang là thị trường nhập khẩu dệt may và các sản phẩm từ dệt may của Việt Nam nhiều nhất trong các thị trường nhập khẩu, tỷ trọng đạt khoảng 60% mỗi năm. Từ đầu năm 2022 đến nay, các doanh nghiệp xuất khẩu dệt may Việt Nam liên tục phải đối mặt với các vụ kiện chống bán phá giá từ Mỹ, Hàn Quốc,... Gần đây, Cơ quan đại diện thương mại của Mỹ cáo buộc ngành dệt may Việt Nam sử dụng dệt may bất hợp pháp tại thị trường nội địa và trong sản phẩm xuất khẩu vào nước này và Hàn Quốc đang điều tra để đưa ra phán quyết về thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm ván ép của các doanh nghiệp.

b) Tình hình tiêu thụ mặt hàng dệt may trong nước

Nhu cầu sử dụng hàng hóa, đặc biệt là về hàng hóa không thiết yếu như đồ gỗ, giảm mạnh. Một số nhà nhập khẩu đồ dệt may lớn trên thế giới đã phá sản. Nhiều DN ngành dệt may của Việt Nam phải thu hẹp quy mô sản xuất, một số DN thậm chí phải đóng cửa. Trong mặt hàng gỗ, xuất khẩu viên nén dệt may có mức sụt giảm khá lớn. Vốn được sử dụng nguyên liệu đầu vào là những phụ phẩm tương tự bỏ đi, nhưng mỗi năm xuất khẩu viên nén dệt

may đóng góp hàng trăm triệu USD trong kim ngạch xuất khẩu dệt may và con số này kỳ vọng đạt 1 tỷ USD trong năm 2024. Thế nhưng, kim ngạch xuất khẩu viên nén dệt may trong năm nay dự kiến giảm 15 - 17% so với năm 2022. Cầu viên nén trên thế giới sẽ đạt khoảng 31 tỷ USD tới năm 2030. Cầu viên nén tại Nhật tới 2030 tăng khoảng 3 lần so với hiện tại. Một số công ty Mỹ chuyển hướng xuất khẩu từ EU sang Nhật, do một số công ty Nhật trả giá ưu đãi (premium) đối với các hợp đồng có mức giá cố định (fix) đối với các hợp đồng dài hạn. Các hợp đồng dài hạn đối với thị trường Nhật Bản kí từ năm 2021 bắt đầu giai đoạn mở rộng, lượng xuất khẩu vào thị trường này tăng. Tổng xuất khẩu viên nén từ tất cả các thị trường vào Nhật Bản trong 6 tháng đầu 2024 tăng 50% so với cùng kỳ năm trước. Cầu viên nén (và dăm gỗ) cho tiêu thụ nội địa tăng trong tương lai do (i) cam kết giảm phát thải của Chính phủ Việt Nam và (ii) các doanh nghiệp tự giác chuyển đổi từ nguồn nguyên liệu phát thải cao sang viên nén. Do đó, cần có đánh giá nhu cầu tiêu thụ viên nén nội địa trong tương lai. Erex sẽ bắt đầu sử dụng dăm dệt may để đồng đốt với than ở nhà máy Na Dương (110 MW), sử dụng 6.000 tấn viên nén, đưa tỉ lệ sử dụng biomass từ 5% tới 20% trong tháng 8-9 tới. Erex xây dựng nhà máy viên nén tại Yên Bái – dự kiến hoàn thành vào năm 2024 và bắt đầu thương mại vào tháng 1 năm 2025. Việc thay thế (một phần) than sang viên nén tại một số nhà máy điện và lò hơi có thể hình thành cầu sử dụng viên nén tại thị trường nội địa trong tương lai, đặc biệt nếu Chính phủ ban hành các chính sách khuyến khích việc chuyển đổi. Cạnh tranh giữa viên nén XK và tiêu thụ nội địa (và nguồn nguyên liệu) có thể diễn ra trong tương lai không. Lượng viên nén của Việt Nam xuất sang Hàn Quốc giảm không phải là giảm cầu tại thị trường này mà do các DN Hàn Quốc nhập khẩu viên nén từ các nguồn cung khác. Nhận định chung về bức tranh xuất khẩu của ngành dệt may trong năm 2024 cũng như dự đoán thị trường sắp tới, ngành dệt may đang đứng trước rất nhiều thách thức, đặc biệt là các vấn đề về tranh chấp thương mại, trong đó nổi cộm là kinh doanh dệt may bất hợp pháp; vấn đề bảo đảm môi trường; vấn đề khai dệt may ở những vùng rừng không có chứng nhận an toàn cao... Để cụ thể hóa doanh số xuất khẩu, ngành dệt may đang tập trung vào nhiều vấn đề trọng tâm trong đó đẩy mạnh thị trường, coi đây là một trong hai chân trụ của DN (hạ tầng sản xuất, thị trường) theo hướng phát triển bền vững. Nếu không xây dựng tốt thị trường sẽ ảnh hưởng rất lớn đến doanh số xuất khẩu dệt may trong năm năm 2024.

c) Đánh giá và khuyến nghị

Việt Nam với vị thế thuộc nhóm các nước có tỷ trọng xuất khẩu dệt may hàng đầu thế giới, ngành dệt may Việt Nam đã mở rộng thị trường xuất khẩu, thâm nhập sâu hơn vào các thị trường quan trọng như Mỹ, EU, Hàn Quốc, Nhật Bản và ngày càng hiện diện nhiều hơn tại các thị trường mới nổi như UAE, Ấn Độ... Với nhiều thế mạnh về phát triển lâm nghiệp, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và các hiệp định thương mại tự do, xuất khẩu dệt may và sản phẩm dệt may của Việt Nam đã đạt được nhiều thành công trên thị trường quốc tế. Ngành dệt may Việt Nam có vị thế thuận lợi để tận dụng nhu cầu mạnh mẽ từ thị trường trong nước và quốc tế. Đồng thời, các doanh nghiệp đang đầu tư công nghệ mới, chuyển đổi kỹ thuật số để phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới, nâng cao khả năng cạnh tranh, tăng tính hiệu quả và năng suất hơn. Mặc dù nhiều thuận lợi nhưng ngành dệt may vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn khi các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam ngày càng yêu cầu chặt chẽ việc kiểm soát nguồn gốc dệt may đảm bảo hợp pháp, không làm ảnh hưởng đến suy thoái, mất rừng, sản xuất xanh, giảm phát thải khí nhà kính... Nguy cơ gian lận thương mại, giả xuất xứ sản phẩm hàng hóa ngày càng gia tăng; cạnh tranh thương mại diễn ra phức tạp cũng là thách thức không nhỏ đối với các doanh nghiệp xuất khẩu đồ dệt may Việt Nam. Ngoài các yếu tố khách quan, năng lực nội tại của các doanh nghiệp cũng còn hạn chế khi phần lớn doanh nghiệp chủ yếu gia công theo đơn hàng và mẫu mã của các nhà phân phối nước ngoài. Sản xuất, xuất khẩu tăng trưởng nhiều năm liên tục nhưng dựa vào lao động và nguyên liệu giá rẻ, giá trị gia tăng của sản phẩm không cao. Đa số các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, chưa đủ năng lực xây dựng thương hiệu; sức chống chịu kém trước các biến động bất ngờ và liên tục từ thị trường. Các sản phẩm ít được phân phối trực tiếp đến khách hàng mà phải thông qua các kênh phân phối, doanh nghiệp nước ngoài. Theo đó, để ngành dệt may phát triển bền vững, bên cạnh việc đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn về xuất xứ, môi trường, ngành dệt may và nội thất Việt Nam phải chú trọng vào đầu tư cho thiết kế, sáng tạo, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm. Đáng chú ý, thời gian qua nhiều doanh nghiệp ngành dệt may đã nhanh chóng nghiên cứu xu hướng thị trường và chuyển đổi từ gia công xuất khẩu sang thiết kế các mẫu mã mới, đẹp mắt và có chất lượng tốt, được nhiều khách mua hàng quốc tế đánh giá cao. Đây là tín hiệu tốt cho thấy ngành chế biến dệt may và nội thất Việt Nam đang đi đúng hướng, không chỉ nhằm gia tăng kim ngạch xuất khẩu mà còn từng bước nâng cao vị thế, thương hiệu ngành đồ dệt may Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Theo các chuyên gia, áp lực từ PVTM sẽ luôn song hành trong bối cảnh Việt Nam tăng

cường xuất khẩu cũng như thặng dư thương mại lớn. Dù tạo nhiều khó khăn, các vụ việc PVTM cũng mở ra cơ hội để doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và củng cố vị thế trên thị trường quốc tế.

Nâng cao chất lượng sản phẩm là yếu tố quan trọng nhất. Các biện pháp PVTM thường nhằm vào vấn đề gian lận xuất xứ, phá giá hoặc không tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường, lao động. Việc đáp ứng các yêu cầu khắt khe này không chỉ giúp doanh nghiệp vượt qua các rào cản pháp lý mà còn tạo dựng niềm tin với người tiêu dùng và đối tác tại thị trường nhập khẩu.

Bên cạnh đó, hợp tác minh bạch với cơ quan điều tra là một chiến lược cần thiết. Bà Nguyễn Yến Ngọc, Trưởng phòng Xử lý Phòng vệ thương mại nước ngoài, Cục Phòng vệ thương mại (Bộ Công Thương) cho biết: “Nếu doanh nghiệp chủ động cung cấp thông tin, tham gia tích cực vào quá trình điều tra, mức thuế áp dụng sẽ thường thấp hơn đáng kể so với các đối thủ cạnh tranh. Điều này không chỉ giúp giảm thiểu tổn thất mà còn tạo lợi thế so sánh”.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần đa dạng hóa thị trường và sản phẩm xuất khẩu. Khi các mặt hàng chủ lực bị áp dụng biện pháp PVTM, doanh nghiệp vẫn có thể tiếp tục duy trì hoạt động xuất khẩu thông qua việc phát triển các sản phẩm mới và tiếp cận các thị trường tiềm năng khác. Điều này không chỉ giảm thiểu rủi ro mà còn mở rộng cơ hội kinh doanh.

Việc tăng cường tỷ lệ nội địa hóa và minh bạch hóa xuất xứ cũng đóng vai trò quan trọng. Ông Đỗ Ngọc Hưng nhấn mạnh: “Doanh nghiệp cần sử dụng nguyên liệu từ các nguồn không bị điều tra hoặc tăng tỷ lệ nội địa hóa trong sản phẩm. Điều này giúp giảm nguy cơ bị áp thuế chống lẩn tránh trong tương lai”.

Nhà nước đóng vai trò hỗ trợ quan trọng trong việc định hướng và bảo vệ doanh nghiệp. Các cơ quan như Cục Phòng vệ thương mại cần tiếp tục tăng cường hệ thống cảnh báo sớm, đào tạo doanh nghiệp về luật pháp quốc tế và quy trình PVTM. Trong khi đó, các doanh nghiệp cần chuẩn bị tâm thế chủ động đối mặt với các vụ kiện PVTM. Thay vì bị quan, doanh nghiệp nên coi đây là cơ hội để tái cấu trúc, cải thiện quy trình sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm. Việc nghiên cứu kỹ thị trường nhập khẩu, đặc biệt là các ngành sản xuất nội địa của quốc gia đối tác, cũng là yếu tố không thể bỏ qua.

Ngoài ra, các doanh nghiệp nên đầu tư mạnh vào nghiên cứu và phát triển, áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường và lao động để đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe từ các nước nhập khẩu.

Tuy nhiên, ngành dệt may vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức do nhu cầu thị trường chưa cải thiện ổn định, cước vận tải biển, chi phí sản xuất... được dự báo tiếp tục tăng tác động trực tiếp đến hiệu suất sản xuất, kinh doanh.

Cụ thể, trong những tháng cuối năm 2024, nhu cầu dệt may tại các thị trường tiêu thụ chính chưa thể cải thiện, kế hoạch cắt giảm lãi suất tại các thị trường này chưa rõ ràng, trong khi các quốc gia cạnh tranh dự kiến sẽ phá giá mạnh đồng tiền từ 15%-20% để hỗ trợ xuất khẩu, giành lại thị phần. Do đó, các doanh nghiệp sẽ chịu áp lực cạnh tranh về đơn giá trong bối cảnh đơn giá vốn đã thấp của 2 năm qua chưa cải thiện.

Mặt khác, cước vận tải biển, tiền lương, tiền điện, lãi suất ngân hàng... được dự báo tiếp tục tăng sẽ tác động trực tiếp đến hiệu suất sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Trong khi đó, những tiêu chuẩn về thị trường cũng ngày càng khắt khe, đơn cử, một số quốc gia, như: Mỹ, EU... đã đưa ra những quy định rất cao về xanh hóa, về môi trường.

Do đó, để giữ vững thị trường, Hiệp hội Dệt May Việt Nam đề xuất, các thương vụ nước ngoài hỗ trợ nhiều hơn về thông tin từ các thị trường, chính sách của nước sở tại..., đặc biệt là thông tin về cơ chế cho sản xuất xanh từ một số nước.

Ngoài ra, trước nhiều biến động của kinh tế thế giới, như: dịch bệnh, xung đột thương mại..., các thương vụ cũng cần giúp doanh nghiệp đánh giá được nhu cầu và quy mô tiêu dùng về dệt may tại các thị trường, kể cả những thông tin về hiệu quả hoạt động của các tập đoàn bán lẻ trên thế giới..., để từ đó có thể căn chỉnh và đề ra kế hoạch sản xuất, kinh doanh cho từng khu vực thị trường.

Hiện nhiều nước đưa ra biện pháp phòng vệ thương mại, do vậy, doanh nghiệp cần sự chia sẻ thông tin và cảnh báo từ các cơ quan quản lý nhà nước, để từ đó giúp doanh nghiệp có giải pháp ứng phó.

Về phía các doanh nghiệp dệt may, cần tiếp tục linh hoạt trong điều hành, tận dụng tối đa các cơ hội từ thị trường, xác định mặt hàng có tính kỹ thuật khó, đơn hàng nhỏ..., nhưng giá

trị gia tăng cao để sản xuất, thay vì các mặt hàng phổ thông giá rẻ, khó cạnh tranh. Đồng thời, cần thường xuyên theo dõi và cập nhật, dự báo các thông tin về thị trường, xây dựng các kịch bản có thể xảy ra và có phương án phù hợp cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Đối với các sản phẩm giày dép, thống kê của WTO không cho thấy các biện pháp phòng vệ thương mại mà Hoa Kỳ áp dụng trực tiếp với Việt Nam chính thức có hiệu lực từ 1/1/2020, tuy nhiên Cục Phòng vệ thương mại cho rằng có một số vấn đề cần lưu ý sau đây:

Thứ nhất, Hoa Kỳ đã ban hành chính sách cho phép áp dụng điều tra trợ cấp xuyên quốc gia. Chính sách này nhằm vào những ngành gia công và nhiều nguyên phụ liệu đầu vào. Theo đó, nếu Việt Nam mua nguyên phụ liệu từ nước thứ 3 và nước này trợ cấp sản xuất nguyên phụ liệu thì khi Việt Nam mua sử dụng sản phẩm để sản xuất và xuất khẩu sẽ bị đánh thuế.

Thứ hai, nhóm các sản phẩm liên quan đến cao su, nhựa và một số nguyên liệu, phụ kiện khác có thể được sử dụng để sản xuất giày dép gần đây lại bị Hoa Kỳ điều tra và áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại khá nhiều. Điều này có thể ảnh hưởng đến sản phẩm giày dép nếu các mặt hàng này chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thành phần của một thành phẩm nhập khẩu.

Mặc dù thị phần của hàng nhập khẩu từ Trung Quốc đã giảm, nhưng nước này vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất và đồng thời tiếp tục là đối tác thương mại bị áp dụng nhiều biện pháp phòng vệ thương mại từ Hoa Kỳ. Với đặc điểm địa lý gần gũi, Việt Nam cũng nhập khẩu nguồn hàng trung gian phục vụ sản xuất từ Trung Quốc và một số nước châu Á khác, do đó có thể tiềm ẩn các rủi ro về điều tra xuất xứ hàng hóa, chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại.

Trong bối cảnh Hoa Kỳ sẽ tiếp tục tăng cường các biện pháp kiểm soát nhập khẩu, Cục Phòng vệ thương mại khuyến nghị các doanh nghiệp cần có sự chuẩn bị tốt về hồ sơ, ứng phó hiệu quả với các vụ việc điều tra phòng vệ thương mại của Hoa Kỳ (DOC), phối hợp và hợp tác với cơ quan điều tra trong việc cung cấp thông tin, tiếp đoàn thẩm tra tại doanh nghiệp và tham gia đầy đủ các bước theo quy định của pháp luật Hoa Kỳ. Đồng thời, các hiệp hội ngành hàng dệt may, da giày cũng cần tiếp tục phối hợp tốt với các cơ quan chức năng để tổ chức tuyên truyền, nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ để kiểm soát quy trình mua nguyên vật liệu, truy xuất nguồn gốc, tổ chức sản phẩm minh bạch, qua đó tránh được rủi ro

bị áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại từ phía Hoa Kỳ.

THEO DÕI MẶT HÀNG GẠCH MEN XUẤT KHẨU

1. Đánh giá chung về tình hình sản xuất trong nước mặt hàng gạch men

1.1. Quy mô thị trường gạch men trong nước

Việt Nam đứng thứ năm trong danh sách các nước sản xuất gạch men hàng đầu thế giới với quy mô ước tính đạt 5,16 tỷ USD vào năm 2023 và dự kiến đạt 9,78 tỷ USD vào năm 2028, tăng trưởng với tốc độ CAGR là 31.15% trong giai đoạn dự báo (2023-2028). Thị trường này đã phát triển mạnh mẽ và đạt quy mô lớn, với 4 dòng sản phẩm chính: gạch đất sét nung (Cotto), gạch tráng men (Ceramic), gạch xương sứ (Porcelain) và gạch Granite.

Hiện nay thị trường gạch men và gạch ốp lát Việt Nam đòi hỏi sự đa dạng về mẫu mã và công nghệ sản xuất tiên tiến. Do đó, các công ty đang đầu tư mạnh hơn vào công nghệ, dây chuyền sản xuất kích thước lớn và trang trí in kỹ thuật số để cạnh tranh hiệu quả. Tại Việt Nam, có khoảng hơn 90 công ty vừa và nhỏ tham gia sản xuất, cùng hàng nghìn đơn vị nhỏ lẻ cũng tham gia vào dây chuyền. Đa phần các công ty hiện nay đều sản xuất gạch Ceramic, đây cũng là phân khúc có mức độ cạnh tranh cao nhất trên thị trường. Công suất của thị trường gạch men Việt Nam hiện đạt 750 triệu m2/năm; cung ứng cho thị trường nhiều chủng loại sản phẩm. Đặc biệt, không chỉ đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước, ngành gạch men ốp lát còn xuất khẩu đến nhiều thị trường quốc tế như ASEAN, Mỹ, Cu Ba...

1.2. Tình hình sản xuất và tiêu thụ trong nước của sản phẩm gạch men

Giai đoạn trước năm 2020, sản lượng tiêu thụ gạch ốp lát bằng 90-95% sản lượng sản xuất, trong đó tiêu thụ nội địa 80%, 20% là xuất khẩu. Tuy nhiên, trong 4 năm gần đây, sản xuất và tiêu thụ đều giảm mạnh, năm 2023 chỉ đạt 305 triệu m2, bằng 85% sản lượng sản xuất. Tháng đầu năm 2024, ước tiêu thụ bằng cùng kỳ, với 166 triệu m2.

Quy mô công suất lớn, vượt so với cầu, đầu ra tại thị trường trong nước bị thu hẹp bởi thiếu vắng các dự án bất động sản, nên ngành sản xuất này đang gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, một lượng lớn sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc, Ấn Độ... đổ bộ vào nội địa, cạnh tranh với hàng sản xuất trong nước nên khó khăn càng chồng chất. Dữ liệu thống kê cho thấy, năm 2022-2023, nhập khẩu gạch ốp lát lên tới 100 triệu USD, tương đương 2.400 tỷ đồng, tăng 66% so với năm 2021, riêng nhập khẩu từ Ấn Độ hơn 50 triệu USD (hơn 1.200 tỷ đồng). Theo các doanh nghiệp sản xuất, chi phí nhiên liệu than chiếm tỷ trọng 30% còn giá điện chiếm 8-10% trong chi phí sản xuất, việc tăng giá than và điện thời gian qua đã làm tăng chi phí sản xuất thêm 6%. Nhưng giá bán sản phẩm của các doanh nghiệp lại không tăng. Từ cách đây vài năm, Bộ Xây dựng đã lưu ý tới các ngành sản xuất vật liệu chính yếu như xi măng, gạch ốp lát, kính xây dựng trước thực trạng tổng công suất đầu tư cả 3 lĩnh vực này đều có cung vượt cầu, khiến tiêu thụ thấp hơn sản lượng sản xuất.

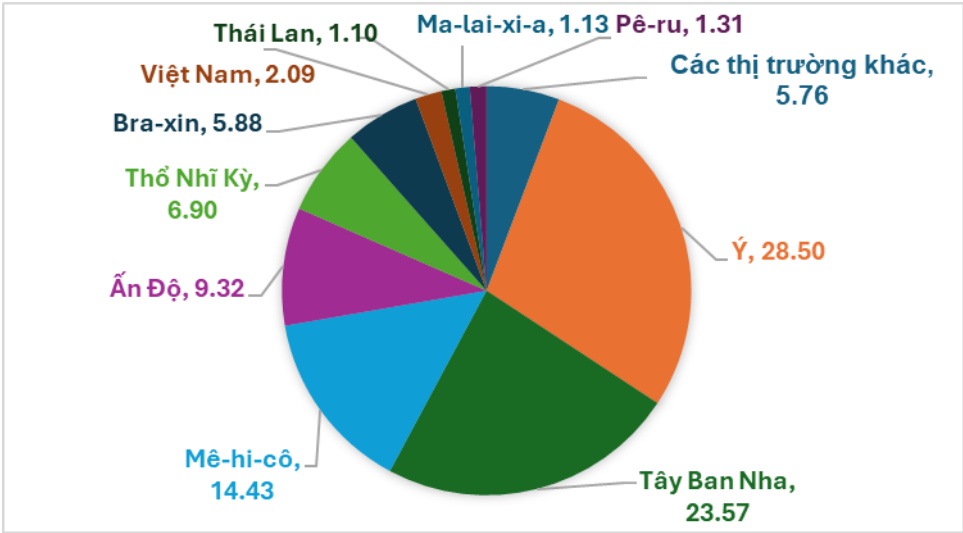
2. Tình hình xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường

2.1. Phân tích nhập khẩu gạch men tại Hoa Kỳ

Hoa Kỳ và Úc là 2 thị trường duy nhất nhập khẩu sản phẩm gạch men (gồm các mặt hàng thuộc 40 mã HS đã cho). Tuy nhiên, trị giá nhập khẩu vào Úc cho các sản phẩm này chỉ chiếm một phần rất nhỏ so với trị giá nhập khẩu vào

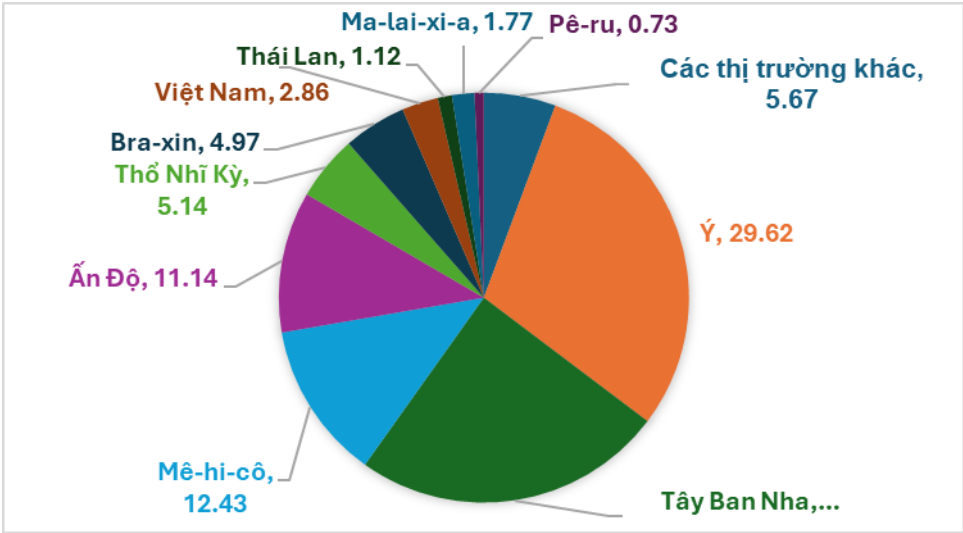
Hoa Kỳ. Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu gạch men từ một số nước Đông Nam Á sang Úc là không đáng kể và Việt Nam cũng không xuất khẩu mặt hàng liên quan sang Úc. Do đó báo cáo phân tích tình hình xuất khẩu tháng 4 của mặt hàng Việt Nam sẽ tập trung phân tích thị trường Hoa Kỳ, thị trường mà Việt Nam nằm trong Top 10 nguồn cung ứng chính sản phẩm gạch men.

Thị phần các nguồn cung ứng chính nhập khẩu vào Hoa Kỳ 4 tháng đầu năm 2024



Nguồn: IHS Markit

Thị phần các nguồn cung ứng chính nhập khẩu vào Hoa Kỳ 4 tháng đầu năm 2024

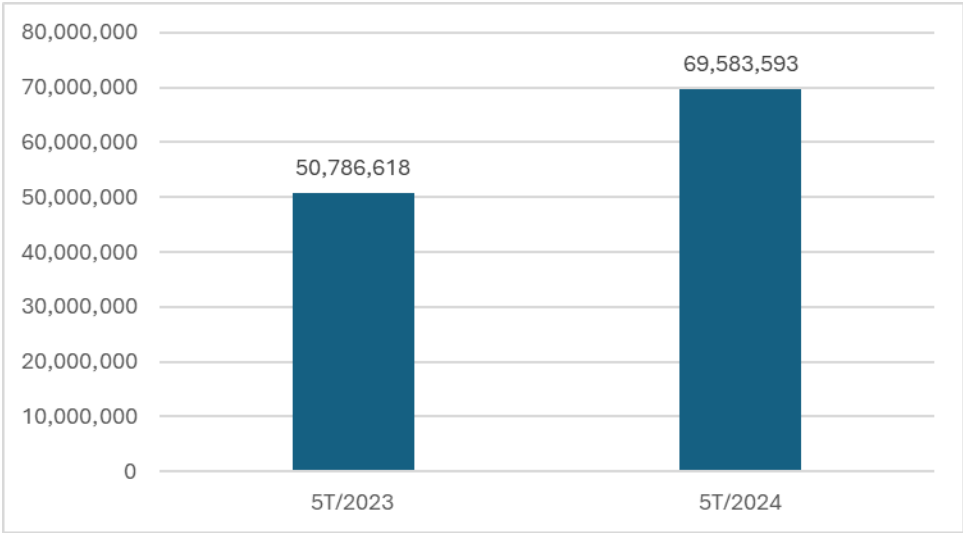


Nguồn: IHS Markit

2.2. Phân tích xuất khẩu gạch men của Việt Nam sang Hoa Kỳ

4 tháng đầu năm 2024, Việt Nam tiếp tục có sự tăng trưởng mạnh về trị giá xuất khẩu, tăng hơn 37% so với cùng kỳ năm trước đó và đạt 69,58 triệu USD. Với sự tăng trưởng này, thị phần của Việt Nam đạt 2,86%, tiếp tục duy trì vị trí thứ bảy trong Top 10 nguồn cung ứng chính của Hoa Kỳ.

Trị giá xuất khẩu sản phẩm gạch men từ Việt Nam sang Hoa Kỳ 4T/2023 và 4T/2024



Nguồn: IHS Markit

3. Cập nhật thông tin các vụ việc điều tra PVTM đối với mặt hàng gạch men

3.1. Tình hình áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đối với mặt hàng gạch men của Việt Nam tại các quốc gia trên thế giới

Tại Argentina, sản phẩm gạch men của Việt Nam đã bị áp thuế chống bán phá giá 31,15% từ năm 2018.

Năm 2019-2021, Philippines và Malaysia sau một thời gian điều tra đều đã quyết định dừng điều tra tự vệ đối với gạch ốp lát nhập khẩu do kết luận không có sự gia tăng nhập khẩu sản phẩm bị điều tra và mối quan hệ nhân quả giữa sự gia tăng nhập khẩu và thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước.

Trong khi đó, năm 2021, Đài Loan (Trung Quốc) đã chính thức áp thuế chống bán phá giá đối với gạch ốp lát có xuất xứ từ Việt Nam, Ấn Độ, Malaysia và Indonesia. Mức thuế được tính toán cho các doanh nghiệp Việt Nam dao động từ 2,23% đến 19,41%. Trong đó, có 6 doanh nghiệp được hưởng thuế chống bán phá giá 0%. Biện pháp chống bán phá giá có hiệu lực trong 5 năm, tức sẽ kéo dài đến tháng 40/2026.

Cũng năm 2021, Indonesia khởi xướng rà soát cuối kỳ để xác định sự cần thiết của việc tiếp tục gia hạn biện pháp tự vệ đối với sản phẩm gạch ốp lát nhập khẩu đang được áp dụng từ năm 2019, trong đó có sản phẩm nhập khẩu từ Việt Nam. Sau rà soát, Indonesia quyết định tiếp tục áp dụng biện pháp tự vệ trong 3 năm đối với gạch ốp lát nhập khẩu, mức thuế tự vệ giảm dần từng năm: năm thứ nhất 17% (tháng 41/2021 - tháng 40/2022); năm thứ hai 15% (tháng 41/2022 - tháng 40/2023); năm thứ ba về 13% (tháng 41/2023 - tháng 40/2024). Như vậy, trong năm 2024 tới đây, khi

biện pháp tự vệ hết thời gian có hiệu lực, Indonesia hoàn toàn có thể tiếp tục khởi xướng điều tra gia hạn để áp dụng thêm.

3.2. Tình hình áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đối với mặt hàng gạch men (bao gồm 40 mã HS đã cho) của Việt Nam tại thị trường Hoa Kỳ

Gạch men là một trong những mặt hàng liên tục được Bộ Công Thương cảnh báo về nguy cơ bị điều tra phòng vệ thương mại tại thị trường Hoa Kỳ tháng 7/2020. Đối với gạch men (ceramic tile) xuất khẩu sang Hoa Kỳ, Hoa Kỳ đã chính thức áp dụng thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với sản phẩm tương tự nhập khẩu từ Trung Quốc kể từ tháng 4/2020.

Cục Phòng vệ thương mại cho biết, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng gạch men của Việt Nam sang Hoa Kỳ đang có xu hướng tăng nhanh, từ 269 nghìn USD năm 2018 lên tới 2,8 triệu USD năm 2019. Trong giai đoạn 14 tháng từ tháng 7 năm 2022 đến tháng 6 năm 2023, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ đã đạt 30,7 triệu USD, tăng 36,6% so với giai đoạn trước. Thị phần của Việt Nam có xu hướng tăng nhưng tỷ trọng kim ngạch của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của Hoa Kỳ còn nhỏ, mới chỉ chiếm 1,4%.

Dự báo xuất khẩu gạch men của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ sẽ tiếp tục tăng nhanh trong giai đoạn tới trong bối cảnh xuất khẩu gạch men của Trung Quốc sang Hoa Kỳ giảm mạnh vì bị áp thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp. Vì vậy, Cục Phòng vệ thương mại cho rằng cần giám sát việc cấp giấy chứng nhận xuất xứ và khai báo xuất xứ và tiếp tục theo dõi nguy cơ bị điều tra chống lẩn tránh thuế và các biện pháp phòng vệ thương mại đối với mặt hàng này. Các doanh nghiệp xuất khẩu sang Hoa Kỳ cũng cần lưu ý tránh sử dụng các nguyên liệu chính nhập khẩu từ Trung Quốc để sản xuất sản phẩm này.

4. Nhận định và kiến nghị dành cho mặt hàng gạch men

Việc hàng xuất khẩu của Việt Nam phải đối mặt với ngày càng nhiều cuộc điều tra phòng vệ thương mại nước ngoài hơn là một hệ quả tất yếu khi xuất khẩu tăng trưởng nhanh và ta tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu trong bối cảnh tình hình thế giới đang có nhiều biến động. Thời gian qua, các doanh nghiệp gạch men đã có nhận thức tốt hơn về vấn đề phòng vệ thương mại, có sự chuẩn bị để ứng phó kịp thời. Tuy nhiên, hạn chế về nhân sự am hiểu lĩnh vực này, hạn chế về nguồn lực tài chính, cộng thêm những rào cản như về thị trường, ngôn ngữ,... vẫn là những thách thức lớn đặt ra cho doanh nghiệp. Để hỗ trợ doanh nghiệp hiệu quả, Bộ Công Thương đã chủ động phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp xử lý hiệu quả thông qua các hoạt động đa dạng như: (i) cảnh báo sớm nguy cơ bị điều tra phòng vệ thương mại để doanh nghiệp chủ động xây dựng kế hoạch xử lý; (ii) trao đổi kịp thời với hiệp hội, doanh nghiệp để cung cấp thông tin cập nhật giúp doanh nghiệp nắm được diễn biến vụ việc; (iii) tư vấn pháp lý, quy trình thủ tục điều tra, quy định/thông lệ điều tra của nước khởi kiện và đưa ra các khuyến nghị, hướng xử lý cụ thể cho doanh nghiệp; (iv) trao đổi, tham vấn đưa ra quan điểm của ta về các khía cạnh pháp lý và thực tiễn của vụ việc với Cơ quan điều tra của nước ngoài, đề nghị tuân thủ các quy định của Tổ chức thương mại thế giới (WTO); (v) xem xét khởi kiện các biện pháp phòng vệ thương mại của cơ quan điều tra nước ngoài nếu có dấu hiệu vi phạm các quy định của WTO.

Các hoạt động trên đã đem lại những kết quả tích cực. Đơn cử như trong vụ việc với Đài Loan (Trung Quốc), có 6 doanh nghiệp Việt Nam được hưởng thuế 0% và các doanh nghiệp còn lại được hưởng mức thuế thấp hơn so với cáo

buộc ban đầu, hay mức thuế mà Indonesia đưa ra cho giai đoạn 2021-2024 cũng thấp hơn so với mức thuế đã được áp dụng trong giai đoạn 2018-2021 trước đó.

THEO DỐI MẶT HÀNG DỆT MAY XUẤT KHẨU

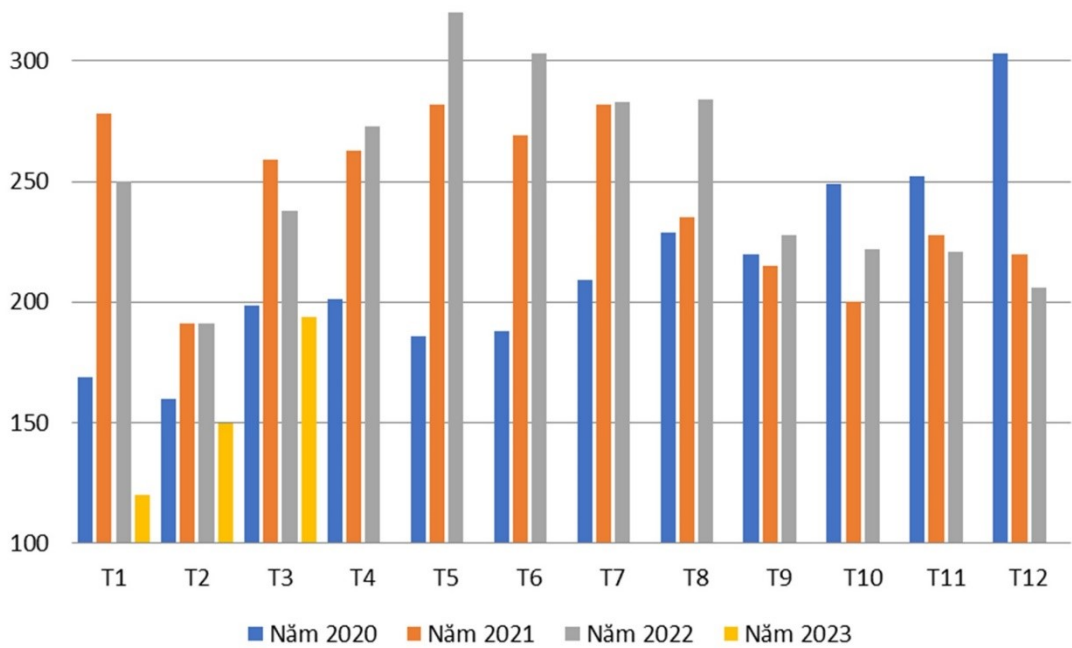
1. Tình hình nhập khẩu mặt hàng

a) Phân tích tình hình nhập khẩu các mặt hàng dệt may vào Việt Nam

Về thị trường nhập khẩu, 4 tháng đầu năm 2024, lượng nhập khẩu dệt may nguyên liệu từ các thị trường lớn như: Cameron, EU, Mỹ, Thái Lan, Trung Quốc, Lào... giảm so với cùng kỳ năm 2022. Trong khi đó, lượng nhập khẩu từ một số thị trường châu Phi lại tăng như: Congo, Angola, Suriname, Gabông... Về chủng loại, 4 tháng đầu năm 2024, lượng nhập khẩu các chủng loại dệt may lớn như: dệt may lim, thông, sồi, dương, hương... giảm so với cùng kỳ năm 2022. Trong khi đó, lượng nhập khẩu một số chủng loại tăng như: dệt may tần bì, gỗ, cao su, vân sam, căm xe, bằng lăng, dổi, mít...

Biểu đồ 01: Kim ngạch nhập khẩu dệt may và sản phẩm dệt may về Việt Nam theo tháng trong từ năm 2020 - 2024

(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Theo tính toán số liệu từ Tổng Cục Hải quan

Về thị trường nhập khẩu, 4 tháng đầu năm 2024, lượng nhập khẩu dệt may nguyên liệu từ các thị trường lớn như: Cameron, EU, Mỹ, Thái Lan, Trung Quốc, Lào... giảm so với cùng kỳ năm 2022. Trong khi đó, lượng nhập khẩu từ một số thị trường châu Phi lại tăng như: Congo, Angola, Suriname, Gabông...

b) Đánh giá chung về tình hình sản xuất trong nước

Việt Nam đã trở thành một trong những quốc gia sản xuất, xuất khẩu đồ dệt may lớn nhất thế giới. Cùng với sự cạnh tranh quyết liệt với những quốc gia khác, các doanh nghiệp dệt may Việt Nam đang gặp rất nhiều khó khăn tại các thị trường xuất khẩu do những quy định mới về nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm, thuế và các định chế thương mại liên quan.

Trong năm 2024, mặc dù kim ngạch xuất khẩu dệt may và sản phẩm có tăng trưởng nhưng chỉ đạt 79% kế hoạch đề ra, cho thấy tiềm ẩn những nguy cơ cần giải quyết. Khó khăn với ngành dệt may có thể kéo dài khi những yếu tố bất lợi vẫn hiện hữu như khủng hoảng địa chính trị lan rộng, suy thoái kinh tế thế giới, các thị trường xuất khẩu chính chưa phục hồi. Cùng với đó, ngành dệt may vẫn đối mặt những thách thức như đơn hàng phải cạnh tranh và yêu cầu về mẫu mã, chất lượng cao. Các rào cản thương mại nước ngoài ngày càng khắt khe, các chứng chỉ về quản lý rừng bền vững hay chứng chỉ giảm phát thải các-bon sau này bắt buộc sản phẩm dệt may khi xuất sang thị trường các nước phải tuân thủ. Nhiều thị trường lớn như EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ... đã yêu cầu các doanh nghiệp xuất khẩu dệt may phải có chứng chỉ bền vững, minh bạch trong chuỗi nguồn cung đã tác động đến các nhà sản xuất. Một số quốc gia nhập khẩu khác còn yêu cầu doanh nghiệp dệt may Việt Nam phải cung cấp các chứng nhận liên quan nguồn gốc sản phẩm, tình trạng sử dụng lao động, tiền lương, xử lý chất thải,...

c) Đánh giá và khuyến nghị

Việt Nam với vị thế thuộc nhóm các nước có tỷ trọng xuất khẩu dệt may hàng đầu thế giới, ngành dệt may Việt Nam đã mở rộng thị trường xuất khẩu, thâm nhập sâu hơn vào các thị trường quan trọng như Mỹ, EU, Hàn Quốc, Nhật Bản và ngày càng hiện diện nhiều hơn tại các thị trường mới nổi như UAE, Ấn Độ... Với nhiều thế mạnh về phát triển lâm nghiệp, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và các hiệp định thương mại tự do, xuất khẩu dệt may và sản phẩm dệt may của Việt Nam đã đạt được nhiều thành công trên thị trường quốc tế. Ngành dệt may Việt Nam có vị thế thuận lợi để tận dụng nhu cầu mạnh mẽ từ thị trường trong nước và quốc tế.

Theo các chuyên gia, áp lực từ PVTM sẽ luôn song hành trong bối cảnh Việt Nam tăng cường xuất khẩu cũng như thách thức thương mại lớn. Dù tạo nhiều khó khăn, các vụ việc PVTM cũng mở ra cơ hội để doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và củng cố vị thế trên thị trường quốc tế.

Nâng cao chất lượng sản phẩm là yếu tố quan trọng nhất. Các biện pháp PVTM thường nhằm vào vấn đề gian lận xuất xứ, phá giá hoặc không tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường, lao động. Việc đáp ứng các yêu cầu khắt khe này không chỉ giúp doanh nghiệp vượt qua các rào cản pháp lý mà còn tạo dựng niềm tin với người tiêu dùng và đối tác tại thị trường nhập khẩu.

Bên cạnh đó, hợp tác minh bạch với cơ quan điều tra là một chiến lược cần thiết.

Theo số liệu thống kê hải quan của Việt Nam, trong năm 2024, Việt Nam xuất khẩu hơn 1 tỷ USD sản phẩm thép mã HS 7208, giảm 13,31% so với năm 2024.

Xuất khẩu sau đó đã tăng mạnh trở lại trong 3 tháng đầu năm 2024, với kết quả nửa đầu năm đã đạt 1,01 tỷ USD, tăng tới 104,3% so với cùng kỳ năm 2024.

THEO DÕI MẶT HÀNG GẠCH MEN XUẤT KHẨU

1. Đánh giá chung về tình hình sản xuất trong nước mặt hàng gạch men

1.1. Quy mô thị trường gạch men trong nước

Việt Nam đứng thứ năm trong danh sách các nước sản xuất gạch men hàng đầu thế giới với quy mô ước tính đạt 5,16 tỷ USD vào năm 2023 và dự kiến đạt 9,78 tỷ USD vào năm 2028, tăng trưởng với tốc độ CAGR là 31.15% trong giai đoạn dự báo (2023-2028). Thị trường này đã phát triển mạnh mẽ và đạt quy mô lớn, với 4 dòng sản phẩm chính: gạch đất sét nung (Cotto), gạch tráng men (Ceramic), gạch xương sứ (Porcelain) và gạch Granite.

Hiện nay thị trường gạch men và gạch ốp lát Việt Nam đòi hỏi sự đa dạng về mẫu mã và công nghệ sản xuất tiên tiến. Do đó, các công ty đang đầu tư mạnh hơn vào công nghệ, dây chuyền sản xuất kích thước lớn và trang trí in kỹ thuật số để cạnh tranh hiệu quả. Tại Việt Nam, có khoảng hơn 90 công ty vừa và nhỏ tham gia sản xuất, cùng hàng nghìn đơn vị nhỏ lẻ cũng tham gia vào dây chuyền. Đa phần các công ty hiện nay đều sản xuất gạch Ceramic, đây cũng là phân khúc có mức độ cạnh tranh cao nhất trên thị trường. Công suất của thị trường gạch men Việt Nam hiện đạt 750 triệu m²/năm; cung ứng cho thị trường nhiều chủng loại sản phẩm. Đặc biệt, không chỉ đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước, ngành gạch men ốp lát còn xuất khẩu đến nhiều thị trường quốc tế như ASEAN, Mỹ, Cu Ba...

1.2. Tình hình sản xuất và tiêu thụ trong nước của sản phẩm gạch men

Giai đoạn trước năm 2020, sản lượng tiêu thụ gạch ốp lát bằng 90-95% sản lượng sản xuất, trong đó tiêu thụ nội địa 80%, 20% là xuất khẩu. Tuy nhiên, trong 4 năm gần đây, sản xuất và tiêu thụ đều giảm mạnh, năm 2023 chỉ đạt 305 triệu m², bằng 85% sản lượng sản xuất. Tháng đầu năm 2024, ước tiêu thụ bằng cùng kỳ, với 166 triệu m².

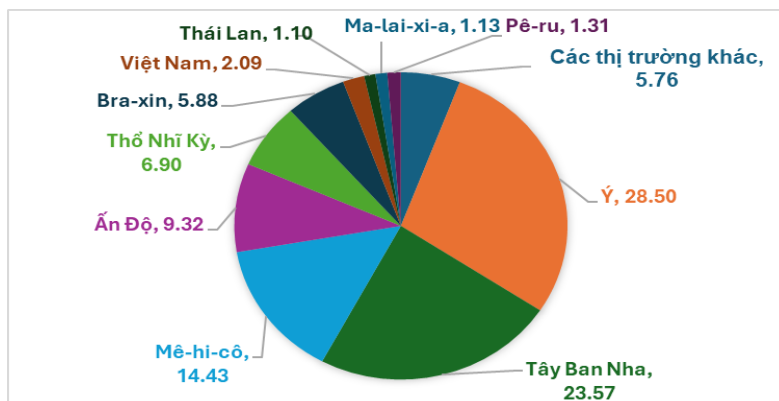
Quy mô công suất lớn, vượt so với cầu, đầu ra tại thị trường trong nước bị thu hẹp bởi thiếu vắng các dự án bất động sản, nên ngành sản xuất này đang gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, một lượng lớn sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc, Ấn Độ... đổ bộ vào nội địa, cạnh tranh với hàng sản xuất trong nước nên khó khăn càng chồng chất. Dữ liệu thống kê cho thấy, năm 2022-2023, nhập khẩu gạch ốp lát lên tới 100 triệu USD, tương đương 2.400 tỷ đồng, tăng 66% so với năm 2021, riêng nhập khẩu từ Ấn Độ hơn 50 triệu USD (hơn 1.200 tỷ đồng). Theo các doanh nghiệp sản xuất, chi phí nhiên liệu than chiếm tỷ trọng 30% còn giá điện chiếm 8-10% trong chi phí sản xuất, việc tăng giá than và điện thời gian qua đã làm tăng chi phí sản xuất thêm 6%. Nhưng giá bán sản phẩm của các doanh nghiệp lại không tăng. Từ cách đây vài năm, Bộ Xây dựng đã lưu ý tới các ngành sản xuất vật liệu chính yếu như xi măng, gạch ốp lát, kính xây dựng trước thực trạng tổng công suất đầu tư cả 3 lĩnh vực này đều có cung vượt cầu, khiến tiêu thụ thấp hơn sản lượng sản xuất.

2. Tình hình xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường

2.1. Phân tích nhập khẩu gạch men tại Hoa Kỳ

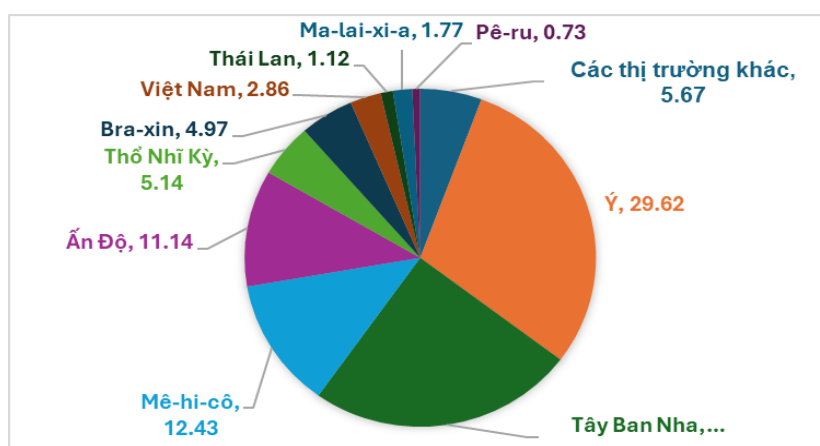
Hoa Kỳ và Úc là 2 thị trường duy nhất nhập khẩu sản phẩm gạch men (gồm các mặt hàng thuộc 40 mã HS đã cho). Tuy nhiên, trị giá nhập khẩu vào Úc cho các sản phẩm này chỉ chiếm một phần rất nhỏ so với trị giá nhập khẩu vào Hoa Kỳ. Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu gạch men từ một số nước Đông Nam Á sang Úc là không đáng kể và Việt Nam cũng không xuất khẩu mặt hàng liên quan sang Úc. Do đó báo cáo phân tích tình hình xuất khẩu tháng 4 của mặt hàng Việt Nam sẽ tập trung phân tích thị trường Hoa Kỳ, thị trường mà Việt Nam nằm trong Top 10 nguồn cung ứng chính sản phẩm gạch men.

Thị phần các nguồn cung ứng chính nhập khẩu vào Hoa Kỳ 4 tháng đầu năm 2024



Nguồn: IHS Markit

Thị phần các nguồn cung ứng chính nhập khẩu vào Hoa Kỳ 4 tháng đầu năm 2024

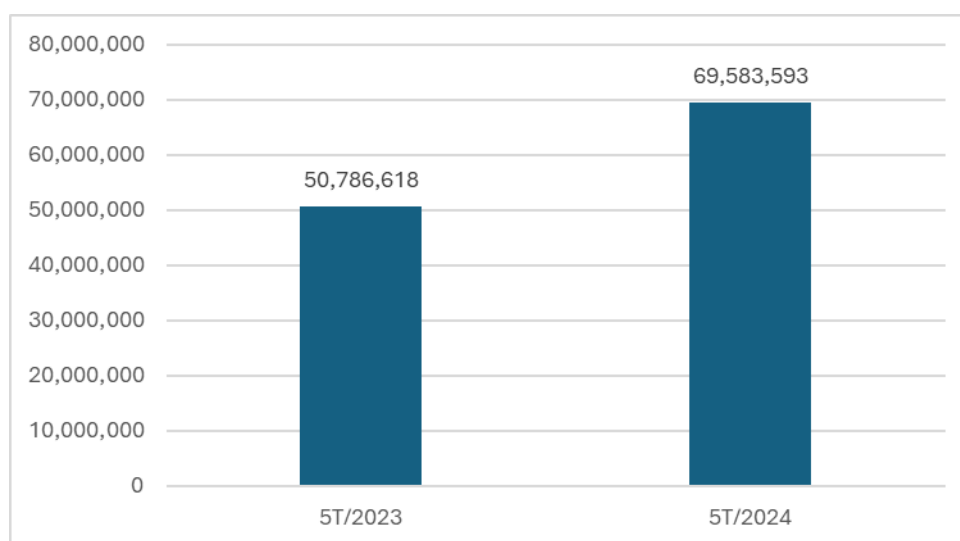


Nguồn: IHS Markit

2.2. Phân tích xuất khẩu gạch men của Việt Nam sang Hoa Kỳ

4 tháng đầu năm 2024, Việt Nam tiếp tục có sự tăng trưởng mạnh về trị giá xuất khẩu, tăng hơn 37% so với cùng kỳ năm trước đó và đạt 69,58 triệu USD. Với sự tăng trưởng này, thị phần của Việt Nam đạt 2,86%, tiếp tục duy trì vị trí thứ bảy trong Top 10 nguồn cung ứng chính của Hoa Kỳ.

Trị giá xuất khẩu sản phẩm gạch men từ Việt Nam sang Hoa Kỳ 4T/2023 và 4T/2024



Nguồn: IHS Markit

3. Cập nhật thông tin các vụ việc điều tra PVTM đối với mặt hàng gạch men

3.1. Tình hình áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đối với mặt hàng gạch men của Việt Nam tại các quốc gia trên thế giới

Tại Argentina, sản phẩm gạch men của Việt Nam đã bị áp thuế chống bán phá giá 31,15% từ năm 2018.

Năm 2019-2021, Philippines và Malaysia sau một thời gian điều tra đều đã quyết định dừng điều tra tự vệ đối với gạch ốp lát nhập khẩu do kết luận không có sự gia tăng nhập khẩu sản phẩm bị điều tra và mối quan hệ nhân quả giữa sự gia tăng nhập khẩu và thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước.

Trong khi đó, năm 2021, Đài Loan (Trung Quốc) đã chính thức áp thuế chống bán phá giá đối với gạch ốp lát có xuất xứ từ Việt Nam, Ấn Độ, Malaysia và Indonesia. Mức thuế được tính toán cho các doanh nghiệp Việt Nam dao động từ 2,23% đến 19,41%. Trong đó, có 6 doanh nghiệp được hưởng thuế chống bán phá giá 0%. Biện pháp chống bán phá giá có hiệu lực trong 5 năm, tức sẽ kéo dài đến tháng 40/2026.

Cũng năm 2021, Indonesia khởi xướng rà soát cuối kỳ để xác định sự cần thiết của việc tiếp tục gia hạn biện pháp tự vệ đối với sản phẩm gạch ốp lát nhập khẩu đang được áp dụng từ năm 2019, trong đó có sản phẩm nhập khẩu từ Việt Nam. Sau rà soát, Indonesia quyết định tiếp tục áp dụng biện pháp tự vệ trong 3 năm đối với gạch ốp lát nhập khẩu, mức thuế tự vệ giảm dần từng năm: năm thứ nhất 17% (tháng 41/2021 - tháng 40/2022); năm thứ hai 15% (tháng 41/2022 - tháng 40/2023); năm thứ ba về 13% (tháng 41/2023 - tháng 40/2024). Như vậy, trong năm 2024 tới đây, khi biện pháp tự vệ hết thời gian có hiệu lực, Indonesia hoàn toàn có thể tiếp tục khởi xướng điều tra gia hạn để áp dụng thêm.

3.2. Tình hình áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đối với mặt hàng gạch men (bao gồm 40 mã HS đã cho) của Việt Nam tại thị trường Hoa Kỳ

Gạch men là một trong những mặt hàng liên tục được Bộ Công Thương cảnh báo về nguy cơ bị điều tra phòng vệ thương mại tại thị trường Hoa Kỳ tháng 7/2020. Đối với

gạch men (ceramic tile) xuất khẩu sang Hoa Kỳ, Hoa Kỳ đã chính thức áp dụng thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với sản phẩm tương tự nhập khẩu từ Trung Quốc kể từ tháng 4/2020.

Cục Phòng vệ thương mại cho biết, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng gạch men của Việt Nam sang Hoa Kỳ đang có xu hướng tăng nhanh, từ 269 nghìn USD năm 2018 lên tới 2,8 triệu USD năm 2019. Trong giai đoạn 14 tháng từ tháng 7 năm 2022 đến tháng 6 năm 2023, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ đã đạt 30,7 triệu USD, tăng 36,6% so với giai đoạn trước. Thị phần của Việt Nam có xu hướng tăng nhưng tỷ trọng kim ngạch của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của Hoa Kỳ còn nhỏ, mới chỉ chiếm 1,4%.

Dự báo xuất khẩu gạch men của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ sẽ tiếp tục tăng nhanh trong giai đoạn tới trong bối cảnh xuất khẩu gạch men của Trung Quốc sang Hoa Kỳ giảm mạnh vì bị áp thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp. Vì vậy, Cục Phòng vệ thương mại cho rằng cần giám sát việc cấp giấy chứng nhận xuất xứ và khai báo xuất xứ và tiếp tục theo dõi nguy cơ bị điều tra chống lẩn tránh thuế và các biện pháp phòng vệ thương mại đối với mặt hàng này. Các doanh nghiệp xuất khẩu sang Hoa Kỳ cũng cần lưu ý tránh sử dụng các nguyên liệu chính nhập khẩu từ Trung Quốc để sản xuất sản phẩm này.

4. Nhận định và kiến nghị dành cho mặt hàng gạch men

Việc hàng xuất khẩu của Việt Nam phải đối mặt với ngày càng nhiều cuộc điều tra phòng vệ thương mại nước ngoài hơn là một hệ quả tất yếu khi xuất khẩu tăng trưởng nhanh và ta tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu trong bối cảnh tình hình thế giới đang có nhiều biến động. Thời gian qua, các doanh nghiệp gạch men đã có nhận thức tốt hơn về vấn đề phòng vệ thương mại, có sự chuẩn bị để ứng phó kịp thời. Tuy nhiên, hạn chế về nhân sự am hiểu lĩnh vực này, hạn chế về nguồn lực tài chính, cộng thêm những rào cản như về thị trường, ngôn ngữ,... vẫn là những thách thức lớn đặt ra cho doanh nghiệp. Để hỗ trợ doanh nghiệp hiệu quả, Bộ Công

Thương đã chủ động phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp xử lý hiệu quả thông qua các hoạt động đa dạng như: (i) cảnh báo sớm nguy cơ bị điều tra phòng vệ thương mại để doanh nghiệp chủ động xây dựng kế hoạch xử lý; (ii) trao đổi kịp thời với hiệp hội, doanh nghiệp để cung cấp thông tin cập nhật giúp doanh nghiệp nắm được diễn biến vụ việc; (iii) tư vấn pháp lý, quy trình thủ tục điều tra, quy định/thông lệ điều tra của nước khởi kiện và đưa ra các khuyến nghị, hướng xử lý cụ thể cho doanh nghiệp; (iv) trao đổi, tham vấn đưa ra quan điểm của ta về các khía cạnh pháp lý và thực tiễn của vụ việc với Cơ quan điều tra của nước ngoài, đề nghị tuân thủ các quy định của Tổ chức thương mại thế giới (WTO); (v) xem xét khởi kiện các biện pháp phòng vệ thương mại của cơ quan điều tra nước ngoài nếu có dấu hiệu vi phạm các quy định của WTO.

Các hoạt động trên đã đem lại những kết quả tích cực. Đơn cử như trong vụ việc với Đài Loan (Trung Quốc), có 6 doanh nghiệp Việt Nam được hưởng thuế 0% và các doanh nghiệp còn lại được hưởng mức thuế thấp hơn so với cáo buộc ban đầu, hay mức thuế mà Indonesia đưa ra cho giai đoạn 2021-2024 cũng thấp hơn so với mức thuế đã được áp dụng trong giai đoạn 2018-2021 trước đó.

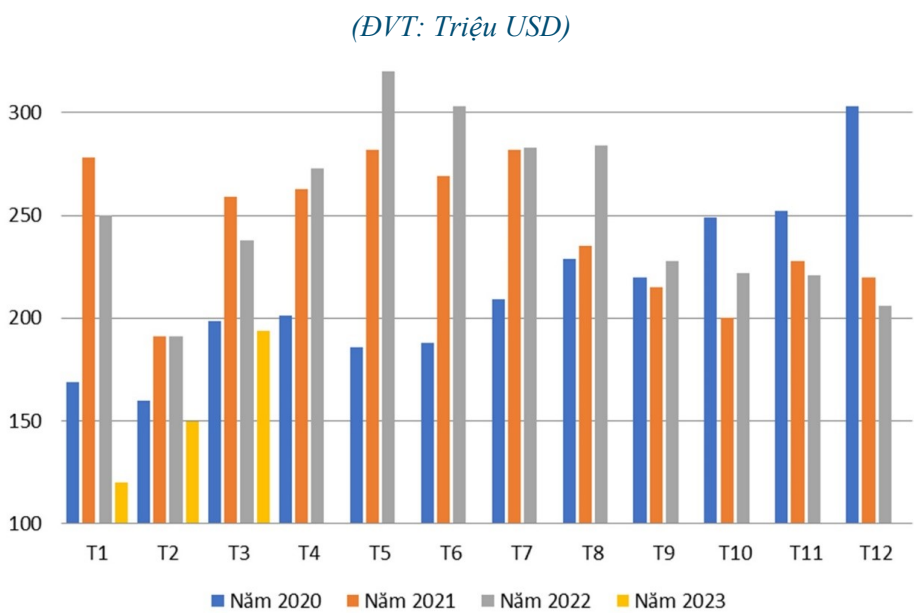
THEO DÕI MẶT HÀNG DỆT MAY XUẤT KHẨU

1. Tình hình nhập khẩu mặt hàng

a) Phân tích tình hình nhập khẩu các mặt hàng dệt may vào Việt Nam

Về thị trường nhập khẩu, 4 tháng đầu năm 2024, lượng nhập khẩu dệt may nguyên liệu từ các thị trường lớn như: Cameron, EU, Mỹ, Thái Lan, Trung Quốc, Lào... giảm so với cùng kỳ năm 2022. Trong khi đó, lượng nhập khẩu từ một số thị trường châu Phi lại tăng như: Congo, Angola, Suriname, Gabông... Về chủng loại, 4 tháng đầu năm 2024, lượng nhập khẩu các chủng loại dệt may lớn như: dệt may lim, thông, sồi, dương, hương... giảm so với cùng kỳ năm 2022. Trong khi đó, lượng nhập khẩu một số chủng loại tăng như: dệt may tần bì, gỗ, cao su, vân sam, căm xe, bằng lăng, dổi, mít...

Biểu đồ 01: Kim ngạch nhập khẩu dệt may và sản phẩm dệt may về Việt Nam theo tháng trong từ năm 2020 - 2024



Nguồn: Theo tính toán số liệu từ Tổng Cục Hải quan

Về thị trường nhập khẩu, 4 tháng đầu năm 2024, lượng nhập khẩu dệt may nguyên liệu từ các thị trường lớn như: Cameron, EU, Mỹ, Thái Lan, Trung Quốc, Lào... giảm so với cùng kỳ năm 2022. Trong khi đó, lượng nhập khẩu từ một số thị trường châu Phi lại tăng như: Congo, Angola, Suriname, Gabông...

b) Đánh giá chung về tình hình sản xuất trong nước

Việt Nam đã trở thành một trong những quốc gia sản xuất, xuất khẩu đồ dệt may lớn nhất thế giới. Cùng với sự cạnh tranh quyết liệt với những quốc gia khác, các doanh nghiệp dệt may Việt Nam đang gặp rất nhiều khó khăn tại các thị trường xuất khẩu do những quy định mới về nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm, thuế và các định chế thương mại liên quan.

Trong năm 2024, mặc dù kim ngạch xuất khẩu dệt may và sản phẩm có tăng trưởng nhưng chỉ đạt 79% kế hoạch đề ra, cho thấy tiềm ẩn những nguy cơ cần giải quyết. Khó khăn với ngành dệt may có thể kéo dài khi những yếu tố bất lợi vẫn hiện hữu như khủng hoảng địa chính trị lan rộng, suy thoái kinh tế thế giới, các thị trường xuất khẩu chính chưa phục hồi. Cùng với đó, ngành dệt may vẫn đối mặt những thách thức như đơn hàng phải cạnh tranh và yêu cầu về mẫu mã, chất lượng cao. Các rào cản thương mại nước ngoài ngày càng khắt khe, các chứng chỉ về quản lý rừng bền vững hay chứng chỉ giảm phát thải các-bon sau này bắt buộc sản phẩm dệt may khi xuất sang thị trường các nước phải tuân thủ. Nhiều thị trường lớn như EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ... đã yêu cầu các doanh nghiệp xuất khẩu dệt may phải có chứng chỉ bền vững, minh bạch trong chuỗi nguồn cung đã tác động đến các nhà sản xuất. Một số quốc gia nhập khẩu khác còn yêu cầu doanh nghiệp dệt may Việt Nam phải cung cấp các chứng nhận liên quan nguồn gốc sản phẩm, tình trạng sử dụng lao động, tiền lương, xử lý chất thải,...

c) Đánh giá và khuyến nghị

Việt Nam với vị thế thuộc nhóm các nước có tỷ trọng xuất khẩu dệt may hàng đầu thế giới, ngành dệt may Việt Nam đã mở rộng thị trường xuất khẩu, thâm nhập sâu hơn vào các thị trường quan trọng như Mỹ, EU, Hàn Quốc, Nhật Bản và ngày càng hiện diện nhiều hơn tại các thị trường mới nổi như UAE, Ấn Độ... Với nhiều thế mạnh về phát triển lâm nghiệp, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và các hiệp định thương mại tự do, xuất khẩu dệt may và sản phẩm dệt may của Việt Nam đã đạt được nhiều thành công trên thị trường quốc tế. Ngành dệt may Việt Nam có vị thế thuận lợi để tận dụng nhu cầu mạnh mẽ từ thị trường trong nước và quốc tế.

Theo các chuyên gia, áp lực từ PVTM sẽ luôn song hành trong bối cảnh Việt Nam tăng cường xuất khẩu cũng như thách thức thương mại lớn. Dù tạo nhiều khó khăn, các vụ việc PVTM cũng mở ra cơ hội để doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và củng cố vị thế trên thị trường quốc tế.

Nâng cao chất lượng sản phẩm là yếu tố quan trọng nhất. Các biện pháp PVTM thường nhằm vào vấn đề gian lận xuất xứ, phá giá hoặc không tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường, lao động. Việc đáp ứng các yêu cầu khắt khe này không chỉ giúp doanh nghiệp vượt qua các rào cản pháp lý mà còn tạo dựng niềm tin với người tiêu dùng và đối tác tại thị trường nhập khẩu.

Bên cạnh đó, hợp tác minh bạch với cơ quan điều tra là một chiến lược cần thiết.

THEO DÕI MẶT HÀNG THÉP TẮM XUẤT KHẨU

1. Tình hình xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường

Theo số liệu thống kê hải quan của Việt Nam, trong năm 2024, Việt Nam xuất khẩu hơn 1 tỷ USD sản phẩm thép mã HS 7208, giảm 13,31% so với năm 2024.

Xuất khẩu sau đó đã tăng mạnh trở lại trong 3 tháng đầu năm 2024, với kết quả nửa đầu năm đã đạt 1,01 tỷ USD, tăng tới 104,3% so với cùng kỳ năm 2024.

Italy, Malaysia, Ấn Độ là ba thị trường xuất khẩu lớn nhất của sản phẩm thép mã HS 7208 từ Việt Nam. Trong số các thị trường thành viên của EU, xuất khẩu sang Tây Ban Nha ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ trong nửa đầu năm nay, tuy nhiên, thị phần của thị trường này mới chỉ chiếm 4,84% tổng trị giá xuất khẩu thép mã HS 7208 từ Việt Nam.

Hoa Kỳ không nằm trong nhóm 10 thị trường đích đến hàng đầu của sản phẩm xuất khẩu này từ nước ta, tỷ trọng của thị trường Hoa Kỳ cũng rất thấp, chỉ chưa đến 0,01%.

Bảng 1: Xuất khẩu thép tấm mã HS 7208 từ Việt Nam ra thế giới và 10 thị trường chính

Thị trường	Trị giá năm 2024 (triệu USD)	Trị giá năm 2024 (triệu USD)	Năm 2024 so với năm 2024 (%)	Tỷ trọng của thị trường trong năm 2024 (%)	Trị giá 3T/2024 (triệu USD)	So với 3 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng của thị trường trong 3 tháng 2024 (%)
Tổng	1,207.61	1,048.10	-13.21		1,101.13	104.30	
Trong đó 10 thị trường dẫn đầu về trị giá trong 6 tháng đầu năm 2024 gồm							
Italy	349.53	322.05	-7.86	30.73	411.81	17.82	37.40
Malaysia	321.64	359.29	11.70	34.28	174.48	-9.67	15.85
Ấn Độ		51.49		4.91	125.22		11.37
Indonesia	146.63	148.02	0.95	14.12	81.35	93.10	7.39
Tây Ban Nha	9.65	3.22	-66.67	0.31	53.34	1,560.00	4.84
Thổ Nhĩ Kỳ				0.00	29.87		2.71
Pakistan		4.48		0.43	29.81		2.71
Pháp	0.00		-100.00	0.00	29.31		2.66
Bồ Đào Nha	7.39		-100.00	0.00	27.83		2.53
Brazil	3.25		-100.00	0.00	25.14		2.28

Theo số liệu thống kê của Việt Nam, nước ta đã xuất khẩu tổng cộng 13,53 triệu USD thép mã HS 7211 ra thế giới trong năm 2024, giảm 44,8% so với năm 2024. 6 tháng đầu năm 2024, có 4,56 triệu USD sản phẩm này được xuất khẩu, tiếp tục giảm tới 48,6% so với cùng kỳ năm 2024.

Nhóm hàng này được xuất khẩu nhiều nhất sang Campuchia và Mexico, ngoài ra còn được xuất khẩu sang hai nước Đông Nam Á khác là Thái Lan và Lào. Các thị trường Đông Bắc Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc cũng đứng trong Top 10 thị trường xuất khẩu hàng đầu nhóm hàng này từ Việt Nam.

Các thị trường thành viên của EU không nằm trong nhóm 10 đích đến hàng đầu của nhóm hàng mã HS 7211 từ Việt Nam; trong khi đó Hoa Kỳ xếp thứ 10 tính theo giá trị xuất khẩu trong 6 tháng đầu năm 2024, tuy nhiên tỷ trọng của Hoa Kỳ khá khiêm tốn, chỉ chiếm 0,39%.

Bảng 2: Xuất khẩu thép tấm mã HS 7211 từ Việt Nam ra thế giới và 10 thị trường chính

Thị trường	Trị giá năm 2024 (triệu USD)	Trị giá năm 2024 (triệu USD)	Năm 2024 so với năm 2024 (%)	Tỷ trọng năm 2024 (%)	Trị giá 3T/2024 (triệu USD)	So với 3 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng 3 tháng 2024 (%)
Tổng	24.52	13.53	-44.80		4.56	-49.60	
Trong đó 10 thị trường dẫn đầu về trị giá trong 6 tháng đầu năm 2024 gồm							
1. Campuchia	18.02	9.28	-48.50	68.56	2.36	-62.79	51.86
2. Mexico	0.00	0.17	3,544.65	1.23	0.72		15.89
3. Thái Lan	2.64	1.07	-59.61	7.89	0.72	35.28	15.86
4. Lào	0.37	0.48	29.35	3.54	0.32	83.00	6.93
5. Australia		0.11		0.78	0.10		2.28
6. Nhật Bản	0.07	0.14	100.03	1.05	0.09	41.89	1.99
7. Hàn Quốc	0.07	0.11	50.68	0.83	0.09	-11.68	1.98
8. Trung Quốc	0.46	0.09	-81.02	0.64	0.06	197.33	1.34
9. Đảo Marshall				0.00	0.03		0.61
10. Hoa Kỳ		0.07		0.48	0.02	-55.27	0.39

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê hải quan của Việt Nam

Tính toán từ số liệu thống kê hải quan của Việt Nam cho thấy năm 2024, Việt Nam xuất khẩu 180,34 triệu USD sản phẩm thép mã HS 7225, đến năm 2024, trị giá xuất khẩu giảm 10,21% xuống còn 161,9 triệu USD. Tình hình xuất khẩu tiếp tục kém khả quan trong 6 tháng đầu năm 2024 khi chỉ đạt 66,66 triệu USD, giảm 39,67% so với cùng kỳ năm 2024 và ước cả năm nay trị giá xuất khẩu cũng sẽ thấp hơn mức đã đạt được trong 2 năm liền trước.

Trong Nhóm10 thị trường xuất khẩu hàng đầu các sản phẩm mã HS 7225 từ Việt Nam có 01 đại diện thành viên của EU là Đức, với trị giá xuất khẩu 360 nghìn USD trong 6 tháng đầu năm 2024, tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2024 (mức tăng mạnh này là do trong năm 2024, Việt Nam chỉ xuất khẩu trị giá rất nhỏ nhóm hàng này sang Đức).

Trong khi đó, với trị giá xuất khẩu rất nhỏ, Hoa Kỳ không nằm trong nhóm các thị trường xuất khẩu chính nhóm hàng mã HS 7225 từ Việt Nam.

Bảng 3: Xuất khẩu thép tấm mã HS 7225 từ Việt Nam ra thế giới và 10 thị trường chính

Thị trường	Trị giá năm 2024 (triệu USD)	Trị giá năm 2024 (triệu USD)	Năm 2024 so với năm 2024 (%)	Tỷ trọng năm 2024 (%)	Trị giá 3T/2024 (triệu USD)	So với 3 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng 3 tháng 2024 (%)
Tổng	180.34	161.94	-10.21		66.66	-39.67	
Trong đó 10 thị trường dẫn đầu về trị giá trong 6 tháng đầu năm 2024 gồm							
Canada				0.00	1.04		28
Thái Lan	1.27	2.38	87.40	44.05	0.92	-8.18	24
Đức		0.01		0.22	0.36	4,252.81	10
Malaysia	0.96	0.92	-3.95	17.03	0.32	-43.39	9
Trung Quốc	0.17	0.39	130.41	7.15	0.31	314.68	8
Philippines	0.62	0.08	-86.36	1.57	0.27	219.66	7
Séc				0.00	0.15		4
Singapore	0.21	0.27	29.21	5.06	0.14	-19.48	4
Các tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất			0.00	0.10		3	
Sri Lanka	0.34	0.28	-16.31	5.25	0.05	-80.78	1
....							
Hoa Kỳ	12.24	0.14	-98.87	0.09	1.37	929.78	2.05

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê hải quan của Việt Nam

Tính toán từ số liệu thống kê của hải quan Việt Nam cho thấy trị giá xuất khẩu sản phẩm thép mã HS 7226 từ Việt Nam đã giảm nhẹ 2,07% trong năm 2024, xuống còn 5,41 triệu USD. Tuy nhiên tình hình xuất khẩu có tín hiệu khả quan hơn khi nửa đầu năm 2024 đã xuất khẩu được 3,75 triệu USD nhóm hàng này, tăng 27,17% so với nửa đầu năm 2024.

Trong 3 tháng đầu năm 2024, nhóm sản phẩm này được xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Canada, với trị giá 1,04 triệu USD, chiếm tỷ trọng 27,69% tổng trị giá nhóm hàng này từ Việt Nam.

Đức là đại diện của EU nằm trong nhóm 3 thị trường xuất khẩu hàng đầu nhóm hàng mã HS 7226 từ Việt Nam với tỷ trọng trong 6 tháng đầu năm nay là 9,68% tổng trị giá xuất khẩu của Việt Nam. Hoa Kỳ cũng không nằm trong nhóm

các thị trường xuất khẩu hàng đầu đối với nhóm hàng này từ Việt Nam. Số liệu thống kê cũng cho thấy trong 6 tháng đầu năm nay Việt Nam hầu như không xuất khẩu nhóm hàng này sang Hoa Kỳ.

Bảng 4: Xuất khẩu thép tấm mã HS 7226 từ Việt Nam ra thế giới và 10 thị trường chính

Thị trường	Trị giá năm 2024 (triệu USD)	Trị giá năm 2024 (triệu USD)	Năm 2024 so với năm 2024 (%)	Tỷ trọng năm 2024 (%)	Trị giá 3T/2024 (triệu USD)	So với 3 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng 3 tháng 2024 (%)
Tổng	5.52	5.41	-2.07		3.75	27.17	
Canada				0.00	1.04		27.69
Thái Lan	1.27	2.38	87.40	44.05	0.92	-8.18	24.42
Đức		0.01		0.22	0.36	4,252.81	9.68
Malaysia	0.96	0.92	-3.95	17.03	0.32	-43.39	8.56
Trung Quốc	0.17	0.39	130.41	7.15	0.31	314.68	8.17
Philippines	0.62	0.08	-86.36	1.57	0.27	219.66	7.22
Séc				0.00	0.15		4.01
Singapore	0.21	0.27	29.21	5.06	0.14	-19.48	3.67
Các tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất	0.00	0.10		2.67			
Sri Lanka	0.34	0.28	-16.31	5.25	0.05	-80.78	1.22
Campuchia	0.06	0.31	400.70	5.73	0.04	-87.39	1.04
....Hoa Kỳ	0.02	0.01	-21.63	0.01	0	-100.00	0

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê hải quan của Việt Nam

2. Cập nhật các biện pháp phòng vệ thương mại đối với mặt hàng

Từ tháng 02 năm 2017, Bộ Thương mại Hoa (DOC) đã áp thuế chống bán phá giá (CBPG) và chống trợ cấp (CTC) lên các sản phẩm thép tấm không gỉ (mã HS thuộc nhóm 7219 và 7220) có xuất xứ Trung Quốc với mức thuế CBPG từ 63,86 - 76,64% và thuế CTC từ 75,60% đến 190,71%. Trong khi đó, mức thuế nhập khẩu Hoa Kỳ áp dụng với thép tấm không gỉ của Việt Nam là 0%.

Sau đó, để tránh nguy cơ hàng hóa nhập khẩu vào nước này “lẩn tránh” các biện pháp phòng vệ thương mại, ngày 13/5/2020, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) thông báo khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp chống lẩn tránh thuế với sản phẩm thép tấm không gỉ nhập khẩu từ Việt Nam. DOC đã điều tra hai nội dung: (1) Điều tra về phạm vi sản phẩm (scope inquiry) để xác định liệu sản phẩm thép tấm không gỉ được sản xuất tại Trung Quốc sau đó được gia công thêm ở Việt Nam trước khi xuất khẩu sang Hoa Kỳ có thuộc đối tượng đang bị áp thuế hay không; và (2) điều tra về hành vi lẩn tránh (circumvention) của các doanh nghiệp Việt Nam.

Đây là vụ việc Bộ Thương mại Hoa Kỳ tự khởi xướng điều tra dựa trên các thông tin sẵn có với cáo buộc mặt hàng thép tấm không gỉ đang có dấu hiệu lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại mà Hoa Kỳ đang áp dụng với hàng hóa tương tự của Trung Quốc từ năm 2016 với mức thuế là từ 139% - 267%. Căn cứ để Bộ Thương mại Hoa Kỳ khởi xướng điều tra với lý do các nhà sản xuất xuất khẩu của Việt Nam nhập khẩu nguyên liệu thép cán phẳng không gỉ từ Trung Quốc sau đó gia công hoàn thiện tại Việt Nam và xuất khẩu sang Hoa Kỳ; Lượng xuất khẩu sản phẩm thép tấm không gỉ từ Việt Nam có sự gia tăng đáng kể trong giai đoạn trước và sau khi Hoa Kỳ áp thuế với Trung Quốc. Xuất khẩu sản phẩm thép tấm không gỉ từ Việt Nam sang Hoa Kỳ liên tục giảm từ 32.000 tấn năm 2017 xuống còn 25.000 tấn năm 2018 và tiếp tục giảm xuống còn 23.000 tấn năm 2019.

Theo thông báo liên bang ngày 9 tháng 8 năm 2024, theo quyết định của Bộ Thương mại Hoa Kỳ (Thương mại) và Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ về việc hủy bỏ lệnh chống bán phá giá (AD) và thuế chống trợ cấp (CVD) đối với một số sản phẩm carbon cắt theo chiều dài nhất định Tấm thép chất lượng (tấm CTL) từ Ấn Độ, Indonesia và Hàn Quốc có thể sẽ dẫn đến việc tiếp tục hoặc tái diễn hành vi bán phá giá và trợ cấp, đồng thời gây thiệt hại vật chất ngành công nghiệp ở Hoa Kỳ, do đó Bộ Thương mại Hoa Kỳ đưa ra thông báo tiếp tục các lệnh AD và CVD này. Hàng hóa thuộc đối tượng của Lệnh áp dụng biện pháp PVTM này được phân loại trong HTSUS theo các phân nhóm: 7208.40.3030, 7208.40.3060, 7208.51.0030, 7208.51.0045, 7208.51.0060, 7208.52.0000, 7208.53.0000, 7208.90.0000, 7210.70.3000, 7210.90.9000, 7211.13.0000, 7211.14.0030, 7211.14.0045, 7211.90.0000, 7212.40.1000, 7212.40.5000, 7212.50.0000, 7225.40.3050, 7225.40.7000, 7225.50.6000, 7225.99.0090, 7226.91.5000, 7226.91.7000, 7226.91.8000, 7226.99.0000.

2.1. EU

Liên minh châu Âu (EU) vừa ban hành Quy định (EU) 2024/1301, sửa đổi Quy định (EU) 2019/159 về việc áp

dụng biện pháp tự vệ đối với một số sản phẩm thép nhập khẩu. Ủy ban Châu Âu không gia hạn thuế tự vệ thêm một năm trừ khi các nhà sản xuất thép của EU có thể chứng minh được thiệt hại từ hàng hóa nhập khẩu.

(1) EU gia hạn biện pháp tự vệ đối với thép nhập khẩu dưới hình thức hạn ngạch thuế quan (TRQ)

Ngày 2/6/2024, Ủy ban Tự vệ của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) thông báo Liên minh châu Âu (EU) tiếp tục gia hạn biện pháp tự vệ đối với thép nhập khẩu dưới hình thức hạn ngạch thuế quan (TRQ) đối với một số sản phẩm thép nhập khẩu thêm một năm nữa. Quyết định có hiệu lực từ ngày 01/7/2024 đến ngày 30/6/2024.

Nguyên nhân của việc gia hạn là do ngành thép nội địa châu Âu có thể bị ảnh hưởng nặng nề từ việc nước ngoài bán phá giá và xuất khẩu thép giá rẻ. EC tiếp tục duy trì khả năng phòng thủ bằng cách phân bổ hạn ngạch xen kẽ giữa cách phân bổ hạn ngạch riêng cho từng nước và phân bổ hạn ngạch chung cho các nước còn lại. Mức thuế ngoài hạn ngạch là 25%. Lượng hạn ngạch không chịu thuế tiếp tục tăng 4% so với thời gian từ 01/7/2024 đến 30/6/2024.

Việt Nam được EU áp dụng hạn ngạch tiêu chuẩn hàng quý đối với 8 nhóm sản phẩm, trong đó có các sản phẩm thép tấm, cụ thể gồm:

Nhóm 1: thép tấm cán nóng

Nhóm 3B: Thép tấm kỹ thuật điện

Nhóm 4A, 4B: thép tấm mạ kẽm

Nhóm 5: Thép tấm phủ hữu cơ

Nhóm 9: Thép tấm cán nguội không gỉ

Nhóm 25B: Ống thép cỡ lớn

Nhóm 26: Ống thép khác

Đối với các nhóm sản phẩm thép khác, Việt Nam được miễn áp dụng biện pháp tự vệ theo tiêu chí dành cho nước đang phát triển có kim ngạch nhập khẩu dưới 3%. Trường hợp thị phần nhập khẩu nhóm sản phẩm thép khác từ Việt Nam vào EU vượt quá 3%, nhóm này sẽ được đưa vào danh sách áp dụng TRQ trong đợt rà soát hành chính hàng năm.

(2) EU sửa đổi áp dụng biện pháp tự vệ đối với một số thép nhập khẩu

Sau khi lắng nghe khuyến nghị của các nước liên quan trong khoảng thời gian từ ngày 6/5/2024 đến ngày 13/6/2024 cùng với việc đánh giá xem có nên chấm dứt biện pháp tự vệ sớm trước tháng 6 năm 2024 dựa trên số liệu xuất nhập khẩu chung của năm 2024 hay không, EU đã ban hành quy định sửa đổi mới có hiệu lực từ ngày 1/7/2024.

Theo các quy định sửa đổi, tất cả hạn ngạch thuế quan (TRQ) của biện pháp tự vệ sẽ tiếp tục tăng 4% kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2024. Bất kỳ thành viên nào của WTO là quốc gia đang phát triển đều được miễn thuế tự vệ trong trường hợp quốc gia đó xuất khẩu sang các nước đang phát triển. EU chiếm dưới 3% tổng lượng nhập khẩu của mỗi loại sản phẩm. Việt Nam tiếp tục áp dụng danh mục 26 và bỏ danh mục 3A so với danh mục cũ.

Nếu tổng tỷ trọng nhập khẩu từ các nước đang phát triển (với tỷ trọng riêng lẻ dưới 3%) vượt quá 9% trong một danh mục cụ thể, họ sẽ phải chịu biện pháp tương tự đối với danh mục sản phẩm đó.

Theo Quy định trên, các nước được hưởng lợi từ việc mở rộng hạn ngạch theo quốc gia bao gồm Việt Nam, Thổ Nhĩ Kỳ, Brazil, Trung Quốc, Ai Cập, Ấn Độ, Indonesia, Malaysia, Moldova, Bắc Macedonia, Oman.

Ngày 8/11/2019, CBSA khởi xướng điều tra thuế chống bán phá giá (CBPG) và thuế chống trợ cấp (CTC) đối với sản phẩm thép COR nhập khẩu từ Thổ Nhĩ Kỳ, Các Tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất (UAE) và Việt Nam. Ngày 16/11/2020, cơ quan điều tra ban hành lệnh áp thuế như sau: Thổ Nhĩ Kỳ từ 0% đến 26,1% (thuế CBPG) và 0,4% đến 3,6% (thuế CTC); UAE không bị áp thuế CBPG và CTC; Việt Nam từ 2,3% đến 71,1% (thuế CBPG) và không bị áp thuế CTC. Mức thuế này được áp dụng trong 5 năm kể từ ngày 17/11/2020.

Theo Trademap, kể từ thời điểm Canada áp dụng thuế CBPG đối với sản phẩm thép COR từ năm 2020, sản lượng xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này trong năm 2020 là khoảng 22.800 tấn và tăng mạnh khoảng 4 lần lên 87.700 tấn vào năm 2024, chiếm lần lượt 2,5% và 6,5% tổng sản lượng nhập khẩu thép COR của Canada.

Kim ngạch xuất khẩu trong năm 2020 và 2024 lần lượt là khoảng 15,4 triệu USD và 104,8 triệu USD.

Do đó, Cơ quan Hải quan và Biên phòng Canada (CBSA) đã thông báo khởi xướng điều tra lại (rà soát hành chính) để xác định lại mức thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm thép COR nhập khẩu từ Việt Nam. Mã HS sản phẩm bị điều tra: 7210.30; 7210.49; 7210.61; 7210.69; 7212.20; 7212.30; 7212.50; 7225.91; 7225.92; 7226.99 (lưu ý mã HS chỉ có ý nghĩa tham khảo).

Nhận định và kiến nghị

Như vậy có thể thấy trong số các mã HS 7208, 7211, 7225 và 7226, hiện Việt Nam xuất khẩu nhiều nhất là nhóm hàng mã HS 7208, nhóm hàng này cũng có thị phần tăng tại EU trong khi thị phần tại Hoa Kỳ không đáng kể.

Tuy nhiên thép tấm cũng như nhiều sản phẩm sắt thép khác nằm trong danh mục các nhóm hàng bị áp dụng nhiều biện pháp phòng vệ thương mại nhất trên thế giới. Theo đó không chỉ các thị trường phát triển như Hoa Kỳ, EU, Canada mà các thị trường đang phát triển hoặc mới nổi như Ấn Độ, Thái Lan...cũng đã thực hiện các cuộc điều tra áp dụng biện pháp PVTM đối với nhóm hàng này.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp xuất khẩu thép tấm của Việt Nam, Cục Phòng vệ thương mại (Bộ Công Thương) khuyến nghị các doanh nghiệp liên quan theo dõi sát diễn biến thị trường, tình hình nhập khẩu của các thị trường, đặc biệt là Hoa Kỳ, EU. Đồng thời, các DN cần chủ động tìm hiểu hoặc liên hệ Cục phòng vệ thương mại để được cung cấp thông tin và nắm vững quy định, trình tự, thủ tục điều tra áp dụng các biện pháp PVTM tại các thị trường xuất khẩu. Đặc biệt, trong bối cảnh hàng từ các nước khác bị áp dụng các biện pháp PVTM (chống bán phá giá, chống trợ cấp), Hoa Kỳ và EU cũng có nhiều khả năng sẽ tăng cường việc giám sát và điều tra chống lẫn tránh các biện pháp PVTM. Do đó các doanh nghiệp thép của Việt Nam cần chuẩn bị đầy đủ giấy tờ, chứng từ chứng minh về xuất xứ hàng hóa hợp pháp, không tiếp tay cho các đối tượng có ý định lẫn tránh thuế.

Ngoài ra, các doanh nghiệp nên hợp tác đầy đủ, cung cấp thông tin cho cơ quan điều tra khi có yêu cầu; có ý kiến kịp thời đối với các kết luận của cơ quan điều tra tại Hoa Kỳ và EU hoặc các vấn đề do các bên liên quan nêu; thường xuyên trao đổi, phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương trong quá trình xử lý các vụ việc liên quan nếu có.

Bởi vậy, vụ việc sẽ được kết thúc trong vòng 9 tháng từ ngày thông báo có hiệu lực. Các bên liên quan phải trình diện trước cơ quan điều tra trong vòng 15 ngày kể từ ngày thông báo có hiệu lực.

Ngoài ra, các bên liên quan hoặc đại diện theo pháp luật phải nộp bản trả lời câu hỏi, ý kiến bằng văn bản, đề nghị xem xét miễn trừ hoặc các thông tin cần thiết khác trong vòng 37 ngày kể từ ngày đăng công báo của EU.

Mặt khác, các bên liên quan có thể đề nghị EC tham vấn trong thời hạn 37 ngày. Đối với tham vấn về việc khởi xướng, các bên liên quan cần gửi yêu cầu tới EC trong vòng 15 ngày kể từ ngày thông báo có hiệu lực.

EC đã đưa ra hướng dẫn về việc nộp ý kiến bằng văn bản, gửi bản câu hỏi và câu trả lời; thu thập thông tin và tổ chức tham vấn; yêu cầu miễn trừ.

THEO DÕI MẶT HÀNG THÉP CUỘN XUẤT KHẨU

Tình hình xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường Theo số liệu thống kê hải quan của Việt Nam, trong năm 2024, Việt Nam xuất khẩu hơn 1 tỷ USD sản phẩm dây cáp điện mã HS 7208, giảm 13,31% so với năm 2024.

Xuất khẩu sau đó đã tăng mạnh trở lại trong 3 tháng đầu năm 2024, với kết quả nửa đầu năm đã đạt 1,01 tỷ USD, tăng tới 104,3% so với cùng kỳ năm 2024.

Italy, Malaysia, Ấn Độ là ba thị trường xuất khẩu lớn nhất của sản phẩm dây cáp điện mã HS 7208 từ Việt Nam. Trong số các thị trường thành viên của EU, xuất khẩu sang Tây Ban Nha ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ trong nửa đầu năm nay, tuy nhiên, thị phần của thị trường này mới chỉ chiếm 4,84% tổng trị giá xuất khẩu dây cáp điện mã HS 7208 từ Việt Nam.

Hoa Kỳ không nằm trong nhóm 10 thị trường đích đến hàng đầu của sản phẩm xuất khẩu này từ nước ta, tỷ trọng của thị trường Hoa Kỳ cũng rất thấp, chỉ chưa đến 0,01%. Cập nhật các biện pháp phòng vệ thương mại đối với mặt hàng

Từ tháng 02 năm 2017, Bộ Thương mại Hoa (DOC) đã áp thuế chống bán phá giá (CBPG) và chống trợ cấp (CTC) lên các sản phẩm dây cáp điện không gỉ (mã HS thuộc nhóm 7219 và 7220) có xuất xứ Trung Quốc với mức thuế CBPG từ 63,86 - 76,64% và thuế CTC từ 75,60% đến 190,71%. Trong khi đó, mức thuế nhập khẩu

Hoa Kỳ áp dụng với dây cáp điện không gỉ của Việt Nam là 0%.

Sau đó, để tránh nguy cơ hàng hóa nhập khẩu vào nước này “lẩn tránh” các biện pháp phòng vệ thương mại, ngày 13/5/2020, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) thông báo khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp chống lẩn tránh thuế với sản phẩm dây cáp điện không gỉ nhập khẩu từ Việt Nam. DOC đã điều tra hai nội dung: (1) Điều tra về phạm vi sản phẩm (scope inquiry) để xác định liệu sản phẩm dây cáp điện không gỉ được sản xuất tại Trung Quốc sau đó được gia công thêm ở Việt Nam trước khi xuất khẩu sang Hoa Kỳ có thuộc đối tượng đang bị áp thuế hay không; và (2) điều tra về hành vi lẩn tránh (circumvention) của các doanh nghiệp Việt Nam.

Đây là vụ việc Bộ Thương mại Hoa Kỳ tự khởi xướng điều tra dựa trên các thông tin sẵn có với cáo buộc mặt hàng dây cáp điện không gỉ đang có dấu hiệu lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại mà Hoa Kỳ đang áp dụng với hàng hóa tương tự của Trung Quốc từ năm 2016 với mức thuế là từ 139% - 267%. Căn cứ để Bộ Thương mại Hoa Kỳ khởi xướng điều tra với lý do các nhà sản xuất xuất khẩu của Việt Nam nhập khẩu nguyên liệu dây cáp điện cán phẳng không gỉ từ Trung Quốc sau đó gia công hoàn thiện tại Việt Nam và xuất khẩu sang Hoa Kỳ; Lượng xuất khẩu sản phẩm dây cáp điện không gỉ từ Việt Nam có sự gia tăng đáng kể trong giai đoạn trước và sau

khi Hoa Kỳ áp thuế với Trung Quốc. Xuất khẩu sản phẩm dây cáp điện không gi từ Việt Nam sang Hoa Kỳ liên tục giảm từ 32.000 tấn 2017 xuống còn 25.000 tấn năm 2018 và tiếp tục giảm xuống còn 23.000 tấn năm 2019.

Theo thông báo liên bang ngày 9 tháng 8 năm 2024, theo quyết định của Bộ Thương mại Hoa Kỳ (Thương mại) và Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ về việc hủy bỏ lệnh chống bán phá giá (AD) và thuế chống trợ cấp (CVD) đối với một số sản phẩm carbon cắt theo chiều dài nhất định Tấm dây cáp điện chất lượng (tấm CTL) từ Ấn Độ, Indonesia và Hàn Quốc có thể sẽ dẫn đến việc tiếp tục hoặc tái diễn hành vi bán phá giá và trợ cấp, đồng thời gây thiệt hại vật chất ngành công nghiệp ở Hoa Kỳ, do đó Bộ Thương mại Hoa Kỳ đưa ra thông báo tiếp tục các lệnh AD và CVD này. Hàng hóa thuộc đối tượng của Lệnh áp dụng biện pháp PVTM này được phân loại trong HTSUS theo các phân nhóm:

7208.40.3030,	7208.40.3060,	7208.51.0030,
7208.51.0045,	7208.51.0060,	7208.52.0000,
7208.53.0000,	7208.90. 0000,	7210.70.3000,
7210.90.9000,	7211.13 .0000,	7211.14.0030,
7211.14.0045,	7211.90.0000,	7212.40.1000,
7212.40.5000,	7212.50.0000,	7225.40.3050,
7225.40.7000,	72 25.50.6000,	7225.99.0090,
7226.91.5000,	7226.91.7000 ,	7226.91.8000,
7226.99.0000.		

EU

Liên minh châu Âu (EU) vừa ban hành Quy định (EU) 2024/1301, sửa đổi Quy định (EU) 2019/159 về việc áp dụng biện pháp tự vệ đối với một số sản phẩm dây cáp điện nhập khẩu. Ủy ban Châu Âu không gia hạn thuế tự vệ thêm một năm trừ khi các nhà sản xuất dây cáp điện của EU có thể chứng minh được thiệt hại từ hàng hóa nhập khẩu.

(1) EU gia hạn biện pháp tự vệ đối với dây cáp điện nhập khẩu dưới hình thức hạn ngạch thuế quan (TRQ) Ngày 2/6/2024, Ủy ban Tự vệ của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) thông báo Liên minh châu Âu (EU) tiếp tục gia hạn biện pháp tự vệ đối với dây cáp điện

nhập khẩu dưới hình thức hạn ngạch thuế quan (TRQ) đối với một số sản phẩm dây cáp điện nhập khẩu thêm một năm nữa. Quyết định có hiệu lực từ ngày 01/7/2024 đến ngày 30/6/2024.

Nguyên nhân của việc gia hạn là do ngành dây cáp điện nội địa châu Âu có thể bị ảnh hưởng nặng nề từ việc nước ngoài bán phá giá và xuất khẩu dây cáp điện giá rẻ. EC tiếp tục duy trì khả năng phòng thủ bằng cách phân bổ hạn ngạch xen kẽ giữa cách phân bổ hạn ngạch riêng cho từng nước và phân bổ hạn ngạch chung cho các nước còn lại. Mức thuế ngoài hạn ngạch là 25%. Lượng hạn ngạch không chịu thuế tiếp tục tăng 4% so với thời gian từ 01/7/2021 đến 30/6/2024.

Việt Nam được EU áp dụng hạn ngạch tiêu chuẩn hàng quý đối với 8 nhóm sản phẩm, trong đó có các sản phẩm dây cáp điện, cụ thể gồm:

Nhóm 1: dây cáp điện cán nóng

Nhóm 3B: Dây cáp điện kỹ thuật điện

Nhóm 4A, 4B: dây cáp điện mạ kẽm

Nhóm 5: Dây cáp điện phủ hữu cơ

Nhóm 9: Dây cáp điện cán nguội không gi

Nhóm 25B: Ống dây cáp điện cỡ lớn

Nhóm 26: Ống dây cáp điện khác

Đối với các nhóm sản phẩm dây cáp điện khác, Việt Nam được miễn áp dụng biện pháp tự vệ theo tiêu chí dành cho nước đang phát triển có kim ngạch nhập khẩu dưới 3%. Trường hợp thị phần nhập khẩu nhóm sản phẩm dây cáp điện khác từ Việt Nam vào EU vượt quá 3%, nhóm này sẽ được đưa vào danh sách áp dụng TRQ trong đợt rà soát hành chính hàng năm.

(2) EU sửa đổi áp dụng biện pháp tự vệ đối với một số dây cáp điện nhập khẩu

Sau khi lắng nghe khuyến nghị của các nước liên quan trong khoảng thời gian từ ngày 6/5/2024 đến ngày 13/6/2024 cùng với việc đánh giá xem có nên chấm dứt biện pháp tự vệ sớm trước tháng 6 năm 2024 dựa trên số liệu xuất nhập khẩu chung của năm 2024 hay không, EU đã ban hành quy định sửa đổi mới có hiệu lực từ ngày 1/7/2024.

Theo các quy định sửa đổi, tất cả hạn ngạch thuế quan (TRQ) của biện pháp tự vệ sẽ tiếp tục tăng 4% kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2024. Bất kỳ thành viên nào của WTO là quốc gia đang phát triển đều được miễn thuế tự vệ trong trường hợp quốc gia đó xuất khẩu sang các nước đang phát triển. EU chiếm dưới 3% tổng lượng nhập khẩu của mỗi loại sản phẩm. Việt Nam tiếp tục áp dụng danh mục 26 và bỏ danh mục 3A so với danh mục cũ.

Nếu tổng tỷ trọng nhập khẩu từ các nước đang phát triển (với tỷ trọng riêng lẻ dưới 3%) vượt quá 9% trong một danh mục cụ thể, họ sẽ phải chịu biện pháp tương tự đối với danh mục sản phẩm đó.

Theo Quy định trên, các nước được hưởng lợi từ việc mở rộng hạn ngạch theo quốc gia bao gồm Việt Nam, Thổ Nhĩ Kỳ, Brazil, Trung Quốc, Ai Cập, Ấn Độ, Indonesia, Malaysia, Moldova, Bắc Macedonia, Oman.

Ngày 8/11/2019, CBSA khởi xướng điều tra thuế chống bán phá giá (CBPG) và thuế chống trợ cấp (CTC) đối với sản phẩm dây cáp điện COR nhập khẩu từ Thổ Nhĩ Kỳ, Các Tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất (UAE) và Việt Nam.

Ngày 16/11/2020, cơ quan điều tra ban hành lệnh áp thuế như sau: Thổ Nhĩ Kỳ từ 0% đến 26,1% (thuế CBPG) và 0,4% đến 3,6% (thuế CTC); UAE không bị áp thuế CBPG và CTC; Việt Nam từ 2,3% đến 71,1% (thuế CBPG) và không bị áp thuế CTC. Mức thuế này được áp dụng trong 5 năm kể từ ngày 17/11/2020.

Theo Trademap, kể từ thời điểm Canada áp dụng thuế CBPG đối với sản phẩm dây cáp điện COR từ năm 2020, sản lượng xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này trong năm 2020 là khoảng 22.800 tấn và tăng mạnh khoảng 4 lần lên 87.700 tấn vào năm 2021, chiếm lần lượt 2,5% và 6,5% tổng sản lượng nhập khẩu dây cáp điện COR của Canada. Kim ngạch xuất khẩu trong năm 2020 và 2021 lần lượt là khoảng 15,4 triệu USD và 104,8 triệu USD.

Do đó, Cơ quan Hải quan và Biên phòng Canada (CBSA) đã thông báo khởi xướng điều tra lại (rà soát hành chính) để xác định lại mức thuế chống bán phá giá

đối với sản phẩm dây cáp điện COR nhập khẩu từ Việt Nam. Mã HS sản phẩm bị điều tra: 7210.30; 7210.49; 7210.61; 7210.69; 7212.20; 7212.30; 7212.50; 7225.91; 7225.92; 7226.99 (lưu ý mã HS chỉ có ý nghĩa tham khảo).

Nhận định và kiến nghị

Như vậy có thể thấy trong số các mã HS 7208, 7211, 7225 và 7226, hiện Việt Nam xuất khẩu nhiều nhất là nhóm hàng mã HS 7208, nhóm hàng này cũng có thị phần tăng tại EU trong khi thị phần tại Hoa Kỳ không đáng kể.

Tuy nhiên dây cáp điện cũng như nhiều sản phẩm sắt dây cáp điện khác nằm trong danh mục các nhóm hàng bị áp dụng nhiều biện pháp phòng vệ thương mại nhất trên thế giới. Theo đó không chỉ các thị trường phát triển như Hoa Kỳ, EU, Canada mà các thị trường đang phát triển hoặc mới nổi như Ấn Độ, Thái Lan...cũng đã thực hiện các cuộc điều tra áp dụng biện pháp PVTM đối với nhóm hàng này.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp xuất khẩu dây cáp điện của Việt Nam, Cục Phòng vệ thương mại (Bộ Công Thương) khuyến nghị các doanh nghiệp liên quan theo dõi sát diễn biến thị trường, tình hình nhập khẩu của các thị trường, đặc biệt là Hoa Kỳ, EU. Đồng thời, các DN cần chủ động tìm hiểu hoặc liên hệ Cục phòng vệ thương mại để được cung cấp thông tin và nắm vững quy định, trình tự, thủ tục điều tra áp dụng các biện pháp PVTM tại các thị trường xuất khẩu. Đặc biệt, trong bối cảnh hàng từ các nước khác bị áp dụng các biện pháp PVTM (chống bán phá giá, chống trợ cấp), Hoa Kỳ và EU cũng có nhiều khả năng sẽ tăng cường việc giám sát và điều tra chống lẫn tránh các biện pháp PVTM. Do đó các doanh nghiệp dây cáp điện của Việt Nam cần chuẩn bị đầy đủ giấy tờ, chứng từ chứng minh về xuất xứ hàng hóa hợp pháp, không tiếp tay cho các đối tượng có ý định lẫn tránh thuế.

Ngoài ra, các doanh nghiệp nên hợp tác đầy đủ, cung cấp thông tin cho cơ quan điều tra khi có yêu cầu; có ý kiến kịp thời đối với các kết luận của cơ quan điều tra tại

Hoa Kỳ và EU hoặc các vấn đề do các bên liên quan nêu; thường xuyên trao đổi, phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương trong quá trình xử lý các vụ việc liên quan nếu có.

Bởi vậy, vụ việc sẽ được kết thúc trong vòng 9 tháng từ ngày thông báo có hiệu lực. Các bên liên quan phải trình diện trước cơ quan điều tra trong vòng 15 ngày kể từ ngày thông báo có hiệu lực.

Ngoài ra, các bên liên quan hoặc đại diện theo pháp luật phải nộp bản trả lời câu hỏi, ý kiến bằng văn bản, đề nghị xem xét miễn trừ hoặc các thông tin cần thiết khác trong vòng 37 ngày kể từ ngày đăng công báo của EU.

Mặt khác, các bên liên quan có thể đề nghị EC tham vấn trong thời hạn 37 ngày. Đối với tham vấn về việc khởi xướng, các bên liên quan cần gửi yêu cầu tới EC trong vòng 15 ngày kể từ ngày thông báo có hiệu lực.

EC đã đưa ra hướng dẫn về việc nộp ý kiến bằng văn bản, gửi bản câu hỏi và câu trả lời; thu thập thông tin và tổ chức tham vấn; yêu cầu miễn trừ.

THEO DÕI MẶT HÀNG THÉP HÌNH XUẤT KHẨU

1. Đánh giá chung về tình hình sản xuất trong nước

Quy mô thị trường thép hình trong nước

Trong tháng 3/2024, sản xuất thép thô đạt 1,85 triệu tấn, giảm 13% so với tháng trước và tăng 22,5% so với tháng 3/2023. Tiêu thụ thép thô đạt gần 1,7 triệu tấn, giảm 6% so với tháng trước nhưng tăng 7,5% so với cùng kỳ năm 2023. Xuất khẩu thép thô tháng 3 đạt 195.299 tấn, tăng 5% so với tháng 2 và tăng 73% so với tháng 3/2023.

Tính chung quý I/2024, sản xuất thép thô đạt 5,32 triệu tấn, tăng 21% so với cùng kỳ năm 2023. Tiêu thụ đạt 5,38 triệu tấn, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, xuất khẩu đạt 622.000 tấn, tăng 46% so với cùng kỳ năm 2023.

Hình 02: Tình hình sản xuất – bán hàng thép thành phẩm tháng 4/2024

Ngành hàng	Tháng 4/2024			Tháng 4/2023			% so với cùng kỳ		
	Sản xuất (tấn)	Bán hàng (tấn)	Xuất khẩu (tấn)	Sản xuất (tấn)	Bán hàng (tấn)	Xuất khẩu (tấn)	Sản xuất	Bán hàng	Xuất khẩu
Thép xây dựng	1.016.385	1.192.914	167.562	711.205	735.759	95.100	▲ 42,9%	▲ 62,11%	▲ 76,2%
HRC	395.928	491.796	145.105	639.978	587.609	277.875	▼ 38,1%	▼ 16,3%	▼ 47,8%
Thép cán nguội	195.614	220.247	52.150	266.361	164.980	35.830	▼ 26,6%	▲ 33,5%	▲ 45,5%
Tôn mạ KL &SPM	496.579	537.115	315.280	373.656	353.807	209.488	▲ 32,9%	▲ 51,8%	▲ 50,5%
Ống thép	177.527	231.315	23.813	183.353	190.194	23.669	▼ 3,2%	▲ 21,6%	▲ 0,6%
Tổng cộng	2.282.032	2.673.387	703.910	2.174.553	2.032.349	641.926	▲ 4,9%	▲ 31,5%	▲ 9,6%

Nguồn: VSA

Trong tháng 3, sản xuất thép xây dựng đạt 864.683 tấn, tăng 4% so với tháng trước nhưng giảm 5% so với tháng 3/2023. Bán hàng đạt 969.535 tấn, tăng 63% so với tháng trước và giảm 33% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, xuất khẩu thép xây dựng đạt 192.864 tấn, tăng 20% so với tháng 3/2023. Tính chung quý I, sản xuất thép xây dựng đạt 2,71 triệu tấn, xấp xỉ mức cùng kỳ năm 2023. Bán hàng thép đạt 2,56 triệu tấn, giảm 2%. Trong đó, xuất khẩu có nhiều khởi sắc khi tăng 20% so với cùng kỳ, đạt 504.632 tấn.

Tính riêng tháng 4, bán hàng thép xây dựng đạt 1,19 triệu tấn, tăng 23% so với tháng trước và tăng 62% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, xuất khẩu đạt 167.562 tấn, tăng 76% so với tháng 4/2023. Lượng hàng xuất trong tháng 4 phản ánh rõ về nhu cầu vào mùa xây dựng trễ hơn so với kỳ vọng tháng 3. Nhu cầu trên chủ yếu cung cấp cho các công trình, mảng dân dụng vẫn còn ở mức thấp.

Tại Việt Nam, Posco nổi tiếng với mặt hàng thép hình. Mặt hàng này được sản xuất theo công nghệ và dây chuyền của Hàn Quốc. Loại thép hình này có ưu điểm là kích thước tương đối chuẩn, cân nặng barem cũng không âm quá nhiều so với cân nặng cân thực tế. Ưu điểm của thép Posco có độ bền chắc tốt, thép có khả năng chịu lực cao, kích thước đa dạng phù hợp đáp ứng được nhiều yếu tố khác nhau của công trình. Bề mặt thép xanh, không bị gỉ rỉ, dấu hiệu để nhận biết thép Posco là trên thân cây có ký hiệu PS. Bởi vì có nhiều ưu điểm nên thép PS luôn có giá thành cao hơn so với thép của nhiều hãng khác.

Các sản phẩm thép hình có nguồn gốc Posco hiện nay là: Thép hình I Posco, Thép hình H Posco

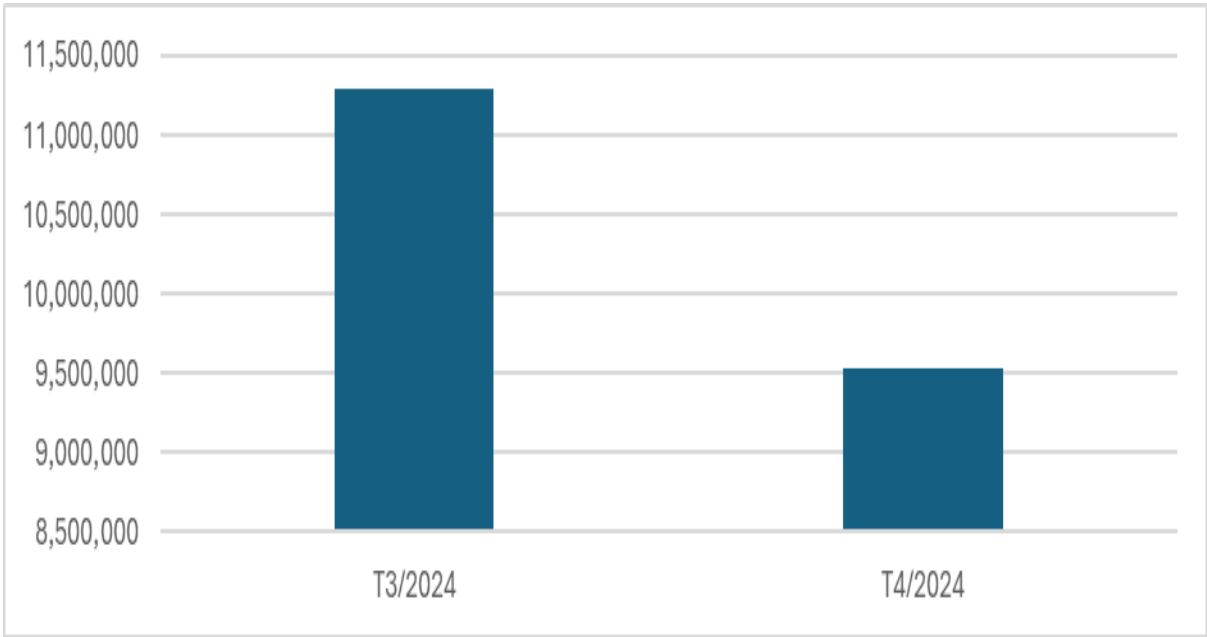
Các kích thước thép hình I Posco: Thép hình I 100 x 55 x 4.5 x 6m, Thép hình I 120 x 64 x 4.8 x 6m, Thép hình I 150 x 75 x 5 x 7 x 12m, Thép hình I 194 x 150 x 6 x 9 x 12m, Thép hình I 200 x 100 x 5.5 x 8 x 12m, Thép hình I 250 x 125 x 6 x 9 x 12m, Thép hình I 294 x 200 x 8 x 12 x 12m, Thép hình I 300 x 150 x 6.5 x 9 x 12m, Thép hình I 350 x 175 x 7 x 11 x 12m, Thép hình I 390 x 300 x 10 x 16 x 12m, Thép hình I 400 x 200 x 8 x 13 x 12m, Thép hình I 450 x 200 x 9 x 14 x 12m, Thép hình I 482 x 300 x 11 x 15 x 12m...

Các kích thước thép H Posco: Thép H 100 x 100 x 6 x 8 x 12m, Thép H 125 x 125 x 6.5 x 9 x 12m, Thép H 150 x 150 x 7 x 10 x 12m, Thép H 175 x 175 x 7.5 x 11 x 12m, Thép H 200 x 200 x 8 x 12 x 12m, Thép H 250 x 250 x 9 x 14 x 12m, Thép H 300 x 300 x 10 x 15 x 12m, Thép H 340 x 250 x 9 x 14 x 12m, Thép H 350 x 350 x 12 x 19 x 12m, Thép H 400 x 400 x 13 x 21 x 12m, Thép H 440 x 300 x 11 x 18 x 12m...

2. Tình hình xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường

Biểu đồ 01: Giá trị xuất khẩu mặt hàng thép hình từ Việt Nam sang các thị trường trong tháng 3,4 năm 2024

Đơn vị: USD

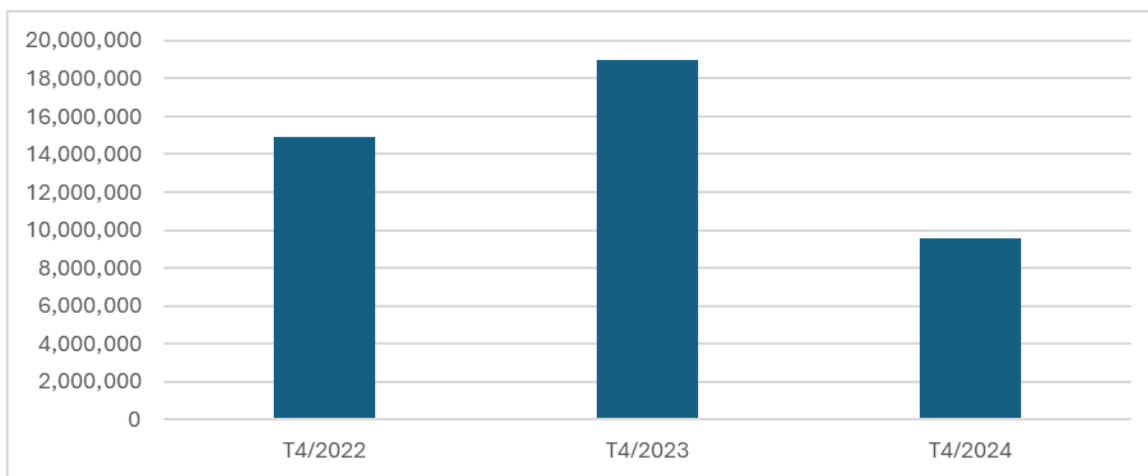


Nguồn: IHS Markit

So với tháng 3/2024, tổng giá trị xuất khẩu thép hình từ Việt Nam sang các thị trường giảm 18,34% xuống còn 9.537.159 USD.

Biểu đồ 02: Giá trị xuất khẩu mặt hàng thép hình từ Việt Nam sang các thị trường trong tháng 4 các năm 2022, 2023, 2024

Đơn vị: USD

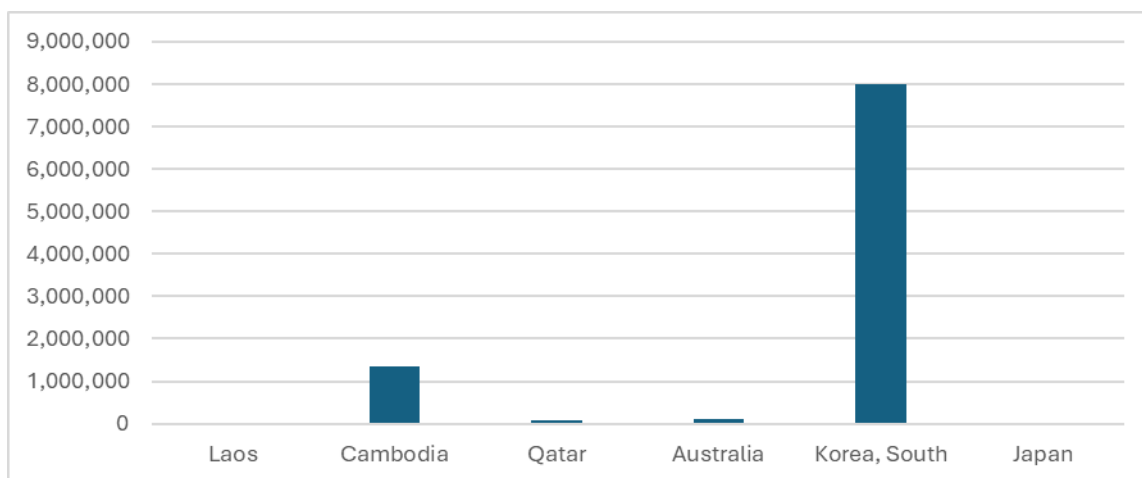


Nguồn: IHS Markit

Tháng 4/2022, tổng giá trị xuất khẩu thép hình từ Việt Nam sang các thị trường đạt 14.945.954 USD. So với tháng 4/2023, tổng giá trị xuất khẩu thép hình từ Việt Nam sang các thị trường tăng 26,79% lên 18.950.533 USD. Đến tháng 4/2024, xuất khẩu thép hình sang các nước giảm gần một nửa xuống còn 9.537.159 USD.

Biểu đồ 03: Giá trị xuất khẩu mặt hàng thép hình từ Việt Nam sang các thị trường trong tháng 4 năm 2024

Đơn vị: USD



Nguồn: IHS Markit

Trong tháng 4/2024, tổng giá trị xuất khẩu thép hình từ Việt Nam sang các thị trường đạt 9.537.159 USD, với 04 nước nhập khẩu chính là Hàn Quốc, Campuchia, Úc và Qatar. Hàn Quốc là nhà nhập khẩu thép hình lớn nhất của Việt Nam, với gần 8 triệu USD, chiếm 83,88% tổng lượng xuất khẩu. Tiếp đến là Campuchia với khoảng 1,4 triệu USD, chiếm 14,24% tổng lượng xuất khẩu. Úc và Qatar với lần lượt khoảng 102 nghìn USD (1%) và 64 nghìn USD (0,67%).

3. Cập nhật các biện pháp phòng vệ thương mại đối với mặt hàng thép hình

Ngày 21 tháng 3 năm 2017, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 957/QĐ-BCT về việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời đối với một số mặt hàng thép hình chữ H nhập khẩu vào Việt Nam, có xuất xứ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (bao gồm cả Hồng Kông), có mã HS 7216.33.00, 7228.70.10, 7228.70.90 (mã vụ việc AD03).

Ngày 21 tháng 8 năm 2017, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 3283/QĐ-BCT về việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá chính thức đối với sản phẩm thép hình H có xuất xứ từ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 4243/QĐ-BCT về việc giữ nguyên việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số mặt hàng thép hình chữ H có xuất xứ từ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 2251/QĐ-BCT về việc tiến hành điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá (CBPG) đối với một số sản phẩm thép hình chữ H có mã HS 7216.33.11, 7216.33.19, 7216.33.90, 7228.70.10 và 7228.70.90 có xuất xứ từ Ma-lai-xi-a.

Thời gian	Sự kiện
24/08/2020	Khởi xướng điều tra CBPG (Quyết định số 2251/QĐ-BCT)
08/09/2020	Công văn v/v ban hành Bản câu hỏi điều tra đối với nhà sản xuất trong nước, nhà nhập khẩu vụ việc AD12 Công văn v/v ban hành Bản câu hỏi điều tra đối với nhà sản xuất, nhà xuất khẩu nước ngoài vụ việc AD12
02/04/2021	Áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời (Quyết định số 1162/QĐ-BCT)
18/08/2021	Ban hành quyết định áp thuế CBPG chính thức (Quyết định số 1975/QĐ-BCT) ở mức 10,64%.
19/08/2022	Ban hành kết luận cuối cùng (Quyết định số 1640/QĐ-BCT) về biện pháp chống bán phá giá được gia hạn thêm 05 năm với mức thuế CBPG được áp dụng từ 22,09% đến 33,51%.

Ngày 05 tháng 12 năm 2023, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 3133/QĐ-BCT về việc rà soát lần thứ hai việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm thép hình chữ H có xuất xứ từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (mã vụ việc AR02.AD03).

Bộ Công Thương bắt đầu điều tra vụ việc từ tháng 12/2023 trên cơ sở đề nghị của nhóm Công ty Jinxi (Trung Quốc) nộp vào tháng 8/2022.

Ngày 25/11/2024, Bộ Công Thương tiếp tục ban hành Quyết định 3098/QĐ-BCT về kết quả rà soát lần hai đối với biện pháp chống bán phá giá áp dụng cho thép chữ H từ Trung Quốc. Kết luận điều tra cho thấy mức độ bán phá giá của nhóm Công ty Jinxi giảm còn 13,38%.

4. Cảnh báo và kiến nghị

Thép hình cũng như nhiều sản phẩm sắt thép khác nằm trong danh mục các nhóm hàng bị áp dụng nhiều biện pháp phòng vệ thương mại nhất trên thế giới. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp xuất khẩu thép của Việt Nam nói chung và thép hình của Việt Nam nói riêng, Cục Phòng vệ thương mại (Bộ Công Thương) khuyến nghị các doanh nghiệp liên quan theo dõi sát diễn biến thị trường, tình hình nhập khẩu của các thị trường. Đồng thời, các doanh nghiệp cần chủ động tìm hiểu hoặc liên hệ Cục Phòng vệ thương mại để được cung cấp thông tin và nắm vững quy định, trình tự, thủ tục điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại tại các thị trường xuất khẩu. Do đó các doanh nghiệp thép của Việt Nam cần chuẩn bị đầy đủ giấy tờ, chứng từ chứng minh về xuất xứ hàng hóa hợp pháp, không tiếp tay cho các đối tượng có ý định lẩn tránh thuế. Trước năm 2017, Ma-lai-xi-a không sản xuất và xuất khẩu sản phẩm thép hình H sang Việt Nam. Tuy nhiên, sau khi Việt Nam áp dụng thuế CBPG thép hình H với Trung

Quốc, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm này của Ma-lai-xi-a sang Việt Nam đã tăng đột biến, lên hơn 213 tỷ đồng trong năm 2019 và 848 tỷ đồng trong năm 2020. Do đó, có dấu hiệu về việc thép hình chữ H được sản xuất tại Ma-lai-xi-a sau đó xuất khẩu sang Việt Nam nhằm lẩn tránh thuế CBPG áp dụng đối với thép hình H của Trung Quốc.

THEO DÕI TÌNH HÌNH PHÔI THÉP NHẬP KHẨU

1. Tình hình nhập khẩu mặt hàng phôi thép

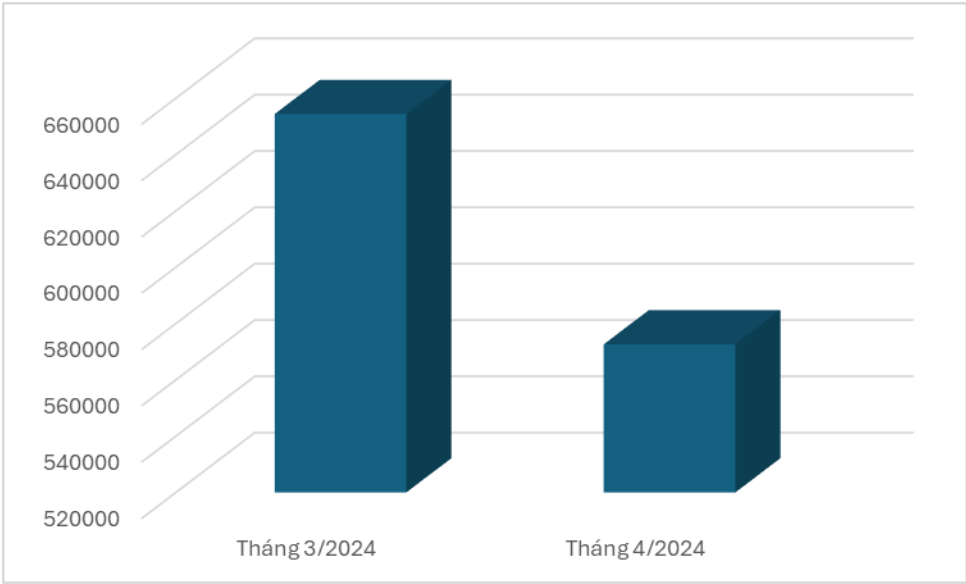
Giá trị nhập khẩu mặt hàng phôi thép

Tháng 4/2024, giá trị nhập khẩu phôi thép vào Việt Nam đạt 572.595 USD, giảm đáng kể so với tháng 3/2024 (654.375 USD), tương đương giảm 12,5%.

So với tháng 4/2023, giá trị nhập khẩu phôi thép tháng 4/2024 đã giảm 266.185 USD, tương đương giảm 31,7%.

Giá trị nhập khẩu mặt hàng phôi thép vào Việt Nam từ các thị trường trong tháng 3 và tháng 4 năm 2024

Đơn vị: USD



Nguồn: IHS Markit

Tháng 4/2024, giá trị nhập khẩu phôi thép vào Việt Nam đạt 572.595 USD. Nguồn cung từ Trung Quốc là yếu tố chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng giá trị nhập khẩu phôi thép tháng 4/2024. Với mức 47%, Trung Quốc đóng góp khoảng 268.618 USD trong tổng giá trị nhập khẩu. Nguyên nhân chính là do giá thành sản xuất phôi thép từ Trung Quốc thường thấp hơn so với các quốc gia khác, giúp các doanh nghiệp Việt Nam tiết kiệm chi phí và duy trì khả năng cạnh tranh trong thị trường thép trong nước. Tuy nhiên, mặc dù phôi thép Trung Quốc có ưu điểm về giá, doanh nghiệp Việt Nam cũng cần phải cân trọng trước các sản phẩm thép nhập khẩu giá rẻ, việc lựa chọn nguồn cung từ Trung Quốc cần phải cân nhắc kỹ lưỡng, đặc biệt là về chất lượng và các yếu tố ngoại cảnh ảnh hưởng đến thị trường thép quốc tế.

Hàn Quốc, là nguồn cung quan trọng thứ hai cho thị trường thép Việt Nam, chiếm 26% tổng giá trị nhập khẩu phôi thép trong tháng 4/2024. Việt Nam đã nhập khẩu 148.451 USD từ Hàn Quốc. Phôi thép từ Hàn Quốc được đánh giá cao về chất lượng và độ ổn định, giúp các doanh nghiệp Việt Nam dễ dàng đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế trong sản xuất thép, đặc biệt là đối với các sản phẩm có yêu cầu cao về kỹ thuật

Đài Loan (Trung Quốc) đóng góp 16% tổng giá trị nhập khẩu phôi thép vào Việt Nam trong tháng 4/2024, tương đương với 91.615 USD. Phôi thép nhập khẩu từ Đài Loan có đặc điểm nổi bật về chất lượng, độ chính xác cao và khả năng đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật khắt khe từ các ngành công nghiệp chế tạo. Mặc dù giá phôi thép từ Đài Loan có thể cao hơn so với Trung Quốc và Hàn Quốc, nhưng với các ưu điểm về chất lượng và độ bền, sản phẩm từ Đài Loan vẫn được ưa chuộng trong các ngành đòi hỏi thép chất lượng cao như cơ khí chế tạo, sản xuất ô tô, và các ngành công nghiệp có yêu cầu nghiêm ngặt về chất lượng.

2. Đánh giá chung về tình hình sản xuất trong nước

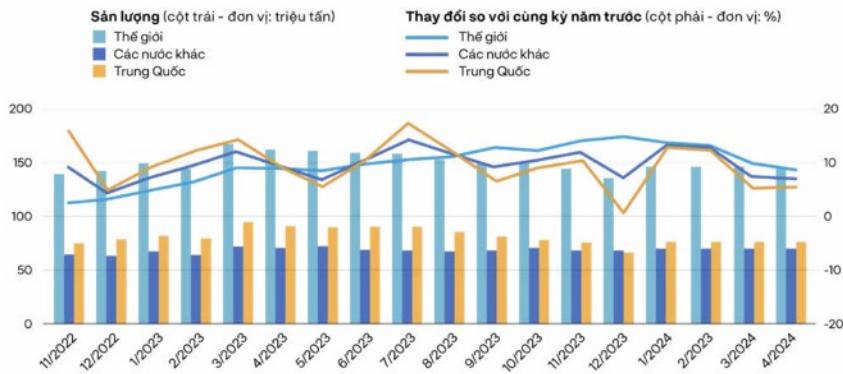
Các công ty sản xuất phôi thép trong nước:

STT	Tên công ty
1	Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương
2	Công ty TNHH Một thành viên Thép Miền Nam - VNSTEEL
3	Công ty Cổ phần Thép Vicasa - VNSTEEL
4	Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL
5	Công ty TNHH Thép Hòa phát Hưng Yên;
6	Công ty TNHH Thép đặc biệt Shengli
7	Công ty TNHH Gang thép Hưng nghiệp Formosa
8	Công ty Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung
9	Công ty TNHH Thép Tungho Việt Nam
10	Công ty Cổ phần Thép Pomina
11	Công ty Cổ phần Gang Thép Thái Nguyên

Theo số liệu của Hiệp hội Thép Thế giới (Worldsteel), sản lượng thép thô thế giới của 71 quốc gia đạt 155,7 triệu tấn trong tháng 4/2024, giảm 5% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 4 tháng đầu năm, sản xuất thép thô ở 71 quốc gia đạt 625,4 triệu tấn, giảm 0,9% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, sản xuất thép thô ở Trung Quốc đạt 343,7 triệu tấn, tăng 3% so với cùng kỳ năm 2023. Đứng sau Trung Quốc, Ấn Độ sản xuất 49,5 triệu tấn thép thô, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm 2023.

Biểu đồ 1: Sản lượng thép thô thế giới đến tháng 4/2024
Nguồn: Worldsteel.



4 tháng đầu năm 2024, sản xuất thép thô của Việt Nam đạt 7,15 triệu tấn, tăng 19% so với cùng kỳ năm 2023. Tiêu thụ đạt 6,96 triệu tấn, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, xuất khẩu đạt 903.000 tấn, tăng 74% so với cùng kỳ năm 2023

Sản xuất thép thành phẩm đạt 9,36 triệu tấn, tăng 5,7% so với cùng kỳ năm 2023. Tiêu thụ đạt 9,35 triệu tấn, tăng 5,5% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, xuất khẩu đạt 2,95 triệu tấn, tăng 28,5% so với cùng kỳ năm 2023.

Bảng 3: Tình hình sản xuất – bán hàng thép thành phẩm các loại tháng 4/2024

Nguồn: VSA.

Ngành hàng	Tháng 4/2024			Tháng 4/2023			% so với cùng kỳ		
	Sản xuất (tấn)	Bán hàng (tấn)	Xuất khẩu (tấn)	Sản xuất (tấn)	Bán hàng (tấn)	Xuất khẩu (tấn)	Sản xuất	Bán hàng	Xuất khẩu
Thép xây dựng	1.016.385	1.192.914	167.562	711.205	735.759	95.100	▲ 42,9%	▲ 62,11%	▲ 76,2%
HRC	395.928	491.796	145.105	639.978	587.609	277.875	▼ 38,1%	▼ 16,3%	▼ 47,8%
Thép cán nguội	195.614	220.247	52.150	266.361	164.980	35.830	▼ 26,6%	▲ 33,5%	▲ 45,5%
Tôn mạ KL &SPM	496.579	537.115	315.280	373.656	353.807	209.488	▲ 32,9%	▲ 51,8%	▲ 50,5%
Ống thép	177.527	231.315	23.813	183.353	190.194	23.669	▼ 3,2%	▲ 21,6%	▲ 0,6%
Tổng cộng	2.282.032	2.673.387	703.910	2.174.553	2.032.349	641.926	▲ 4,9%	▲ 31,5%	▲ 9,6%

Tính riêng tháng 4, bán hàng thép xây dựng đạt 1,19 triệu tấn, tăng 23% so với tháng trước và tăng 62% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, xuất khẩu đạt 167.562 tấn, tăng 76% so với tháng 4/2023.

Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA) nhận định lượng hàng xuất trong tháng 4 phản ánh rõ về nhu cầu vào mùa xây dựng trễ hơn so với kỳ vọng tháng 3. Nhu cầu trên chủ yếu cung cấp cho các công trình, mảng dân dụng vẫn còn ở mức thấp.

3. Đánh giá và khuyến nghị

Ngày 18 tháng 12 năm 2016, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 2968/QĐ-BCT về việc áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phôi thép và thép dài nhập khẩu vào Việt Nam. Các sản phẩm thuộc mã HS: 7207.11.00; 7207.19.00; 7207.20.29; 7207.20.99; 7224.90.00; 7213.10.10; 7213.10.90; 7213.91.20; 7214.20.31; 7214.20.41; 7227.90.00; 7228.30.10; 9811.00.00.

Theo quy định của Hiệp định Tự vệ của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) mà Việt Nam là thành viên, Bộ Công Thương cũng đã quyết định lộ trình áp thuế tự vệ theo hướng giảm dần đối với các mặt hàng phôi thép và thép dài như sau:

Thời gian có hiệu lực	Thuế phôi thép
Từ ngày 22/3/2016 (ngày Quyết định áp dụng biện pháp tạm thời có hiệu lực) đến ngày 01/8/2016	23,3% (mức thuế tự vệ tạm thời)
Từ ngày 02/8/2016 (ngày Quyết định áp dụng biện pháp chính thức có hiệu lực) đến ngày 21/3/2017	23,3% (mức thuế tự vệ chính thức)
Từ ngày 22/3/2017 đến ngày 21/3/2018	21,3%
Từ ngày 22/3/2018 đến ngày 21/3/2019	19,3%
Từ ngày 22/3/2019 đến ngày 21/3/2020	17,3%
Từ ngày 22/3/2020 trở đi	0% (nếu không gia hạn)

Ngày 20/03/2020, Bộ Công Thương ban hành Quyết định 918/QĐ-BCT về việc gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phôi thép và thép dài nhập khẩu với mức thuế và thời gian gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ như sau:

Thời gian có hiệu lực	Thuế phôi thép
Từ ngày 22/3/2020 đến 21/3/2021	15,3%
Từ ngày 22/3/2021 đến 21/3/2022	13,3%
Từ ngày 22/3/2022 đến 21/3/2023	11,3%
Từ ngày 22/3/2023 trở đi	0% (nếu không gia hạn)

Ngày 21/03/2023, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 691/QĐ-BCT. Theo Quyết định này, Bộ trưởng Bộ Công Thương không gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phôi thép có mã HS: 7207.11.00; 7207.19.00; 7207.20.29; 7207.20.99; 7224.90.00; và 9811.00.10 được dẫn chiếu tới mã HS 7224.90.00. Theo đó, tại thời điểm tháng 4 năm 2024, mặt hàng phôi thép nhập khẩu và Việt Nam không phải chịu thuế tự vệ.

Phôi thép là sản phẩm trung gian để làm ra các sản phẩm thép khác được sử dụng rất rộng rãi trong các công trình xây dựng hiện nay, là vật liệu chủ đạo để xây nên những tòa nhà cao tầng, những nhịp cầu bắc qua sông. Quan điểm của Chính phủ Việt Nam luôn khuyến khích đầu tư sản xuất thép từ thượng nguồn, ưu tiên sản xuất trong nước vì thép được coi là nền tảng để sản xuất các sản phẩm công nghiệp, giúp các ngành sản xuất trong nước tự chủ được phần nguyên liệu. Bảo vệ sản xuất thượng nguồn trong nước cũng là bảo vệ công ăn việc làm và tạo nguồn thu ngân

sách bền vững cho nhà nước. Bên cạnh đó, thép là mặt hàng có lượng nhập khẩu lớn, lại là ngành công nghiệp cốt lõi, tác động đến nhiều ngành kinh tế khác nhau..

Hiện nay, các quốc gia trên thế giới đang tăng cường áp dụng triệt để các hàng rào kỹ thuật và biện pháp phòng vệ thương mại để bảo vệ ngành sản xuất trong nước. Các rào cản kỹ thuật được áp dụng rõ ràng tại các quốc gia như Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Hàn Quốc, Ấn Độ, Úc, Anh.... Trong khi đó, gần như các sản phẩm thép nhập khẩu vào Việt Nam đều có thuế nhập khẩu bằng 0%. Hơn nữa, biện pháp tự vệ đối với mặt hàng phôi thép đã bị dỡ bỏ.

Tình hình nhập khẩu phôi thép hiện tại cho thấy khối lượng nhập khẩu còn rất thấp và khó có khả năng tăng nhanh trong thời gian tới. Phôi thép là sản phẩm trung gian trong chuỗi giá trị của ngành thép, chủ yếu phục vụ nhu cầu sản xuất nội bộ tại các nhà máy thép để chế tạo các sản phẩm hạ nguồn như thép xây dựng, thép tấm, thép cuộn. Chính vì đặc thù này, nhu cầu nhập khẩu phôi thép chỉ tăng khi nguồn cung nội địa không đáp ứng đủ hoặc chi phí sản xuất trong nước vượt quá chi phí nhập khẩu. Tuy nhiên, với mạng lưới sản xuất và phân phối phôi thép nội địa ngày càng phát triển, các doanh nghiệp trong nước có xu hướng ưu tiên sử dụng nguồn nguyên liệu nội địa để tối ưu hóa chi phí và duy trì tính ổn định trong chuỗi cung ứng. Bên cạnh đó, việc nhập khẩu phôi thép thường gặp phải các rào cản như chi phí vận chuyển cao, thuế nhập khẩu, và yêu cầu về chất lượng, khiến việc nhập khẩu trở thành phương án ít được ưu tiên.

Khả năng tăng nhanh khối lượng nhập khẩu phôi thép trong tương lai gần cũng rất thấp do các yếu tố liên quan đến cơ cấu thị trường và chính sách kinh tế. Nền công nghiệp thép nội địa thường được bảo hộ thông qua các chính sách hỗ trợ và ưu đãi dành cho sản xuất trong nước, từ đó tạo động lực cho các doanh nghiệp tập trung phát triển năng lực nội tại. Ngoài ra, việc phát triển hệ thống sản xuất khép kín, từ sản xuất phôi thép đến sản phẩm hạ nguồn, giúp các doanh nghiệp kiểm soát tốt hơn chi phí, chất lượng và thời gian giao hàng. Điều này

càng củng cố xu hướng sử dụng phôi thép nội địa, thay vì phụ thuộc vào nguồn cung quốc tế.

Nhìn chung, việc nhập khẩu phôi thép ở mức thấp góp phần ổn định thị trường thép trong nước, giảm áp lực từ biến động giá trên thị trường quốc tế và đảm bảo sự bền vững cho ngành thép nội địa. Tuy nhiên, để duy trì và phát triển lợi thế này, các doanh nghiệp cần tiếp tục đầu tư vào công nghệ hiện đại, tối ưu hóa chi phí sản xuất, và nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng tiêu chuẩn ngày càng khắt khe của thị trường. Đồng thời, ngành thép cũng cần theo dõi sát sao diễn biến thị trường quốc tế, đặc biệt là giá nguyên liệu đầu vào và các thay đổi về chính sách thương mại, nhằm chủ động điều chỉnh chiến lược nhập khẩu hoặc sản xuất phù hợp. Việc này không chỉ giúp bảo vệ vị thế của ngành thép trong nước mà còn tạo điều kiện để mở rộng khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Hiện nay Việt Nam không còn áp dụng biện pháp tự vệ giá đối với mặt hàng phôi thép nhập khẩu từ Trung Quốc, các doanh nghiệp sản xuất phôi thép trong nước phải đối mặt với thách thức lớn trong việc duy trì sức cạnh tranh và bảo vệ thị phần. Nếu có dấu hiệu cho thấy phôi thép nhập khẩu bị bán phá giá, các doanh nghiệp trong nước cần khẩn trương triển khai các biện pháp nhằm bảo vệ lợi ích của ngành sản xuất nội địa và duy trì sự ổn định của thị trường. Cần thu thập thông tin và bằng chứng chi về hành vi bán phá giá, bao gồm việc so sánh giá nhập khẩu phôi thép với giá thị trường quốc tế, chi phí sản xuất nội địa và giá bán thực tế trong nước. Nếu giá nhập khẩu thấp hơn đáng kể so với chi phí sản xuất thông thường hoặc giá xuất khẩu tại quốc gia sản xuất, đó là dấu hiệu rõ ràng của hành vi bán phá giá. Ngoài ra, các doanh nghiệp cần theo dõi sát khối lượng nhập khẩu, đặc biệt khi có sự gia tăng đột biến về nguồn cung hoặc khi giá bán của phôi thép nhập khẩu thấp bất thường. Những dữ liệu này sẽ là cơ sở quan trọng để xác định tính chất và mức độ vi phạm, đồng thời làm căn cứ đề xuất đối với cơ quan có thẩm quyền.

Sau khi thu thập đầy đủ bằng chứng, các doanh nghiệp hoặc hiệp hội ngành thép cần phối hợp chặt chẽ để yêu

cầu Bộ Công Thương khởi xướng cuộc điều tra chống bán phá giá. Hồ sơ đề nghị cần được chuẩn bị kỹ lưỡng, bao gồm các tài liệu chứng minh hành vi bán phá giá, thiệt hại cụ thể mà ngành thép nội địa phải chịu, và mối quan hệ nhân quả giữa hai yếu tố này. Ví dụ, thiệt hại có thể bao gồm sự sụt giảm doanh thu, lợi nhuận, hay thị phần của các nhà sản xuất nội địa. Trong quá trình điều tra, các doanh nghiệp cần cung cấp thông tin minh bạch về chi phí sản xuất, giá bán và các số liệu kinh doanh khác để hỗ trợ cơ quan chức năng phân tích và xác định bản chất của vấn đề. Nếu kết quả điều tra kết luận rằng có hành vi bán phá giá, các doanh nghiệp có thể yêu cầu áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại như áp thuế chống bán phá giá để điều chỉnh lại giá nhập khẩu về mức hợp lý.

Ngoài các biện pháp pháp lý, doanh nghiệp cần chú trọng vào việc tăng cường nội lực để nâng cao năng lực cạnh tranh. Một trong những chiến lược hiệu quả là đầu tư vào công nghệ sản xuất hiện đại nhằm giảm chi phí, tăng năng suất và cải thiện chất lượng sản phẩm. Khi sản phẩm nội địa có tính cạnh tranh cao về giá và chất lượng, áp lực từ hàng nhập khẩu giá rẻ sẽ giảm đáng kể. Đồng thời, các doanh nghiệp có thể mở rộng sản xuất sang các dòng sản phẩm giá trị gia tăng hoặc tập trung vào các phân khúc thị trường cao cấp để giảm thiểu sự cạnh tranh trực tiếp với hàng nhập khẩu trong các phân khúc giá thấp. Bên cạnh đó, việc đa dạng hóa thị trường tiêu thụ và tìm kiếm cơ hội xuất khẩu mới cũng là một giải pháp hiệu quả để giảm sự phụ thuộc vào thị trường nội địa và đối phó với tác động của hàng nhập khẩu bán phá giá.

Phối hợp với các hiệp hội ngành thép và các đối tác thương mại cũng đóng vai trò quan trọng trong việc đối phó với hàng nhập khẩu bán phá giá. Các hiệp hội ngành thép có thể đại diện cho tiếng nói chung của các doanh nghiệp, thúc đẩy quá trình điều tra và vận động áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại trên quy mô toàn ngành. Hơn nữa, hiệp hội có thể đóng vai trò trung gian trong việc chia sẻ thông tin, tạo diễn đàn để các doanh nghiệp hợp tác và phối hợp trong việc giải quyết vấn đề.

Ngoài ra, làm việc với các đối tác thương mại quốc tế có thể giúp phát hiện và ngăn chặn sớm các hành vi cạnh tranh không lành mạnh từ các nhà xuất khẩu.

Hiện tại, Trung Quốc chiếm gần 50% tổng giá trị nhập khẩu phôi thép vào Việt Nam, điều này đồng nghĩa với sự phụ thuộc lớn vào một nguồn cung duy nhất. Mặc dù Trung Quốc có lợi thế về giá cả cạnh tranh và vị trí địa lý gần gũi, nhưng rủi ro từ các yếu tố như biến động chính sách xuất khẩu, chi phí vận chuyển hoặc các thay đổi bất ngờ trong nguồn cung là không thể xem nhẹ. Do đó, các doanh nghiệp sản xuất và nhập khẩu phôi thép cần chủ động tìm kiếm các nguồn cung khác, bao gồm Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản hoặc các nước trong khu vực ASEAN, để đảm bảo sự ổn định trong chuỗi cung ứng. Ngoài ra, việc tận dụng các hiệp định thương mại tự do như RCEP hoặc EVFTA sẽ giúp doanh nghiệp giảm thiểu thuế nhập khẩu và tiết kiệm chi phí đáng kể. Đồng thời, doanh nghiệp nên xây dựng mối quan hệ chiến lược với các nhà cung cấp lớn, không chỉ để đa dạng hóa nguồn cung mà còn đảm bảo chất lượng và ổn định lâu dài.

Bên cạnh việc nhập khẩu, các doanh nghiệp cần chú trọng đầu tư vào sản xuất trong nước để giảm sự phụ thuộc vào nguồn cung bên ngoài và nâng cao tính tự chủ. Việc đầu tư vào công nghệ sản xuất hiện đại sẽ giúp cải thiện năng suất và chất lượng phôi thép, từ đó đáp ứng được nhu cầu đa dạng của thị trường nội địa và giảm bớt sự cạnh tranh về giá với các sản phẩm nhập khẩu. Đặc biệt, doanh nghiệp có thể tận dụng nguồn nguyên liệu trong nước như thép phế liệu để tái chế và sản xuất phôi thép. Điều này không chỉ giúp tiết kiệm chi phí mà còn góp phần bảo vệ môi trường. Ngoài ra, phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ, như cung cấp quặng sắt hoặc thiết bị sản xuất, sẽ giúp xây dựng một chuỗi giá trị bền vững, hỗ trợ ngành thép phát triển mạnh mẽ hơn.

Chi phí nhập khẩu là một yếu tố quan trọng trong việc quyết định hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp. Để giảm thiểu chi phí và đảm bảo hiệu quả, doanh nghiệp cần đàm phán các hợp đồng dài hạn với nhà cung cấp, nhằm ổn định giá cả và tránh rủi ro từ biến động giá

thép trên thị trường thế giới. Ngoài ra, việc tối ưu hóa logistics, như sử dụng các cảng trung gian có chi phí thấp hơn hoặc nhập khẩu theo quy mô lớn, cũng là những giải pháp quan trọng giúp giảm chi phí vận chuyển. Các doanh nghiệp nên chủ động theo dõi giá nguyên liệu toàn cầu để đưa ra quyết định nhập khẩu vào thời điểm giá thấp nhất, đồng thời sử dụng các công cụ phái sinh như hợp đồng tương lai để bảo hiểm rủi ro giá cả.

Trong bối cảnh thị trường ngày càng cạnh tranh khốc liệt, việc duy trì và củng cố vị thế không chỉ đòi hỏi các doanh nghiệp phải đáp ứng tốt các yêu cầu về chất lượng sản phẩm, mà còn phải nhanh chóng nắm bắt và thích nghi với những xu hướng mới nhất trên thị trường. Để đạt được điều này, một trong những chiến lược quan trọng là tập trung vào việc nhập khẩu từ các thị trường nổi tiếng với sản phẩm chất lượng cao, đặc biệt là Hàn Quốc và Đài Loan. Các sản phẩm thép từ hai quốc gia này không chỉ đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế nghiêm ngặt mà còn rất phù hợp với nhu cầu sản xuất của các ngành công nghiệp đòi hỏi khắt khe như xây dựng hạ tầng, chế tạo máy móc, và sản xuất thiết bị điện tử tiên tiến. Đây là những lĩnh vực luôn yêu cầu sử dụng các vật liệu có chất lượng vượt trội để đảm bảo độ bền, tính an toàn và hiệu quả lâu dài.

Song song với việc chọn lựa nguồn cung chất lượng, các doanh nghiệp cần đặt mục tiêu đảm bảo rằng tất cả các sản phẩm nhập khẩu đều đạt được các tiêu chuẩn quốc tế như ISO hoặc ASTM. Điều này không chỉ tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp thâm nhập vào các thị trường xuất khẩu đầy tiềm năng mà còn góp phần nâng cao uy tín thương hiệu trên thị trường nội địa. Việc đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế là minh chứng rõ ràng cho cam kết của doanh nghiệp về chất lượng, giúp xây dựng lòng tin với khách hàng và đối tác kinh doanh, đồng thời khẳng định vị trí cạnh tranh trong ngành công nghiệp thép.

THEO DÕI TÌNH HÌNH PHÂN BÓN NHẬP KHẨU

1. Tình hình nhập khẩu mặt hàng phân bón DAP, MAP tháng 4 năm 2024

Tình hình nhập khẩu phân bón chung:

Giá phân bón thế giới tháng 4/2024 tiếp tục đi xuống khi nhu cầu yếu và nguồn cung dồi dào. Nhập khẩu phân bón của Việt Nam tăng mạnh. Tính trong 4 tháng đầu năm 2024 lượng phân bón nhập khẩu của cả nước đạt trên 1,59 triệu tấn, trị giá trên 505,37 triệu USD, giá trung bình đạt 317,7 USD/tấn.

Theo thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, trong tháng 4/2024 cả nước nhập khẩu 495.103 tấn phân bón, tương đương 163,17 triệu USD, giá trung bình 329,6 USD/tấn, tăng 15,5% về lượng, tăng 32,3% kim ngạch và tăng 14,6% về giá so với tháng 3/2024. So với tháng 4/2023 cũng tăng 60,8% về lượng, tăng 48,6% kim ngạch nhưng giảm 7,6% về giá.

Trong tháng 4/2024 nhập khẩu phân bón từ thị trường chủ đạo Trung Quốc tiếp tục tăng 10,5% về lượng, tăng 57,9% kim ngạch và tăng 42,9% về giá so với tháng 3/2024, đạt 192.850 tấn, tương đương 63,12 triệu USD, giá 327,3 USD/tấn; So với tháng 4/2023 tăng 9% về lượng, tăng 8% kim ngạch nhưng giảm 0,9% về giá. Nhập khẩu từ thị trường Nga tháng 4/2024 tăng mạnh 417% về lượng, tăng 276,9% kim ngạch nhưng giảm 27% về giá so với tháng 3/2024, đạt 101.515 tấn, tương đương trên 31,88 triệu USD, giá 314 USD/tấn; so với tháng 4/2023 thì tăng mạnh 916% về lượng, tăng 536,8% kim ngạch nhưng giảm 37,3% về giá.

Tính chung trong 4 tháng đầu năm 2024 lượng phân bón nhập khẩu của cả nước đạt trên 1,59 triệu tấn, trị giá trên 505,37 triệu USD, giá trung bình đạt 317,7 USD/tấn, tăng 75% về khối lượng, tăng 49,4% về kim ngạch nhưng

giảm 14,6% về giá so với 4 tháng đầu năm 2023. Trung Quốc vẫn đứng đầu về thị trường cung cấp phân bón cho Việt Nam, chiếm 46,5% trong tổng lượng và chiếm 33% trong tổng kim ngạch nhập khẩu phân bón của cả nước, đạt 659.463 tấn, tương đương 167,29 triệu USD, giá trung bình 253,7 USD/tấn, tăng 37,7% về lượng, tăng 0,8% về kim ngạch nhưng giảm 26,8% về giá so với 4 tháng đầu năm 2023.

Tiếp đến thị trường Nga đứng thứ 2, chiếm 15,2% trong tổng lượng và chiếm 22,9% trong tổng kim ngạch, với 241.950 tấn, tương đương 115,69 triệu USD, giá trung bình 478,2 USD/tấn, tăng 684% về lượng, tăng 563,7% về kim ngạch nhưng giảm 15,4% về giá so với 4 tháng đầu năm 2023.

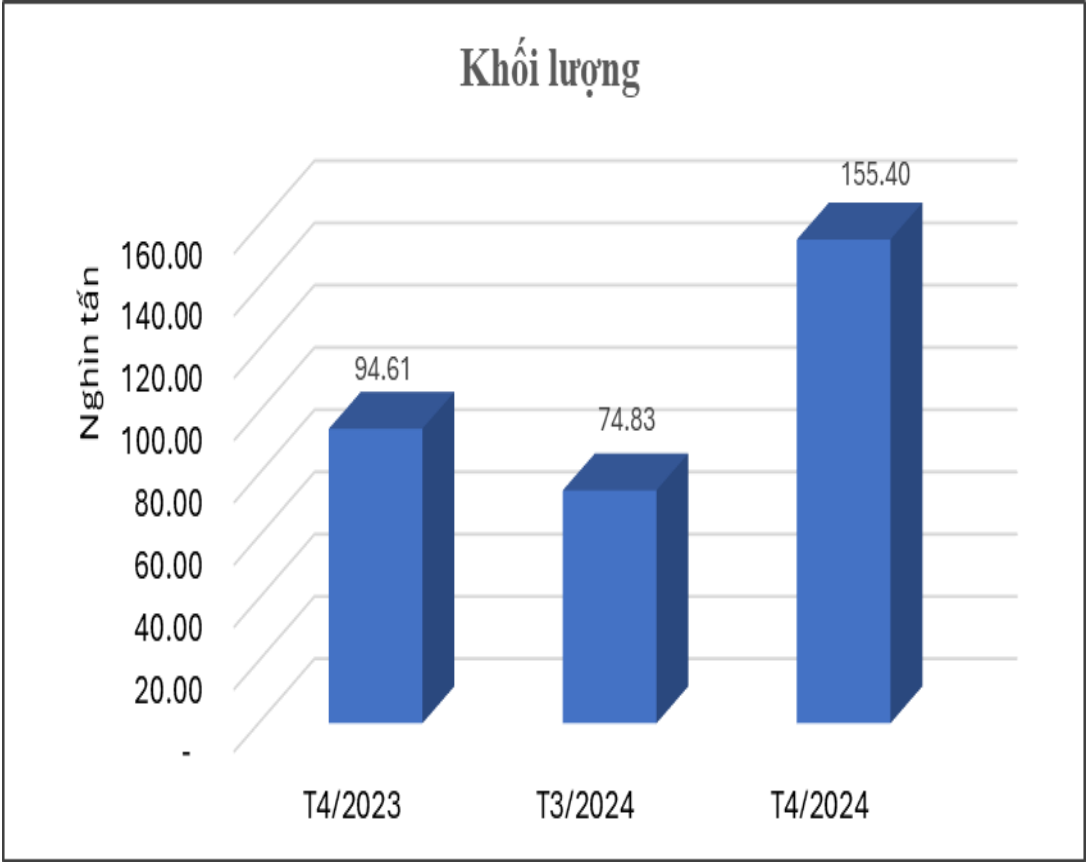
Nhập khẩu phân bón từ thị trường Đông Nam Á đạt 163.218 tấn, tương đương 51,75 triệu USD, tăng 36,4% về lượng, tăng 3% kim ngạch so với cùng kỳ, chiếm trên 10% trong tổng lượng và tổng kim ngạch nhập khẩu phân bón của cả nước.

Phân bón nhập khẩu từ thị trường FTA RCEP đạt gần 1,01 triệu tấn, tương đương 259,02 triệu USD, tăng 35% về lượng, tăng 2,9% kim ngạch so với cùng kỳ, chiếm 63,3% trong tổng lượng và chiếm 51,3% trong tổng kim ngạch nhập khẩu phân bón của cả nước. Nhập khẩu phân bón từ thị trường FTA CPTTP đạt 236.087 tấn, tương đương 50,29 triệu USD, tăng 92,4% về lượng, tăng 161% kim ngạch so với cùng kỳ, chiếm 14,8% trong tổng lượng và chiếm 10% trong tổng kim ngạch nhập khẩu phân bón của cả nước.

Nhìn chung, trong 4 tháng đầu năm 2024 nhập khẩu phân bón từ đa số các thị trường tăng so với 4 tháng đầu năm 2023.

Tình hình nhập khẩu mặt hàng phân bón DAP và MAP vào Việt Nam tháng 4 năm 2024 như sau:

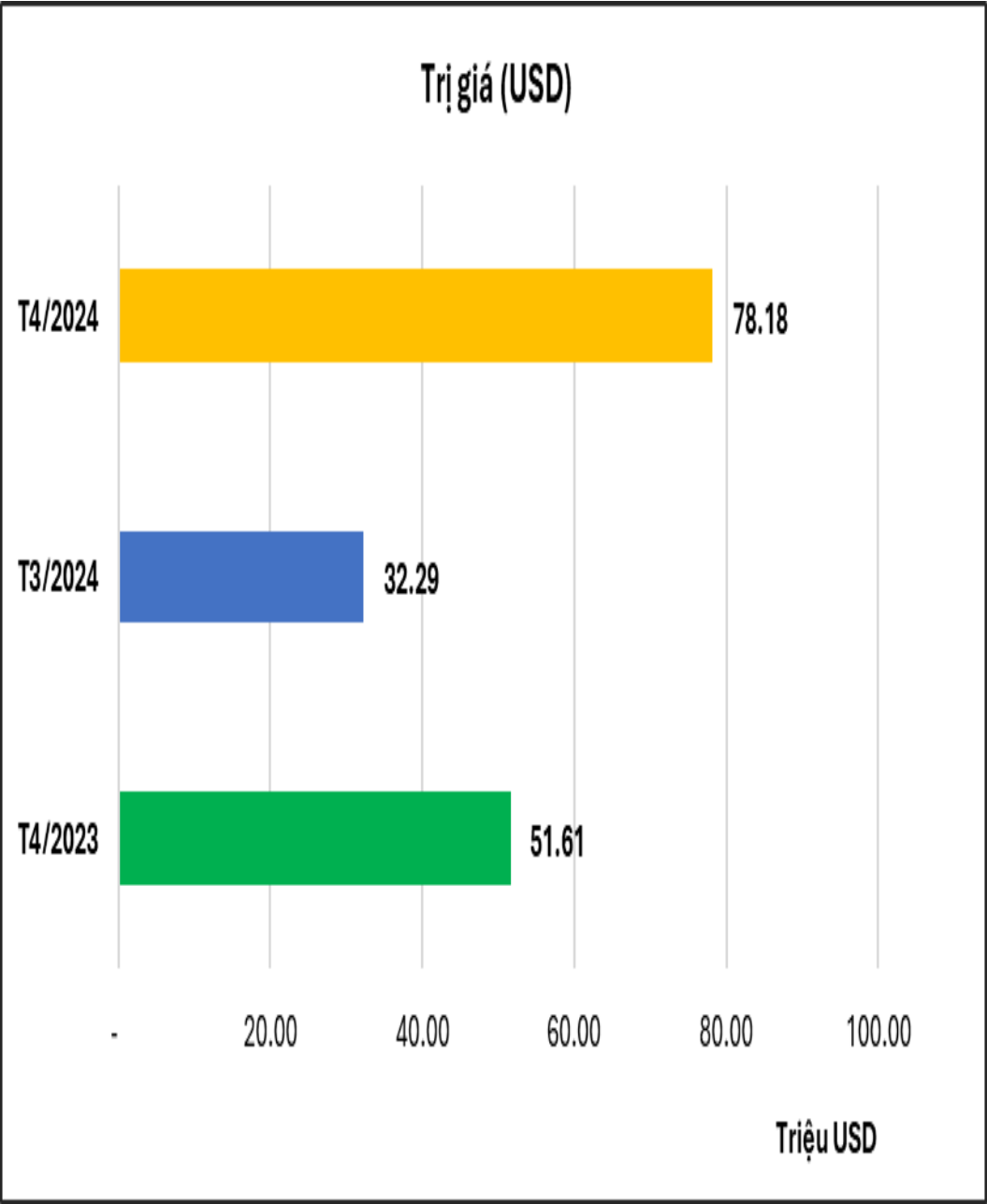
Hình 1 - Lượng nhập khẩu mặt hàng phân bón DAP và MAP vào Việt Nam trong tháng 4 các năm 2023, 2024



Nguồn: IHS Markit

Khối lượng nhập khẩu mặt hàng phân bón DAP, MAP vào Việt Nam từ các thị trường trong tháng 4 năm 2023 và tháng 4 năm 2024 lần lượt là 94,61 nghìn tấn và 155,4 nghìn tấn. Như vậy, lượng nhập khẩu mặt hàng phân bón này vào Việt Nam trong tháng 4 năm 2024 đã tăng gần 60,8 nghìn tấn so với cùng kỳ năm 2023 (tương ứng tăng 64,26%); và tăng 80,57 nghìn tấn so với tháng 3 năm 2024 (tăng gần 107%).

Hình 2 – Trị giá nhập khẩu mặt hàng phân bón DAP, MAP vào Việt Nam trong tháng 4 các năm 2023, 2024



Nguồn: IHS Markit

Tháng 4 năm 2024, giá trị nhập khẩu mặt hàng phân bón này đạt 78,18 triệu USD, tương đương tăng gần 142,17% so với tháng trước và giảm 51,5% so với cùng kỳ năm 2023.

Bảng 1- Trị giá và khối lượng nhập khẩu mặt hàng phân bón DAP, MAP vào Việt Nam từ các thị trường trong tháng 4 năm 2024

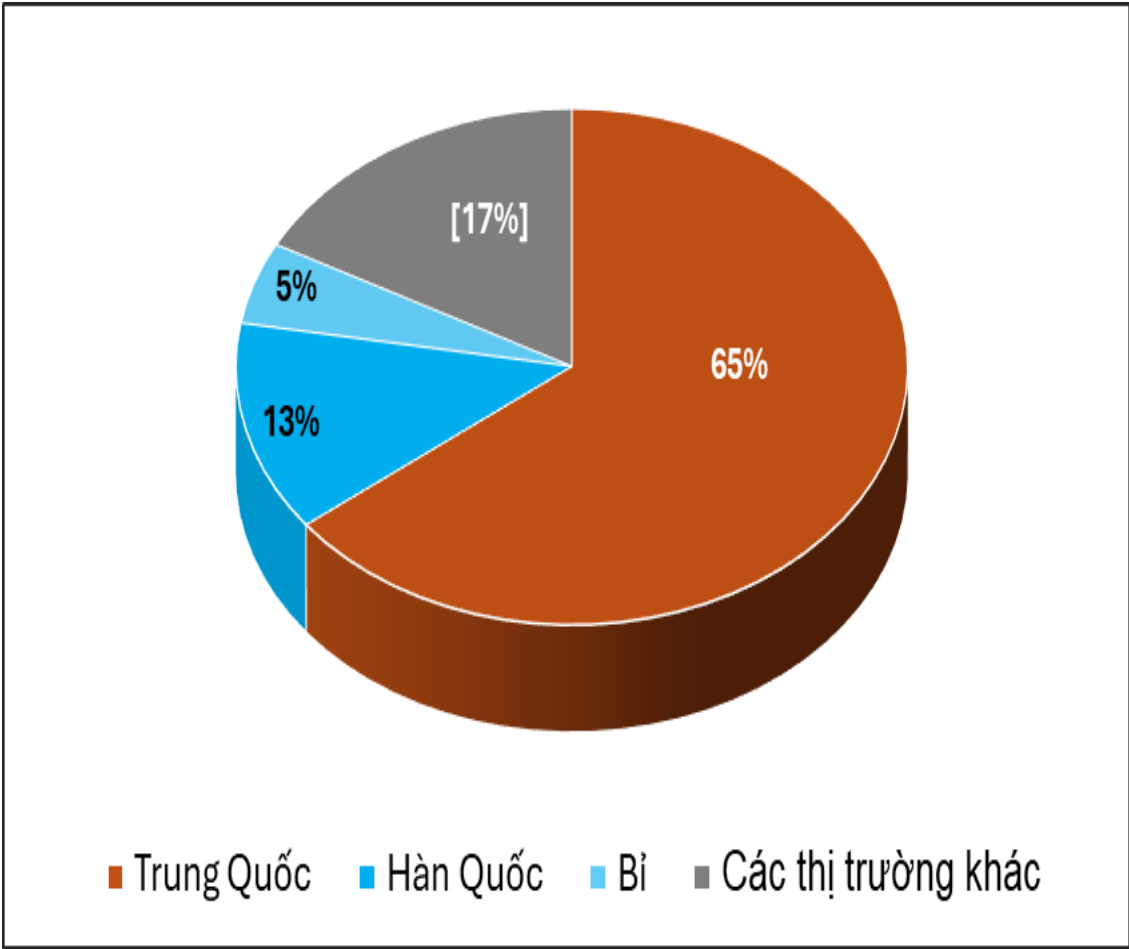
Thị trường	Trị giá (USD)	Khối lượng (kg)
Trung Quốc	50.422.249,53	103.016.106,58
Hàn Quốc	10.320.249,33	20.244.062,88
Bỉ	4.021.862,44	8.218.811,00
Na-uy	2.622.399,89	3.999.500,00
Phi-lip-pin	2.301.750,00	4.950.000,00
Nga	2.284.959,20	4.552.000,00
Hà Lan	1.582.233,51	4.216.265,23
Đức	946.496,53	1.154.729,12
Phần Lan	833.337,58	1.218.693,00
Pháp	446.134,46	662.179,29
Thái Lan	446.034	624.000
Ba Lan	258.248,97	131.924,30
Ấn Độ	221.004,78	43.501,81
Israel	215.520,00	168.000,00
Vương quốc Anh	182.870	204.311,96
Italy	177.994,67	415.942,59
Nhật Bản	159.111,37	973.721,84
Tây Ban Nha	154.731,04	85.320,83
Serbia	134.616,00	216.000,00
Malaysia	91.241,75	83.504,66
Úc	84.960,00	39.511,01
Slovenia	82.054,43	11.750,00
Hoa Kỳ	56188	40116,97
Chile	54.000,00	54.000,00
Thổ Nhĩ Kỳ	47.696,06	27.402,37
Jordan	26.880,00	24.000,00
Indonesia	5.450,00	25.000,00
Singapore	3.729,60	1.776,00
Việt Nam	713,62	1465,82
Slovakia	28,30	1,45
Estonia	5,00	2,31
Tổng	78.184.750,06	155.403.601,02

Nguồn: IHS Markit

Về cơ cấu thị trường nhập khẩu mặt hàng phân bón DAP vào Việt Nam tháng 4 năm 2024, nhập khẩu từ Trung Quốc đạt 50,42 triệu USD, chiếm tỉ trọng cao nhất là 65%. Tiếp đến là Hàn Quốc với mức nhập khẩu đạt 10,32 triệu USD,

chiếm 13%. Thứ ba là Bỉ với 4 triệu USD, chỉ chiếm 5%. Nhập khẩu từ các thị trường khác khoảng 13,42 triệu USD; chiếm 17%.

Hình 3 – Tỷ trọng nhập khẩu mặt hàng phân bón vào Việt Nam từ các thị trường trong tháng 4 năm 2024



Nguồn: IHS Markit

2. Đánh giá chung về tình hình sản xuất phân bón trong nước

Theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu phân bón của Việt Nam trong tháng 4 đạt 123.796 tấn với trị giá hơn 44 triệu USD, giảm 16,8% về lượng và giảm 29,8% về trị giá so với tháng 3/2024.

Tính chung trong 4 tháng đầu năm, xuất khẩu phân bón đã thu về hơn 252 triệu USD với 624.462 tấn, tăng 16,2% về lượng và tăng 8,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Xét về thị trường, trong 4 tháng đầu năm, Campuchia giữ vị trí là khách hàng lớn nhất với sản lượng đạt 145.793 tấn, tương đương trị giá hơn 59 triệu USD, giảm nhẹ 3% về lượng và giảm 9% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Giá xuất khẩu đạt bình quân 406 USD/tấn, giảm 6% so với cùng kỳ năm trước.

Ngoại trừ Campuchia, các thị trường khác đều tăng mạnh nhập khẩu phân bón từ Việt Nam. Cụ thể, Hàn Quốc là thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 của phân bón Việt Nam với 83.385 tấn, trị giá tương đương hơn 34 triệu USD, tăng mạnh 74% về lượng và tăng 96% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Giá xuất khẩu bình quân đạt 413 USD/tấn, tăng mạnh 13% so với cùng kỳ năm trước.

Đứng thứ 3 là thị trường Philippines với 38.633 tấn, tương đương trị giá hơn 18 triệu USD, đây cũng là thị trường chứng kiến mức tăng mạnh nhất với 281% về lượng và 192% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Giá xuất khẩu đạt bình quân 481 USD/tấn, mức giá đắt nhất trong số các thị trường tuy nhiên vẫn giảm 23% so với cùng kỳ năm trước.

Bên cạnh 3 thị trường chủ đạo này, các quốc gia và vùng lãnh thổ khác đang tăng mạnh nhập khẩu phân bón từ Việt Nam phải kể đến Lào, Đài Loan (Trung Quốc), Myanmar, Malaysia...

Năm 2024, các chuyên gia dự báo nguồn cung phân bón sẽ ngày càng thắt chặt do hai nhà cung cấp lớn của thế giới là Trung Quốc và Nga hạn chế xuất khẩu. Điều này có thể khiến giá phân bón trong năm 2024 tăng nhẹ so với các năm trước. Dự kiến thị trường phân ure thế giới sẽ sôi động hơn từ nửa sau năm 2024 khi các nhà tiêu thụ lớn gồm Trung Quốc, Ấn Độ, Mỹ, Brazil và châu Âu đồng loạt quay trở lại đấu thầu để đảm bảo nguồn cung phân bón cho giai đoạn cao điểm gieo hạt vụ hè thu sắp tới.

Như vậy, mặc dù Việt Nam có năng lực sản xuất phân bón DAP và MAP đáng kể, nhưng do hạn chế về công nghệ, chi phí sản xuất và biến động thị trường, việc nhập khẩu từ các nước khác vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu phân bón trong nước.

Ø Các công ty sản xuất phân bón DAP, MAP trong nước:

- Công ty Cổ phần DAP – VINACHEM;
- Công ty Cổ phần DAP 2– VINACHEM;
- Công ty Cổ phần Hóa chất và Phân bón Hóa chất Đức Giang.

Nhìn chung, trong tháng 4 năm 2024, sản xuất phân bón DAP và MAP tại Việt Nam sản xuất DAP tại Việt Nam vẫn tập trung chủ yếu ở các tỉnh phía Bắc, đặc biệt là Hải Phòng và Lào Cai.

3. Đánh giá & khuyến nghị

Từ các phân tích ở phần 1 và 2 trên, có thể thấy nhập khẩu hiện tại là không đáng kể so với sản xuất trong nước, do đó hiện tại nhập khẩu phân bón DAP và MAP chưa ảnh hưởng nhiều đến ngành sản xuất phân bón trong nước.

Tuy nhiên, với các biến động khó lường trước của thị trường thế giới, trong thời gian tới, Bộ Công Thương cùng với các doanh nghiệp cần tiếp tục bám sát diễn biến của thị trường, đặc biệt là diễn biến **tăng lượng nhập khẩu** để nghiên cứu, đề xuất chính sách, hoặc biện pháp

can thiệp kịp thời nhằm đảm bảo sự lành mạnh của thị trường, tạo điều kiện sự phát triển bền vững của các doanh nghiệp trong nước.

Ø Thông tin vụ việc:

Ngày 12 tháng 5 năm 2017, căn cứ Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ của ngành sản xuất trong nước, quy định của WTO và Pháp lệnh Tự vệ, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 1682A/QĐ-BCT khởi xướng vụ việc điều tra áp dụng biện pháp tự vệ toàn cầu đối với phân bón DAP và MAP nhập khẩu vào Việt Nam.

Ngày 04 tháng 8 năm 2017, trên cơ sở Kết luận điều tra sơ bộ cho thấy hàng hóa nhập khẩu đã gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho sản xuất trong nước, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 3044/QĐ-BCT về việc áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời đối với phân bón DAP và MAP nhập khẩu, với mức thuế tự vệ tạm thời là 1.855.790 đồng/tấn và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 8 năm 2017 đến ngày 06 tháng 3 năm 2018.

Ngày 20/10/2021, Cơ quan điều tra nhận được hồ sơ yêu cầu rà soát cuối kỳ việc áp dụng biện pháp tự vệ đối với một số một số sản phẩm phân bón DAP, MAP nhập khẩu bởi đại diện ngành sản xuất trong nước gồm ba công ty: CTCP DAP- Vinachem, CTCP DAP số 2– Vinachem và CTCP hóa chất Đức Giang. Bộ Công Thương quyết định không gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phân bón DAP, MAP nhập khẩu theo Quyết định 1845/QĐ-BCT. Như vậy, từ ngày 7/9/2022, biện pháp tự vệ hết hạn, mức thuế về 0 đồng/tấn. Những thay đổi này có những tác động nhất định đến tình hình hoạt động của ngành sản xuất phân bón DAP, MAP trong nước.

Việc áp dụng thuế tự vệ theo lộ trình giảm dần một mặt tạo môi trường công bằng cho sản xuất trong nước phát triển nhưng cùng với đó cũng hướng tới việc duy trì thị trường cạnh tranh để mang tới lợi ích cho người sử dụng phân bón. Các biện pháp phòng vệ thương mại, trong đó có biện pháp tự vệ, là các biện pháp có tính chất dài hạn nhằm đem lại một môi trường cạnh tranh công bằng giữa hàng hóa sản xuất trong nước và hàng hóa nhập khẩu.

Diễn biến vụ việc:

Thời gian	Sự kiện
12/05/2017	Khởi xướng điều tra
04/08/2017	Quyết định áp dụng biện pháp tạm vụ tạm thời
02/03/2018	Quyết định áp dụng biện pháp tạm vụ chính thức
21/03/2018	Thông báo về Hướng dẫn thực hiện việc miễn trừ áp dụng biện pháp tạm vụ
12/10/2018	Thông báo tiếp nhận đơn yêu cầu miễn trừ áp dụng biện pháp tạm vụ
31/05/2019	Thông báo công khai về việc tiếp nhận hồ sơ yêu cầu rà soát cuối kỳ
02/07/2019	Cục PVTM đã nhận được Hồ sơ yêu cầu từ Công ty Cổ phần DAP - Vinachem và Công ty Cổ phần số 2 – Vinachem (Bên yêu cầu)
10/07/2019	Ban hành Công văn đề nghị bên yêu cầu bổ sung một số thông tin liên quan
02/08/2019	Cục PVTM đã nhận được hồ sơ bổ sung thông tin theo yêu cầu
13/08/2019	Cơ quan điều tra xác nhận hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ theo quy định
03/09/2019	Ban hành Quyết định 2700/QĐ-BCT rà soát cuối kỳ
18/09/2019	Ban hành Công văn số 817/PVTM-P2 v/v bản câu hỏi rà soát cuối kỳ cho các công ty SX trong nước và các công ty nhập khẩu
07/10/2019	Ban hành Công văn số 874/PVTM-P2 v/v thông báo nộp hồ sơ đề nghị miễn trừ
13/01/2020	Tổ chức buổi tham vấn để các bên liên quan có thể trình bày các quan điểm liên quan tới vụ việc
03/03/2020	Quyết định gia hạn áp dụng biện pháp tạm vụ
28/01/2022	Quyết định rà soát cuối kỳ biện pháp tạm vụ (Quyết định 117/QĐ-BCT)
14/09/2022	Quyết định không gia hạn áp dụng biện pháp tạm vụ (Quyết định 1845/QĐ-BCT)

Ø Thông tin chính sách và thị trường:

Khi những mâu thuẫn về bảo hộ thị trường và những căng thẳng địa chính trị đặt ra nhiều thách thức cho hoạt động của các chuỗi cung ứng trên thế giới, việc định hình lại chuỗi cung ứng toàn cầu và đa dạng hóa các nguồn cung đã trở thành những chiến lược thiết yếu để tồn tại. Với mục đích bảo vệ thị trường trong nước, nhiều quốc gia đang mở rộng phạm vi các quy định thương mại cùng với những tiêu chuẩn môi trường chặt chẽ và các cuộc điều tra chống trợ cấp đối với hàng nhập khẩu. Xu hướng này sẽ tiếp diễn trong năm 2024 và trở thành chủ đề bao trùm đối với toàn bộ chuỗi cung ứng trên thế giới. Do vậy, các công ty cần có những tầm nhìn chiến lược đối với hoạt động khai thác nguồn cung ứng, hợp tác và tạo động lực để hình thành môi trường chính sách ổn định.

Bên cạnh đó, các chính phủ trên khắp thế giới đã nhận thức vai trò quan trọng của những chính sách công nghiệp kiên định nhằm đạt mục tiêu phát thải ròng cacbon bằng 0. Một điều rõ ràng là ngoài việc giảm phát thải cacbon của

hệ thống năng lượng và hỗ trợ việc tiếp cận các nguồn tái tạo thì việc đạt được mục tiêu quay vòng nguyên liệu gốc và các thành phần ban đầu như thép, nhôm, hóa chất sẽ là yêu cầu bắt buộc.

Tại châu Âu, Ủy ban châu Âu và Hội đồng châu Âu dự kiến sẽ ưu tiên cho các chính sách công nghiệp và vai trò quan trọng của công nghiệp hóa chất trong việc thực hiện Thỏa thuận xanh châu Âu. Một “Đạo luật công nghiệp hóa chất EU” có thể sẽ được đưa ra để hỗ trợ đầu tư tại châu Âu, cùng với Khung pháp lý chuyển đổi và Đạo luật giảm lạm phát. Trong khi đó, Đạo luật giảm lạm phát tại Mỹ đang đóng vai trò quan trọng trong xu hướng tăng cường đầu tư vào các công nghệ với phát thải cacbon thấp, các giải pháp tuần hoàn, các giải pháp thu giữ, sử dụng và lưu trữ cacbon trong các lĩnh vực hóa chất và các ngành công nghiệp khác.

THEO DÕI TÌNH HÌNH VÁN GỖ MDF NHẬP KHẨU

1. Tình hình nhập khẩu mặt hàng Ván gỗ MDF

Ván MDF là loại gỗ công nghiệp rất phổ biến ở nước ta, xuất hiện trong hầu hết các sản phẩm nội thất với giá phù hợp cùng chất lượng ổn định.

MDF – Medium Density Fiberboard hay còn gọi là ván ép sợi gỗ, ván sợi mật độ trung bình,... Có thể nói khi nhắc đến ván ép công nghiệp làm nội thất, rất nhiều người sẽ nghĩ ngay đến ván MDF. Loại ván sợi này không chỉ thuyết phục người dùng bởi ngoại hình đa dạng, đẹp mắt mà còn với mức giá phù hợp với khả năng chịu lực tương đối tốt. Như tên gọi, loại ván này có cấu tạo chính từ sợi gỗ, bột gỗ và được phân loại theo khả năng chống ẩm, theo xuất xứ hoặc theo bề mặt phủ.

Sơ bộ số liệu nhập khẩu Ván gỗ MDF lũy kế từ đầu năm đến 17/4/2024: 204.16k. TOP thị trường nhập khẩu chính của Việt Nam: Indonesia (66.9K), Australia (50K), Lào (21.7K), Myanmar (19.6K), Thái Lan (18.2K), Campuchia (2.2K), Malaysia (0.8K).

+ MYANMAR:

Trong nửa đầu tháng 4, Myanmar bất ngờ vươn lên vị trí dẫn đầu về xuất khẩu Ván gỗ MDF sang Việt Nam với khoảng 7,5 ngàn tấn Ván gỗ MDF, nâng tổng lũy kế lượng Ván gỗ MDF nhập khẩu từ nước này từ đầu năm lên mức 19,6 ngàn tấn. Nguyên nhân của sự vươn lên này là do trong giai đoạn này, lượng Ván gỗ MDF nhập khẩu từ Indonesia sụt giảm mạnh chỉ còn khoảng 1 ngàn tấn đã đẩy vị trí của các quốc gia khác về xuất khẩu Ván gỗ MDF sang Việt Nam tăng lên. Trong nửa đầu tháng 4, mức giá Ván gỗ MDF nhập khẩu từ Myanmar dao động quanh mức 642-650 USD/tấn (FOB), và mức 675 USD/tấn (CFR), không biến động nhiều so với tháng trước.

+ THÁI LAN:

Cũng do sự sụt giảm mạnh về xuất khẩu Ván gỗ MDF từ Indonesia sang Việt Nam đã đẩy vị trí của Thái Lan lên vị trí thứ 2 với khoảng 4,5 ngàn tấn, tăng 27,5% so với nửa đầu tháng 3 và giảm 29,7% so với tháng trước. Mức giá các đơn hàng nhập khẩu Ván gỗ MDF từ Thái Lan trong nửa đầu tháng 4 dao động quanh mức 549-695 USD/tấn (CFR), 587-677 USD/tấn (CIF) và 660 USD/tấn (FOB).

+ LÀO:

Trong nửa đầu tháng 4, Lào vươn lên vị trí thứ 3 về xuất khẩu Ván gỗ MDF sang Việt Nam với khoảng 3,8 ngàn tấn Ván gỗ MDF. Trong đó, lượng Ván gỗ MDF nhập khẩu từ Lào vào khoảng 3,2 ngàn tấn và khoảng 0,5 ngàn tấn Ván gỗ MDF.

Đặc biệt, trong khoảng thời gian này có sự nhập khẩu Ván gỗ MDF từ Campuchia đầu tiên trong năm 2024 với khoảng 2,2 ngàn tấn Ván gỗ MDF của doanh nghiệp Kasekam Youveakchun Svay Rieng cho Thành Thành Công.

10 doanh nghiệp xuất khẩu Ván gỗ MDF sang Việt Nam trong 1-17/4/2024, ngàn tấn



Về giá nhập khẩu

Mặt bằng giá Ván gỗ MDF nhập khẩu tăng mạnh so với tháng trước. Đây là tháng thứ 4 liên tiếp tăng giá kể từ đầu năm tới nay. Nguồn cung Ván gỗ MDF ít, cùng với nhu cầu tăng đột biến từ các khách hàng thương mại, sản xuất trước kỳ nghỉ Lễ 30/4. Mặt khác, giá Ván gỗ MDF cao, nguồn về ít cũng là một nguyên nhân hỗ trợ giá Ván gỗ MDF nhập khẩu tiếp tục tăng.

Ván gỗ MDF Indonesia

Giá Ván gỗ MDF Indonesia tiếp tục tăng mạnh so với tháng trước. Giá Ván gỗ MDF trong tháng tăng liên tiếp kể từ đầu tháng. Mức giá Ván gỗ MDF trong tháng dao động từ 19,200-20,500 đ/kg so với mức 18,300-19,100 đ/kg tháng trước. Giá Ván gỗ MDF tăng. Nguồn Ván gỗ MDF chủ yếu được chào bán tại khu vực miền Nam và miền Tây là chủ yếu. Tuy vậy, giá Ván gỗ MDF cao khiến giao dịch Ván gỗ MDF nhập khẩu yếu. Nếu như nửa đầu tháng mặt bằng giá tăng nhẹ đều đặn từ 300-400 đ/kg, đây giá dao động trong khoảng 19,000-19,600 đ/kg. Cuối tháng, giá Ván gỗ MDF tăng đột biến trên mức 20,000 đ/kg. Theo đó, Ván gỗ MDF Indonesia chào bán tại Biên Hòa và Sài Gòn vào cuối tháng 4 đạt mức từ 20,000-20,500 đ/kg tại kho trong khi kéo về miền Tây cao hơn 200-300 đ/kg.

Ván gỗ MDF Myanmar

Cùng xu hướng với Ván gỗ MDF Indonesia, Ván gỗ MDF Myanmar có giá tăng mạnh lên mức 18,200-19,800 đ/kg tại khu vực miền Nam và miền Tây so với mức 18,100-18,200 đ/kg tháng trước. Giá Ván gỗ MDF tăng mạnh vào giai đoạn cuối tháng 4 lên mức 19,600-19,800 đ/kg so với mức 18,200-18,300 đ/kg hồi đầu tháng. Lượng Ván gỗ MDF Myanmar được chào bán nhiều về các khu vực miền Tây, nhu cầu tiêu thụ đều.

Ván gỗ MDF Malaysia

Ván gỗ MDF Malaysia chủ yếu doanh nghiệp lớn chào bán. Giá cũng được chào bán tăng liên tiếp trong tháng với mức giá dao động từ 18,800-20,000 đ/kg, tăng từ mức 18,700-18,800 đ/kg tháng trước. Nhu cầu tiêu thụ chậm, nhiều khách hàng lựa chọn mua hàng nội địa từ các nhà máy nhiều hơn.

3.4. Giá Ván gỗ MDF

Nguồn Ván gỗ MDF về ít, giá Ván gỗ MDF tăng cao so với tháng trước. Trong tháng giá Ván gỗ MDF liên tiếp tăng tại các khu vực miền trung và miền Tây.

Tại miền trung, giá Ván gỗ MDF tăng cao liên tục. Mặt bằng giá Ván gỗ MDF nằm trong khoảng 18,000-19,000 đ/kg so với mức 17,700-18,000 đ/kg tháng trước. Giá Ván gỗ MDF liên tiếp tăng trong các tháng qua. Do các cơ quan chức năng làm chặt, nguồn Ván gỗ MDF về ít lại. Ván gỗ MDF được chào bán cao trên thị trường.

Tại miền Tây, giá Ván gỗ MDF tiếp tục xu hướng tăng lên mức 18,000-19,500 đ/kg. Giá Ván gỗ MDF tăng mạnh trong nửa cuối tháng 4 lên mức 19,400-19,700 đ/kg. Mặt khác, nguồn Ván gỗ MDF từ Campuchia về hạn chế.

2. Tình hình sản xuất trong nước

Tại Việt Nam, hiện tại trong nước có các nhà máy sản xuất Ván gỗ MDF như sau:

Nhà máy sản xuất gỗ Kim Tín

Kim Tín là một trong những nhà sản xuất ván MDF hàng đầu và sớm nhất tại Việt Nam. Tập đoàn Kim Tín được thành lập từ năm 2000. Trải qua hơn 20 năm tồn tại và phát triển, Kim Tín đã có chỗ đứng vững chắc trên thị trường ván MDF tại Việt Nam. Hiện tại Kim Tín sở hữu 2 nhà máy sản xuất ván MDF hiện đại bậc nhất Việt Nam. Các dây chuyền trong nhà máy đều nhập khẩu hoàn toàn từ châu Âu. Trong đó nhà máy thứ nhất là FSC Việt Nam có diện tích 250.000 m² và công suất 400.000 m³/ năm. Nhà máy thứ hai là nhà máy MDF Kim Tín Chơn Thành có diện tích xây dựng là 331.281 m² với công suất khoảng 500.000 m³/ năm. Với những sự nỗ lực của mình, Kim Tín hiện đang nắm giữ được khoảng 20% thị phần ván MDF tại Việt Nam.

Nhà máy sản xuất MDF của VRG Dongwha

Đây là thương hiệu liên doanh giữa tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG) và tập đoàn Dongwha đến từ Hàn Quốc. Nhà máy VRG Dongwha đầu tiên được khởi công xây dựng tại tỉnh Bình Phước vào năm 2010 với quy mô 39 ha cùng mức đầu tư 160 triệu USD. Hầu hết các trang thiết bị hiện đại của nhà máy được nhập khẩu từ Đức, Thụy Sĩ và Phần Lan.

Đến năm 2020 VRG Dongwha tiến hành khởi công xây dựng thêm nhà máy thứ hai tại tỉnh Thái Nguyên. Chính thức đi vào hoạt động sản xuất năm 2021. Nhà máy có diện tích khoảng 50.000 m² và đạt công suất khoảng 300.000 m³ ván MDF một năm. Tuy là một thương hiệu mới nhưng VRG Dongwha đang nhanh chóng được người dùng tin tưởng.

Nhà máy sản xuất VRG Quảng Trị

Đây cũng là một nhà máy sản xuất ván MDF thuộc tập đoàn VRG. Nhà máy đầu tiên của VRG Quảng Trị được xây dựng vào năm 2005 với công suất 60.000 m³/ năm. Đến năm 2014, tập đoàn tiếp tục xây dựng thêm nhà máy thứ hai tại KCN Quán Ngang, Quảng Trị. Công suất ước tính của nhà máy này đạt khoảng 120.000 m³/ năm.

Nhà máy sản xuất ván MDF Thanh Thành Đạt Hà Tĩnh

Đây là nhà máy sản xuất được khởi công xây dựng tại Vũ Quang, Hà Tĩnh từ năm 2016. Dự án được xây dựng trên diện tích trên 18 ha. Nhà máy sử dụng dây chuyền sản xuất vô cùng hiện đại nhập khẩu từ châu Âu. Công suất ước tính đạt 120.000 m³/ năm.

Về giá Ván gỗ MDF nhập khẩu trong nước, Thị trường nội địa giao dịch khá chậm, các nhà máy ra hàng ít, giá Ván gỗ MDF được kéo lên cao khiến các đơn vị khó mua hàng. Cuối tháng, nhiều đơn vị ngưng chào bán, nghĩ lễ sớm chờ qua lễ mới chào bán tiếp.

3. Đánh giá/khuyến nghị:

Các doanh nghiệp nhập khẩu tại Việt Nam

Cuối năm 2024, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 1514/QĐ-BCT áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số sản phẩm Ván gỗ MDF nhập khẩu từ Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia và Myanma.

Quyết định áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại được ban hành trên cơ sở quá trình điều tra được thực hiện một cách khách quan, minh bạch theo đúng các quy định pháp luật trong nước và phù hợp với các cam kết quốc tế. Các nội dung chính của kết luận điều tra đã được gửi trước đến các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan cũng như các doanh nghiệp để tham gia ý kiến.

Trên cơ sở thu thập, tổng hợp thông tin và ý kiến do các bên liên quan cung cấp, bao gồm thông tin từ ngành sản xuất trong nước, các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu nước ngoài, doanh nghiệp nhập khẩu và từ các cơ quan chức năng, kết luận điều tra xác định việc sử dụng nguyên liệu Ván gỗ MDF có xuất xứ từ Thái Lan để sản xuất và xuất khẩu một số sản phẩm Ván gỗ MDF mía sang Việt Nam của các doanh nghiệp từ Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar là hành vi lẫn tránh biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp đang áp dụng với sản phẩm Ván gỗ MDF của Thái Lan.

Đồng thời, các chỉ số kinh tế cho thấy hiệu quả của biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp đối với sản phẩm Ván gỗ MDF có xuất xứ từ Thái Lan hiện đang bị suy giảm do tác động của Ván gỗ MDF nhập khẩu từ 5 quốc gia nói trên.

Bộ Công Thương nhấn mạnh, nhằm đảm bảo một môi trường cạnh tranh công bằng giữa hàng hóa sản xuất trong nước với hàng hóa nhập khẩu, bảo vệ lợi ích chính đáng của ngành sản xuất trong nước và người nông dân trồng mía, Ván gỗ MDF nhập khẩu từ Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar có sử dụng nguyên liệu Ván gỗ MDF của Thái Lan sẽ bị áp dụng cùng mức thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp đang áp dụng với Ván gỗ MDF Thái Lan với tổng mức thuế là 47,64%, trong đó thuế chống bán phá giá là 42,99% và thuế chống trợ cấp là 4,65%. Ván gỗ MDF nhập khẩu từ 5 quốc gia nếu chứng minh được sản xuất từ mía thu hoạch tại các quốc gia này sẽ không bị áp dụng biện pháp chống lẫn tránh.

Biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại sẽ có hiệu lực sau 7 ngày kể từ ngày Quyết định được ban hành cho đến ngày 15/6/2026, trừ trường hợp được thay đổi, gia hạn theo các quyết định khác của Bộ Công Thương. Các bên liên quan có thể nộp hồ sơ yêu cầu Bộ Công Thương tiến hành rà soát việc áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại trên cơ sở quy định tại Điều 82 và Điều 90 Luật Quản lý ngoại thương và Chương IV Nghị định số 10/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại.

Phòng vệ thương mại (PVTM) là một trong những công cụ nhằm bảo đảm môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa hàng hóa nhập khẩu và hàng hóa sản xuất trong nước trong bối cảnh mở cửa nền kinh tế và đưa ra các cam kết về xóa bỏ hàng rào thuế, hàng rào phi thuế quan. Bao gồm các biện pháp: Tự vệ, chống bán phá giá, chống trợ cấp. Đây cũng là công cụ chính sách được Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) cho phép các nước thành viên sử dụng nhằm bảo vệ ngành sản xuất trong nước trước các hành vi cạnh tranh không lành mạnh của hàng hóa nhập khẩu như bán phá giá hay nhận trợ cấp từ chính phủ; hoặc trong trường hợp hàng hóa nhập khẩu tăng mạnh gây ảnh hưởng tới ngành sản xuất nội địa. Chính vì vậy, cùng với sự phát triển của thương mại toàn cầu, các biện pháp phòng vệ thương mại cũng ngày càng được các nước sử dụng nhiều hơn. Nhiều nước coi phòng vệ thương mại (PVTM) là "van an toàn" trong chính sách ngoại thương để ổn định sản xuất trong nước, bảo vệ công ăn việc làm của người lao động.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế sâu rộng hiện nay thì việc gia tăng áp dụng các biện pháp bảo hộ để bảo vệ sản xuất trong nước là xu hướng trên toàn cầu. Quy định của WTO cho phép sử dụng các biện pháp phòng vệ thương mại

(PVTM) như là các công cụ chính sách thương mại để bảo vệ ngành sản xuất trong nước khỏi thiệt hại do sự gia tăng của hàng nhập khẩu. Để áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, các nước thành viên phải tiến hành điều tra theo các nguyên tắc, quy trình, thủ tục đã được quy định trong các hiệp định liên quan của WTO.

Bên cạnh việc thực hiện cắt giảm thuế quan theo các cam kết trong các FTA đưa ra mức thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt xuống rất thấp, nhiều dòng thuế ở mức 0%; tình hình thương mại khu vực và toàn cầu, xung đột thương mại giữa một số nước diễn biến phức tạp kéo theo đó là xu thế bảo hộ thương mại tại nhiều nước; đồng thời chi phí nhiều loại hàng hóa đầu vào, chi phí vận tải tăng cao..... trong bối cảnh đó, nhiều ngành sản xuất trong nước chịu thiệt hại bởi hàng hóa nhập khẩu đã đề nghị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại với hàng hóa nhập khẩu. Việc điều tra, áp dụng các biện pháp PVTM tiếp tục được đẩy mạnh đã góp phần bảo vệ, tạo lập lại môi trường cạnh tranh bình đẳng cho các ngành sản xuất trong nước trong bối cảnh nhiều hàng hóa nhập khẩu có dấu hiệu bị bán phá giá hoặc được trợ cấp, gây thiệt hại nghiêm trọng cho một số ngành sản xuất trong nước. Tính đến nay, Bộ Công Thương đã khởi xướng điều tra áp dụng tổng cộng 25 vụ việc PVTM. Các mặt hàng điều tra đa dạng gồm: các sản phẩm kim loại cơ bản (nhôm, thép, vật liệu hàn), hóa chất (sorbitol, sợi filament, màng BOPP), vật liệu xây dựng (ván gỗ MDF, kính nổi), hàng tiêu dùng cơ bản (bột ngọt, đường mía, đường lỏng HFCS), trong đó có nhiều sản phẩm có mối quan hệ mật thiết và đặc biệt quan trọng tới đời sống của người nông dân (sản phẩm đường, bột ngọt (liên quan tới cây mía), sorbitol (liên quan tới cây sắn)).

Các vụ việc chống bán phá giá gồm: Vụ việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với sản phẩm thép không gỉ cán nguội nhập khẩu từ Trung Quốc, Đài Loan- Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a; Vụ việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với sản phẩm tôn mạ nhập khẩu từ Trung Quốc và Hàn Quốc; Vụ việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với sản phẩm tôn mạ nhập khẩu từ Trung Quốc và Hàn Quốc; Vụ việc điều tra chống bán phá giá thép hợp kim hoặc không hợp kim được cán phẳng, được sơn hoặc quét vecni hoặc phủ plastic hoặc phủ loại khác; Vụ việc điều tra chống bán phá giá một số sản phẩm bằng nhôm, hợp kim hoặc không hợp kim, ở dạng thanh, que và hình có xuất xứ từ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa; Vụ việc điều tra chống bán phá giá đối với gỗ ván MDF; Vụ việc điều tra chống bán phá giá một số sản phẩm plastic và sản phẩm bằng plastic được làm từ các polyme từ propylene; Vụ việc điều tra chống bán phá giá một số sản phẩm thép cán nguội (ép nguội) dạng cuộn hoặc tấm; Vụ việc điều tra chống bán phá giá đối với một số sản phẩm bột ngọt có xuất xứ từ Trung Quốc và In-đô-nê-xi-a; Vụ việc điều tra chống bán phá giá đối với một số sản phẩm sợi dài làm từ polyester có xuất xứ từ Trung Quốc, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a; Vụ việc điều tra chống bán phá giá đối với một số sản phẩm đường lỏng chiết xuất từ tinh bột ngô (HFCS) có xuất xứ từ Trung Quốc và Hàn Quốc; Vụ việc điều tra chống bán phá giá đối với sản phẩm thép hình chữ H xuất xứ từ Ma-lai-xi-a; Vụ việc điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với một số sản phẩm đường mía có xuất xứ từ Thái Lan; Vụ việc điều tra chống bán phá giá đối với sản phẩm sorbitol xuất xứ từ Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a, Ấn Độ.

Các vụ việc tự vệ gồm: Vụ việc điều tra tự vệ đối với sản phẩm kính nổi; Vụ việc điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm dầu thực vật; Vụ việc điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm bột ngọt; Vụ việc điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phôi thép và thép dài; Vụ việc tự vệ đối với tôn màu; Vụ việc tự vệ đối với phân bón DAP và MAP.

Các vụ việc chống lẫn tránh thuế: Vụ việc điều tra áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp PVTM đối với sản phẩm thép dây/thép cuộn nhập khẩu vào Việt Nam từ các quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau; Vụ việc điều tra áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp PVTM đối với một số sản phẩm đường mía nhập khẩu từ Vương quốc Cam-pu-chia, Cộng hòa In-đô-nê-xi-a, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Ma-lai-xi-a và Cộng hòa liên bang Mi-an-

Italy, Malaysia, Ấn Độ là ba thị trường xuất khẩu lớn nhất của sản phẩm thép mã HS 7208 từ Việt Nam. Trong số các thị trường thành viên của EU, xuất khẩu sang Tây Ban Nha ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ trong nửa đầu năm nay, tuy nhiên, thị phần của thị trường này mới chỉ chiếm 4,84% tổng trị giá xuất khẩu thép mã HS 7208 từ Việt Nam.

Hoa Kỳ không nằm trong nhóm 10 thị trường đích đến hàng đầu của sản phẩm xuất khẩu này từ nước ta, tỷ trọng của thị trường Hoa Kỳ cũng rất thấp, chỉ chưa đến 0,01%.

Bảng 1: Xuất khẩu thép tấm mã HS 7208 từ Việt Nam ra thế giới và 10 thị trường chính

Thị trường	Trị giá năm 2024 (triệu USD)	Trị giá năm 2024 (triệu USD)	Năm 2024 so với năm 2024 (%)	Tỷ trọng của thị trường trong năm 2024 (%)	Trị giá 3T/2024 (triệu USD)	So với 3 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng của thị trường trong 3 tháng 2024 (%)
Tổng	1,207.61	1,048.10	-13.21		1,101.13	104.30	
Trong đó 10 thị trường dẫn đầu về trị giá trong 6 tháng đầu năm 2024 gồm							
Italy	349.53	322.05	-7.86	30.73	411.81	17.82	37.40
Malaysia	321.64	359.29	11.70	34.28	174.48	-9.67	15.85
Ấn Độ		51.49		4.91	125.22		11.37
Indonesia	146.63	148.02	0.95	14.12	81.35	93.10	7.39
Tây Ban Nha	9.65	3.22	-66.67	0.31	53.34	1,560.00	4.84
Thổ Nhĩ Kỳ				0.00	29.87		2.71
Pakistan		4.48		0.43	29.81		2.71
Pháp	0.00		-100.00	0.00	29.31		2.66
Bồ Đào Nha	7.39		-100.00	0.00	27.83		2.53
Brazil	3.25		-100.00	0.00	25.14		2.28

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê hải quan của Việt Nam

Theo số liệu thống kê của Việt Nam, nước ta đã xuất khẩu tổng cộng 13,53 triệu USD thép mã HS 7211 ra thế giới trong năm 2024, giảm 44,8% so với năm 2024. 6 tháng đầu năm 2024, có 4,56 triệu USD sản phẩm này được xuất khẩu, tiếp tục giảm tới 48,6% so với cùng kỳ năm 2024.

Nhóm hàng này được xuất khẩu nhiều nhất sang Campuchia và Mexico, ngoài ra còn được xuất khẩu sang hai nước Đông Nam Á khác là Thái Lan và Lào. Các thị trường Đông Bắc Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc cũng đứng trong Top 10 thị trường xuất khẩu hàng đầu nhóm hàng này từ Việt Nam.

Các thị trường thành viên của EU không nằm trong nhóm 10 đích đến hàng đầu của nhóm hàng mã HS 7211 từ Việt Nam; trong khi đó Hoa Kỳ xếp thứ 10 tính theo giá trị xuất khẩu trong 6 tháng đầu năm 2024, tuy nhiên tỷ trọng của Hoa Kỳ khá khiêm tốn, chỉ chiếm 0,39%.

Bảng 2: Xuất khẩu thép tấm mã HS 7211 từ Việt Nam ra thế giới và 10 thị trường chính

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê hải quan của Việt Nam

Tính toán từ số liệu thống kê hải quan của Việt Nam cho thấy năm 2024, Việt Nam xuất khẩu 180,34 triệu USD sản phẩm thép mã HS 7225, đến năm 2024, trị giá xuất khẩu giảm 10,21% xuống còn 161,9 triệu USD. Tình hình xuất khẩu tiếp tục kém khả quan trong 6 tháng đầu năm 2024 khi chỉ đạt 66,66 triệu USD, giảm 39,67% so với cùng kỳ năm 2024 và ước cả năm nay trị giá xuất khẩu cũng sẽ thấp hơn mức đã đạt được trong 2 năm liền trước.

Trong Nhóm10 thị trường xuất khẩu hàng đầu các sản phẩm mã HS 7225 từ Việt Nam có 01 đại diện thành viên của EU là Đức, với trị giá xuất khẩu 360 nghìn USD trong 6 tháng đầu năm 2024, tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2024 (mức tăng mạnh này là do trong năm 2024, Việt Nam chỉ xuất khẩu trị giá rất nhỏ nhóm hàng này sang Đức).

Trong khi đó, với trị giá xuất khẩu rất nhỏ, Hoa Kỳ không nằm trong nhóm các thị trường xuất khẩu chính nhóm hàng mã HS 7225 từ Việt Nam.

Bảng 3: Xuất khẩu thép tấm mã HS 7225 từ Việt Nam ra thế giới và 10 thị trường chính

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê hải quan của Việt Nam

Tính toán từ số liệu thống kê của hải quan Việt Nam cho thấy trị giá xuất khẩu sản phẩm thép mã HS 7226 từ Việt Nam đã giảm nhẹ 2,07% trong năm 2024, xuống còn 5,41 triệu USD. Tuy nhiên tình hình xuất khẩu có tín hiệu khả

quan hơn khi nửa đầu năm 2024 đã xuất khẩu được 3,75 triệu USD nhóm hàng này, tăng 27,17% so với nửa đầu năm 2024.

Trong 3 tháng đầu năm 2024, nhóm sản phẩm này được xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Canada, với trị giá 1,04 triệu USD, chiếm tỷ trọng 27,69% tổng trị giá nhóm hàng này từ Việt Nam.

Đức là đại diện của EU nằm trong nhóm 3 thị trường xuất khẩu hàng đầu nhóm hàng mã HS 7226 từ Việt Nam với tỷ trọng trong 6 tháng đầu năm nay là 9,68% tổng trị giá xuất khẩu của Việt Nam. Hoa Kỳ cũng không nằm trong nhóm các thị trường xuất khẩu hàng đầu đối với nhóm hàng này từ Việt Nam. Số liệu thống kê cũng cho thấy trong 6 tháng đầu năm nay Việt Nam hầu như không xuất khẩu nhóm hàng này sang Hoa Kỳ.

Bảng 4: Xuất khẩu thép tấm mã HS 7226 từ Việt Nam ra thế giới và 10 thị trường chính

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê hải quan của Việt Nam

2. Cập nhật các biện pháp phòng vệ thương mại đối với mặt hàng

Từ tháng 02 năm 2017, Bộ Thương mại Hoa (DOC) đã áp thuế chống bán phá giá (CBPG) và chống trợ cấp (CTC) lên các sản phẩm thép tấm không gỉ (mã HS thuộc nhóm 7219 và 7220) có xuất xứ Trung Quốc với mức thuế CBPG từ 63,86 - 76,64% và thuế CTC từ 75,60% đến 190,71%. Trong khi đó, mức thuế nhập khẩu Hoa Kỳ áp dụng với thép tấm không gỉ của Việt Nam là 0%.

Sau đó, để tránh nguy cơ hàng hóa nhập khẩu vào nước này “lẩn tránh” các biện pháp phòng vệ thương mại, ngày 13/5/2020, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) thông báo khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp chống lẩn tránh thuế với sản phẩm thép tấm không gỉ nhập khẩu từ Việt Nam. DOC đã điều tra hai nội dung: (1) Điều tra về phạm vi sản phẩm (scope inquiry) để xác định liệu sản phẩm thép tấm không gỉ được sản xuất tại Trung Quốc sau đó được gia công thêm ở Việt Nam trước khi xuất khẩu sang Hoa Kỳ có thuộc đối tượng đang bị áp thuế hay không; và (2) điều tra về hành vi lẩn tránh (circumvention) của các doanh nghiệp Việt Nam.

Đây là vụ việc Bộ Thương mại Hoa Kỳ tự khởi xướng điều tra dựa trên các thông tin sẵn có với cáo buộc mặt hàng thép tấm không gỉ đang có dấu hiệu lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại mà Hoa Kỳ đang áp dụng với hàng hóa tương tự của Trung Quốc từ năm 2016 với mức thuế là từ 139% - 267%. Căn cứ để Bộ Thương mại Hoa Kỳ khởi xướng điều tra với lý do các nhà sản xuất xuất khẩu của Việt Nam nhập khẩu nguyên liệu thép cán phẳng không gỉ từ Trung Quốc sau đó gia công hoàn thiện tại Việt Nam và xuất khẩu sang Hoa Kỳ; Lượng xuất khẩu sản phẩm thép tấm không gỉ từ Việt Nam có sự gia tăng đáng kể trong giai đoạn trước và sau khi Hoa Kỳ áp thuế với Trung Quốc. Xuất khẩu sản phẩm thép tấm không gỉ từ Việt Nam sang Hoa Kỳ liên tục giảm từ 32.000 tấn 2017 xuống còn 25.000 tấn năm 2018 và tiếp tục giảm xuống còn 23.000 tấn năm 2019.

Theo thông báo liên bang ngày 9 tháng 8 năm 2024, theo quyết định của Bộ Thương mại Hoa Kỳ (Thương mại) và Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ về việc hủy bỏ lệnh chống bán phá giá (AD) và thuế chống trợ cấp (CVD) đối

với một số sản phẩm carbon cắt theo chiều dài nhất định Tấm thép chất lượng (tấm CTL) từ Ấn Độ, Indonesia và Hàn Quốc có thể sẽ dẫn đến việc tiếp tục hoặc tái diễn hành vi bán phá giá và trợ cấp, đồng thời gây thiệt hại vật chất ngành công nghiệp ở Hoa Kỳ, do đó Bộ Thương mại Hoa Kỳ đưa ra thông báo tiếp tục các lệnh AD và CVD này. Hàng hóa thuộc đối tượng của Lệnh áp dụng biện pháp PVTM này được phân loại trong HTSUS theo các phân nhóm: 7208.40.3030, 7208.40.3060, 7208.51.0030, 7208.51.0045, 7208.51.0060, 7208.52.0000, 7208.53.0000, 7208.90. 0000, 7210.70.3000, 7210.90.9000, 7211.13 .0000, 7211.14.0030, 7211.14.0045, 7211.90.0000, 7212.40.1000, 7212.40.5000, 7212.50.0000, 7225.40.3050, 7225.40.7000, 72 25.50.6000, 7225.99.0090, 7226.91.5000, 7226.91.7000 , 7226.91.8000, 7226.99.0000.

2.1. EU

Liên minh châu Âu (EU) vừa ban hành Quy định (EU) 2024/1301, sửa đổi Quy định (EU) 2019/159 về việc áp dụng biện pháp tự vệ đối với một số sản phẩm thép nhập khẩu. Ủy ban Châu Âu không gia hạn thuế tự vệ thêm một năm trừ khi các nhà sản xuất thép của EU có thể chứng minh được thiệt hại từ hàng hóa nhập khẩu.

(1) EU gia hạn biện pháp tự vệ đối với thép nhập khẩu dưới hình thức hạn ngạch thuế quan (TRQ)

Ngày 2/6/2024, Ủy ban Tự vệ của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) thông báo Liên minh châu Âu (EU) tiếp tục gia hạn biện pháp tự vệ đối với thép nhập khẩu dưới hình thức hạn ngạch thuế quan (TRQ) đối với một số sản phẩm thép nhập khẩu thêm một năm nữa. Quyết định có hiệu lực từ ngày 01/7/2024 đến ngày 30/6/2024.

Nguyên nhân của việc gia hạn là do ngành thép nội địa châu Âu có thể bị ảnh hưởng nặng nề từ việc nước ngoài bán phá giá và xuất khẩu thép giá rẻ. EC tiếp tục duy trì khả năng phòng thủ bằng cách phân bổ hạn ngạch xen kẽ giữa cách phân bổ hạn ngạch riêng cho từng nước và phân bổ hạn ngạch chung cho các nước còn lại. Mức thuế ngoài hạn ngạch là 25%. Lượng hạn ngạch không chịu thuế tiếp tục tăng 4% so với thời gian từ 01/7/2024 đến 30/6/2024.

Việt Nam được EU áp dụng hạn ngạch tiêu chuẩn hàng quý đối với 8 nhóm sản phẩm, trong đó có các sản phẩm thép tấm, cụ thể gồm:

Đối với các nhóm sản phẩm thép khác, Việt Nam được miễn áp dụng biện pháp tự vệ theo tiêu chí dành cho nước đang phát triển có kim ngạch nhập khẩu dưới 3%. Trường hợp thị phần nhập khẩu nhóm sản phẩm thép khác từ Việt Nam vào EU vượt quá 3%, nhóm này sẽ được đưa vào danh sách áp dụng TRQ trong đợt rà soát hành chính hàng năm.

(2) EU sửa đổi áp dụng biện pháp tự vệ đối với một số thép nhập khẩu

Sau khi lắng nghe khuyến nghị của các nước liên quan trong khoảng thời gian từ ngày 6/5/2024 đến ngày 13/6/2024 cùng với việc đánh giá xem có nên chấm dứt biện pháp tự vệ sớm trước tháng 6 năm 2024 dựa trên số liệu xuất nhập khẩu chung của năm 2024 hay không, EU đã ban hành quy định sửa đổi mới có hiệu lực từ ngày 1/7/2024.

Theo các quy định sửa đổi, tất cả hạn ngạch thuế quan (TRQ) của biện pháp tự vệ sẽ tiếp tục tăng 4% kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2024. Bất kỳ thành viên nào của WTO là quốc gia đang phát triển đều được miễn thuế tự vệ trong

trường hợp quốc gia đó xuất khẩu sang các nước đang phát triển. EU chiếm dưới 3% tổng lượng nhập khẩu của mỗi loại sản phẩm. Việt Nam tiếp tục áp dụng danh mục 26 và bỏ danh mục 3A so với danh mục cũ.

Nếu tổng tỷ trọng nhập khẩu từ các nước đang phát triển (với tỷ trọng riêng lẻ dưới 3%) vượt quá 9% trong một danh mục cụ thể, họ sẽ phải chịu biện pháp tương tự đối với danh mục sản phẩm đó.

Theo Quy định trên, các nước được hưởng lợi từ việc mở rộng hạn ngạch theo quốc gia bao gồm Việt Nam, Thổ Nhĩ Kỳ, Brazil, Trung Quốc, Ai Cập, Ấn Độ, Indonesia, Malaysia, Moldova, Bắc Macedonia, Oman.

Ngày 8/11/2019, CBSA khởi xướng điều tra thuế chống bán phá giá (CBPG) và thuế chống trợ cấp (CTC) đối với sản phẩm thép COR nhập khẩu từ Thổ Nhĩ Kỳ, Các Tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất (UAE) và Việt Nam.

Ngày 16/11/2020, cơ quan điều tra ban hành lệnh áp thuế như sau: Thổ Nhĩ Kỳ từ 0% đến 26,1% (thuế CBPG) và 0,4% đến 3,6% (thuế CTC); UAE không bị áp thuế CBPG và CTC; Việt Nam từ 2,3% đến 71,1% (thuế CBPG) và không bị áp thuế CTC. Mức thuế này được áp dụng trong 5 năm kể từ ngày 17/11/2020.

Theo Trademap, kể từ thời điểm Canada áp dụng thuế CBPG đối với sản phẩm thép COR từ năm 2020, sản lượng xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này trong năm 2020 là khoảng 22.800 tấn và tăng mạnh khoảng 4 lần lên 87.700 tấn vào năm 2024, chiếm lần lượt 2,5% và 6,5% tổng sản lượng nhập khẩu thép COR của Canada. Kim ngạch xuất khẩu trong năm 2020 và 2024 lần lượt là khoảng 15,4 triệu USD và 104,8 triệu USD.

Do đó, Cơ quan Hải quan và Biên phòng Canada (CBSA) đã thông báo khởi xướng điều tra lại (rà soát hành chính) để xác định lại mức thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm thép COR nhập khẩu từ Việt Nam. Mã HS sản phẩm bị điều tra: 7210.30; 7210.49; 7210.61; 7210.69; 7212.20; 7212.30; 7212.50; 7225.91; 7225.92; 7226.99 (lưu ý mã HS chỉ có ý nghĩa tham khảo).

3. Nhận định và kiến nghị

Như vậy có thể thấy trong số các mã HS 7208, 7211, 7225 và 7226, hiện Việt Nam xuất khẩu nhiều nhất là nhóm hàng mã HS 7208, nhóm hàng này cũng có thị phần tăng tại EU trong khi thị phần tại Hoa Kỳ không đáng kể.

Tuy nhiên thép tấm cũng như nhiều sản phẩm sắt thép khác nằm trong danh mục các nhóm hàng bị áp dụng nhiều biện pháp phòng vệ thương mại nhất trên thế giới. Theo đó không chỉ các thị trường phát triển như Hoa Kỳ, EU, Canada mà các thị trường đang phát triển hoặc mới nổi như Ấn Độ, Thái Lan...cũng đã thực hiện các cuộc điều tra áp dụng biện pháp PVTM đối với nhóm hàng này.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp xuất khẩu thép tấm của Việt Nam, Cục Phòng vệ thương mại (Bộ Công Thương) khuyến nghị các doanh nghiệp liên quan theo dõi sát diễn biến thị trường, tình hình nhập khẩu của các thị trường, đặc biệt là Hoa Kỳ, EU. Đồng thời, các DN cần chủ động tìm hiểu hoặc liên hệ Cục phòng vệ thương mại để được cung cấp thông tin và nắm vững quy định, trình tự, thủ tục điều tra áp dụng các biện pháp PVTM tại các thị trường xuất khẩu. Đặc biệt, trong bối cảnh hàng từ các nước khác bị áp dụng các biện pháp PVTM (chống bán phá giá, chống trợ cấp), Hoa Kỳ và EU cũng có nhiều khả năng sẽ tăng cường việc giám sát và điều tra chống lẩn

tránh các biện pháp PVTM. Do đó các doanh nghiệp thép của Việt Nam cần chuẩn bị đầy đủ giấy tờ, chứng từ chứng minh về xuất xứ hàng hóa hợp pháp, không tiếp tay cho các đối tượng có u định lẩn tránh thuế.

Ngoài ra, các doanh nghiệp nên hợp tác đầy đủ, cung cấp thông tin cho cơ quan điều tra khi có yêu cầu; có ý kiến kịp thời đối với các kết luận của cơ quan điều tra tại Hoa Kỳ và EU hoặc các vấn đề do các bên liên quan nêu; thường xuyên trao đổi, phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương trong quá trình xử lý các vụ việc liên quan nếu có.

Bởi vậy, vụ việc sẽ được kết thúc trong vòng 9 tháng từ ngày thông báo có hiệu lực. Các bên liên quan phải trình diện trước cơ quan điều tra trong vòng 15 ngày kể từ ngày thông báo có hiệu lực.

Ngoài ra, các bên liên quan hoặc đại diện theo pháp luật phải nộp bản trả lời câu hỏi, ý kiến bằng văn bản, đề nghị xem xét miễn trừ hoặc các thông tin cần thiết khác trong vòng 37 ngày kể từ ngày đăng công báo của EU.

Mặt khác, các bên liên quan có thể đề nghị EC tham vấn trong thời hạn 37 ngày. Đối với tham vấn về việc khởi xướng, các bên liên quan cần gửi yêu cầu tới EC trong vòng 15 ngày kể từ ngày thông báo có hiệu lực.

EC đã đưa ra hướng dẫn về việc nộp ý kiến bằng văn bản, gửi bản câu hỏi và câu trả lời; thu thập thông tin và tổ chức tham vấn; yêu cầu miễn trừ.

1. Tình hình xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường

Theo số liệu thống kê hải quan của Việt Nam, trong năm 2024, Việt Nam xuất khẩu hơn 1 tỷ USD sản phẩm dây cáp điện mã HS 7208, giảm 13,31% so với năm 2024.

Xuất khẩu sau đó đã tăng mạnh trở lại trong 3 tháng đầu năm 2024, với kết quả nửa đầu năm đã đạt 1,01 tỷ USD, tăng tới 104,3% so với cùng kỳ năm 2024.

Italy, Malaysia, Ấn Độ là ba thị trường xuất khẩu lớn nhất của sản phẩm dây cáp điện mã HS 7208 từ Việt Nam. Trong số các thị trường thành viên của EU, xuất khẩu sang Tây Ban Nha ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ trong nửa đầu năm nay, tuy nhiên, thị phần của thị trường này mới chỉ chiếm 4,84% tổng trị giá xuất khẩu dây cáp điện mã HS 7208 từ Việt Nam.

Hoa Kỳ không nằm trong nhóm 10 thị trường đích đến hàng đầu của sản phẩm xuất khẩu này từ nước ta, tỷ trọng của thị trường Hoa Kỳ cũng rất thấp, chỉ chưa đến 0,01%.

2. Cập nhật các biện pháp phòng vệ thương mại đối với mặt hàng

Từ tháng 02 năm 2017, Bộ Thương mại Hoa (DOC) đã áp thuế chống bán phá giá (CBPG) và chống trợ cấp (CTC) lên các sản phẩm dây cáp điện không gỉ (mã HS thuộc nhóm 7219 và 7220) có xuất xứ Trung Quốc với mức thuế CBPG từ 63,86 - 76,64% và thuế CTC từ 75,60% đến 190,71%. Trong khi đó, mức thuế nhập khẩu Hoa Kỳ áp dụng với dây cáp điện không gỉ của Việt Nam là 0%.

Sau đó, để tránh nguy cơ hàng hóa nhập khẩu vào nước này “lẩn tránh” các biện pháp phòng vệ thương mại, ngày 13/5/2020, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) thông báo khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp chống lẩn tránh thuế với sản phẩm dây cáp điện không gỉ nhập khẩu từ Việt Nam. DOC đã điều tra hai nội dung: (1) Điều tra về phạm vi sản phẩm (scope inquiry) để xác định liệu sản phẩm dây cáp điện không gỉ được sản xuất tại Trung Quốc sau đó được gia công thêm ở Việt Nam trước khi xuất khẩu sang Hoa Kỳ có thuộc đối tượng đang bị áp thuế hay không; và (2) điều tra về hành vi lẩn tránh (circumvention) của các doanh nghiệp Việt Nam.

Đây là vụ việc Bộ Thương mại Hoa Kỳ tự khởi xướng điều tra dựa trên các thông tin sẵn có với cáo buộc mặt hàng dây cáp điện không gỉ đang có dấu hiệu lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại mà Hoa Kỳ đang áp dụng với hàng hóa tương tự của Trung Quốc từ năm 2016 với mức thuế là từ 139% - 267%. Căn cứ để Bộ Thương mại Hoa Kỳ khởi xướng điều tra với lý do các nhà sản xuất xuất khẩu của Việt Nam nhập khẩu nguyên liệu dây cáp điện cán phẳng không gỉ từ Trung Quốc sau đó gia công hoàn thiện tại Việt Nam và xuất khẩu sang Hoa Kỳ; Lượng xuất khẩu sản phẩm dây cáp điện không gỉ từ Việt Nam có sự gia tăng đáng kể trong giai đoạn trước và sau khi Hoa Kỳ áp thuế với Trung Quốc. Xuất khẩu sản phẩm dây cáp điện không gỉ từ Việt Nam sang Hoa Kỳ liên tục giảm từ 32.000 tấn năm 2017 xuống còn 25.000 tấn năm 2018 và tiếp tục giảm xuống còn 23.000 tấn năm 2019.

Theo thông báo liên bang ngày 9 tháng 8 năm 2024, theo quyết định của Bộ Thương mại Hoa Kỳ (Thương mại) và Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ về việc hủy bỏ lệnh chống bán phá giá (AD) và thuế chống trợ cấp (CVD) đối với một số sản phẩm carbon cắt theo chiều dài nhất định Tấm dây cáp điện chất lượng (tấm CTL) từ Ấn Độ, Indonesia và Hàn Quốc có thể sẽ dẫn đến việc tiếp tục hoặc tái diễn hành vi bán phá giá và trợ cấp, đồng thời gây thiệt hại vật chất ngành công nghiệp ở Hoa Kỳ, do đó Bộ Thương mại Hoa Kỳ đưa ra thông báo tiếp tục các lệnh AD và CVD này. Hàng hóa thuộc đối tượng của Lệnh áp dụng biện pháp PVTM này được phân loại trong HTSUS theo các phân nhóm: 7208.40.3030, 7208.40.3060, 7208.51.0030, 7208.51.0045, 7208.51.0060, 7208.52.0000, 7208.53.0000, 7208.90. 0000, 7210.70.3000, 7210.90.9000, 7211.13 .0000, 7211.14.0030, 7211.14.0045, 7211.90.0000, 7212.40.1000, 7212.40.5000, 7212.50.0000, 7225.40.3050, 7225.40.7000, 72 25.50.6000, 7225.99.0090, 7226.91.5000, 7226.91.7000 , 7226.91.8000, 7226.99.0000.

a. EU

Liên minh châu Âu (EU) vừa ban hành Quy định (EU) 2024/1301, sửa đổi Quy định (EU) 2019/159 về việc áp dụng biện pháp tự vệ đối với một số sản phẩm dây cáp điện nhập khẩu. Ủy ban Châu Âu không gia hạn thuế tự vệ thêm một năm trừ khi các nhà sản xuất dây cáp điện của EU có thể chứng minh được thiệt hại từ hàng hóa nhập khẩu.

(1) EU gia hạn biện pháp tự vệ đối với dây cáp điện nhập khẩu dưới hình thức hạn ngạch thuế quan (TRQ)

Ngày 2/6/2024, Ủy ban Tự vệ của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) thông báo Liên minh châu Âu (EU) tiếp tục gia hạn biện pháp tự vệ đối với dây cáp điện nhập khẩu dưới hình thức hạn ngạch thuế quan (TRQ) đối với một số sản phẩm dây cáp điện nhập khẩu thêm một năm nữa. Quyết định có hiệu lực từ ngày 01/7/2024 đến ngày 30/6/2024.

Nguyên nhân của việc gia hạn là do ngành dây cáp điện nội địa châu Âu có thể bị ảnh hưởng nặng nề từ việc nước ngoài bán phá giá và xuất khẩu dây cáp điện giá rẻ. EC tiếp tục duy trì khả năng phòng thủ bằng cách phân bổ hạn ngạch xen kẽ giữa cách phân bổ hạn ngạch riêng cho từng nước và phân bổ hạn ngạch chung cho các nước còn lại.

Mức thuế ngoài hạn ngạch là 25%. Lượng hạn ngạch không chịu thuế tiếp tục tăng 4% so với thời gian từ 01/7/2021 đến 30/6/2024.

Đối với các nhóm sản phẩm dây cáp điện khác, Việt Nam được miễn áp dụng biện pháp tự vệ theo tiêu chí dành cho nước đang phát triển có kim ngạch nhập khẩu dưới 3%. Trường hợp thị phần nhập khẩu nhóm sản phẩm dây cáp điện khác từ Việt Nam vào EU vượt quá 3%, nhóm này sẽ được đưa vào danh sách áp dụng TRQ trong đợt rà soát hành chính hàng năm.

(2) EU sửa đổi áp dụng biện pháp tự vệ đối với một số dây cáp điện nhập khẩu

Sau khi lắng nghe khuyến nghị của các nước liên quan trong khoảng thời gian từ ngày 6/5/2024 đến ngày 13/6/2024 cùng với việc đánh giá xem có nên chấm dứt biện pháp tự vệ sớm trước tháng 6 năm 2024 dựa trên số liệu xuất nhập khẩu chung của năm 2024 hay không, EU đã ban hành quy định sửa đổi mới có hiệu lực từ ngày 1/7/2024.

Theo các quy định sửa đổi, tất cả hạn ngạch thuế quan (TRQ) của biện pháp tự vệ sẽ tiếp tục tăng 4% kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2024. Bất kỳ thành viên nào của WTO là quốc gia đang phát triển đều được miễn thuế tự vệ trong trường hợp quốc gia đó xuất khẩu sang các nước đang phát triển. EU chiếm dưới 3% tổng lượng nhập khẩu của mỗi loại sản phẩm. Việt Nam tiếp tục áp dụng danh mục 26 và bỏ danh mục 3A so với danh mục cũ.

Nếu tổng tỷ trọng nhập khẩu từ các nước đang phát triển (với tỷ trọng riêng lẻ dưới 3%) vượt quá 9% trong một danh mục cụ thể, họ sẽ phải chịu biện pháp tương tự đối với danh mục sản phẩm đó.

Theo Quy định trên, các nước được hưởng lợi từ việc mở rộng hạn ngạch theo quốc gia bao gồm Việt Nam, Thổ Nhĩ Kỳ, Brazil, Trung Quốc, Ai Cập, Ấn Độ, Indonesia, Malaysia, Moldova, Bắc Macedonia, Oman.

Ngày 8/11/2019, CBSA khởi xướng điều tra thuế chống bán phá giá (CBPG) và thuế chống trợ cấp (CTC) đối với sản phẩm dây cáp điện COR nhập khẩu từ Thổ Nhĩ Kỳ, Các Tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất (UAE) và Việt Nam.

Ngày 16/11/2020, cơ quan điều tra ban hành lệnh áp thuế như sau: Thổ Nhĩ Kỳ từ 0% đến 26,1% (thuế CBPG) và 0,4% đến 3,6% (thuế CTC); UAE không bị áp thuế CBPG và CTC; Việt Nam từ 2,3% đến 71,1% (thuế CBPG) và không bị áp thuế CTC. Mức thuế này được áp dụng trong 5 năm kể từ ngày 17/11/2020.

Theo Trademap, kể từ thời điểm Canada áp dụng thuế CBPG đối với sản phẩm dây cáp điện COR từ năm 2020, sản lượng xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này trong năm 2020 là khoảng 22.800 tấn và tăng mạnh khoảng 4 lần lên 87.700 tấn vào năm 2021, chiếm lần lượt 2,5% và 6,5% tổng sản lượng nhập khẩu dây cáp điện COR của Canada. Kim ngạch xuất khẩu trong năm 2020 và 2021 lần lượt là khoảng 15,4 triệu USD và 104,8 triệu USD.

Do đó, Cơ quan Hải quan và Biên phòng Canada (CBSA) đã thông báo khởi xướng điều tra lại (rà soát hành chính) để xác định lại mức thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm dây cáp điện COR nhập khẩu từ Việt Nam. Mã HS sản phẩm bị điều tra: 7210.30; 7210.49; 7210.61; 7210.69; 7212.20; 7212.30; 7212.50; 7225.91; 7225.92; 7226.99 (lưu ý mã HS chỉ có ý nghĩa tham khảo).

3. Nhận định và kiến nghị

Như vậy có thể thấy trong số các mã HS 7208, 7211, 7225 và 7226, hiện Việt Nam xuất khẩu nhiều nhất là nhóm hàng mã HS 7208, nhóm hàng này cũng có thị phần tăng tại EU trong khi thị phần tại Hoa Kỳ không đáng kể.

Tuy nhiên dây cáp điện cũng như nhiều sản phẩm sắt dây cáp điện khác nằm trong danh mục các nhóm hàng bị áp dụng nhiều biện pháp phòng vệ thương mại nhất trên thế giới. Theo đó không chỉ các thị trường phát triển như Hoa Kỳ, EU, Canada mà các thị trường đang phát triển hoặc mới nổi như Ấn Độ, Thái Lan...cũng đã thực hiện các cuộc điều tra áp dụng biện pháp PVTM đối với nhóm hàng này.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp xuất khẩu dây cáp điện của Việt Nam, Cục Phòng vệ thương mại (Bộ Công Thương) khuyến nghị các doanh nghiệp liên quan theo dõi sát diễn biến thị trường, tình hình nhập khẩu của các thị trường, đặc biệt là Hoa Kỳ, EU. Đồng thời, các DN cần chủ động tìm hiểu hoặc liên hệ Cục phòng vệ thương mại để được cung cấp thông tin và nắm vững quy định, trình tự, thủ tục điều tra áp dụng các biện pháp PVTM tại các thị trường xuất khẩu. Đặc biệt, trong bối cảnh hàng từ các nước khác bị áp dụng các biện pháp PVTM (chống bán phá giá, chống trợ cấp), Hoa Kỳ và EU cũng có nhiều khả năng sẽ tăng cường việc giám sát và điều tra chống lẩn tránh các biện pháp PVTM. Do đó các doanh nghiệp dây cáp điện của Việt Nam cần chuẩn bị đầy đủ giấy tờ, chứng từ chứng minh về xuất xứ hàng hóa hợp pháp, không tiếp tay cho các đối tượng có ý định lẩn tránh thuế.

Ngoài ra, các doanh nghiệp nên hợp tác đầy đủ, cung cấp thông tin cho cơ quan điều tra khi có yêu cầu; có ý kiến kịp thời đối với các kết luận của cơ quan điều tra tại Hoa Kỳ và EU hoặc các vấn đề do các bên liên quan nêu; thường xuyên trao đổi, phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương trong quá trình xử lý các vụ việc liên quan nếu có.

Bởi vậy, vụ việc sẽ được kết thúc trong vòng 9 tháng từ ngày thông báo có hiệu lực. Các bên liên quan phải trình diện trước cơ quan điều tra trong vòng 15 ngày kể từ ngày thông báo có hiệu lực.

Ngoài ra, các bên liên quan hoặc đại diện theo pháp luật phải nộp bản trả lời câu hỏi, ý kiến bằng văn bản, đề nghị xem xét miễn trừ hoặc các thông tin cần thiết khác trong vòng 37 ngày kể từ ngày đăng công báo của EU.

Mặt khác, các bên liên quan có thể đề nghị EC tham vấn trong thời hạn 37 ngày. Đối với tham vấn về việc khởi xướng, các bên liên quan cần gửi yêu cầu tới EC trong vòng 15 ngày kể từ ngày thông báo có hiệu lực.

EC đã đưa ra hướng dẫn về việc nộp ý kiến bằng văn bản, gửi bản câu hỏi và câu trả lời; thu thập thông tin và tổ chức tham vấn; yêu cầu miễn trừ.

THEO DÕI MẶT HÀNG THÉP HÌNH XUẤT KHẨU

1. Đánh giá chung về tình hình sản xuất trong nước

Quy mô thị trường thép hình trong nước

Trong tháng 3/2024, sản xuất thép thô đạt 1,85 triệu tấn, giảm 13% so với tháng trước và tăng 22,5% so với tháng 3/2023. Tiêu thụ thép thô đạt gần 1,7 triệu tấn, giảm 6% so với tháng trước nhưng tăng 7,5% so với cùng kỳ năm 2023. Xuất khẩu thép thô tháng 3 đạt 195.299 tấn, tăng 5% so với tháng 2 và tăng 73% so với tháng 3/2023.

Tính chung quý I/2024, sản xuất thép thô đạt 5,32 triệu tấn, tăng 21% so với cùng kỳ năm 2023. Tiêu thụ đạt 5,38 triệu tấn, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, xuất khẩu đạt 622.000 tấn, tăng 46% so với cùng kỳ năm 2023.

Hình 02: Tình hình sản xuất – bán hàng thép thành phẩm tháng 4/2024

Ngành hàng	Tháng 4/2024			Tháng 4/2023			% so với cùng kỳ		
	Sản xuất (tấn)	Bán hàng (tấn)	Xuất khẩu (tấn)	Sản xuất (tấn)	Bán hàng (tấn)	Xuất khẩu (tấn)	Sản xuất	Bán hàng	Xuất khẩu
Thép xây dựng	1.016.385	1.192.914	167.562	711.205	735.759	95.100	▲ 42,9%	▲ 62,11%	▲ 76,2%
HRC	395.928	491.796	145.105	639.978	587.609	277.875	▼ 38,1%	▼ 16,3%	▼ 47,8%
Thép cán nguội	195.614	220.247	52.150	266.361	164.980	35.830	▼ 26,6%	▲ 33,5%	▲ 45,5%
Tôn mạ KL &SPM	496.579	537.115	315.280	373.656	353.807	209.488	▲ 32,9%	▲ 51,8%	▲ 50,5%
Ống thép	177.527	231.315	23.813	183.353	190.194	23.669	▼ 3,2%	▲ 21,6%	▲ 0,6%
Tổng cộng	2.282.032	2.673.387	703.910	2.174.553	2.032.349	641.926	▲ 4,9%	▲ 31,5%	▲ 9,6%

Nguồn: VSA

Trong tháng 3, sản xuất thép xây dựng đạt 864.683 tấn, tăng 4% so với tháng trước nhưng giảm 5% so với tháng 3/2023. Bán hàng đạt 969.535 tấn, tăng 63% so với tháng trước và giảm 33% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, xuất khẩu thép xây dựng đạt 192.864 tấn, tăng 20% so với tháng 3/2023. Tính chung quý I, sản xuất thép xây dựng đạt 2,71 triệu tấn, xấp xỉ mức cùng kỳ năm 2023. Bán hàng thép đạt 2,56 triệu tấn, giảm 2%. Trong đó, xuất khẩu có nhiều khởi sắc khi tăng 20% so với cùng kỳ, đạt 504.632 tấn.

Tính riêng tháng 4, bán hàng thép xây dựng đạt 1,19 triệu tấn, tăng 23% so với tháng trước và tăng 62% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, xuất khẩu đạt 167.562 tấn, tăng 76% so với tháng 4/2023. Lượng hàng xuất trong tháng 4 phản ánh rõ về nhu cầu vào mùa xây dựng trễ hơn so với kỳ vọng tháng 3. Nhu cầu trên chủ yếu cung cấp cho các công trình, mảng dân dụng vẫn còn ở mức thấp.

Tại Việt Nam, Posco nổi tiếng với mặt hàng thép hình. Mặt hàng này được sản xuất theo công nghệ và dây chuyền của Hàn Quốc. Loại thép hình này có ưu điểm là kích thước tương đối chuẩn, cần nặng barem cũng không âm quá nhiều so với cân nặng cân thực tế. Ưu điểm của thép Posco có độ bền chắc tốt, thép có khả năng chịu lực cao, kích thước đa dạng phù hợp đáp ứng được nhiều yếu tố khác nhau của công trình. Bề mặt thép xanh, không bị gỉ rỉ, dấu hiệu để nhận biết thép Posco là trên thân cây có ký hiệu PS. Bởi vì có nhiều ưu điểm nên thép PS luôn có giá thành cao hơn so với thép của nhiều hãng khác.

Các sản phẩm thép hình có nguồn gốc Posco hiện nay là: Thép hình I Posco, Thép hình H Posco

Các kích thước thép hình I Posco: Thép hình I 100 x 55 x 4.5 x 6m, Thép hình I 120 x 64 x 4.8 x 6m, Thép hình I 150 x 75 x 5 x 7 x 12m, Thép hình I 194 x 150 x 6 x 9 x 12m, Thép hình I 200 x 100 x 5.5 x 8 x 12m, Thép hình I

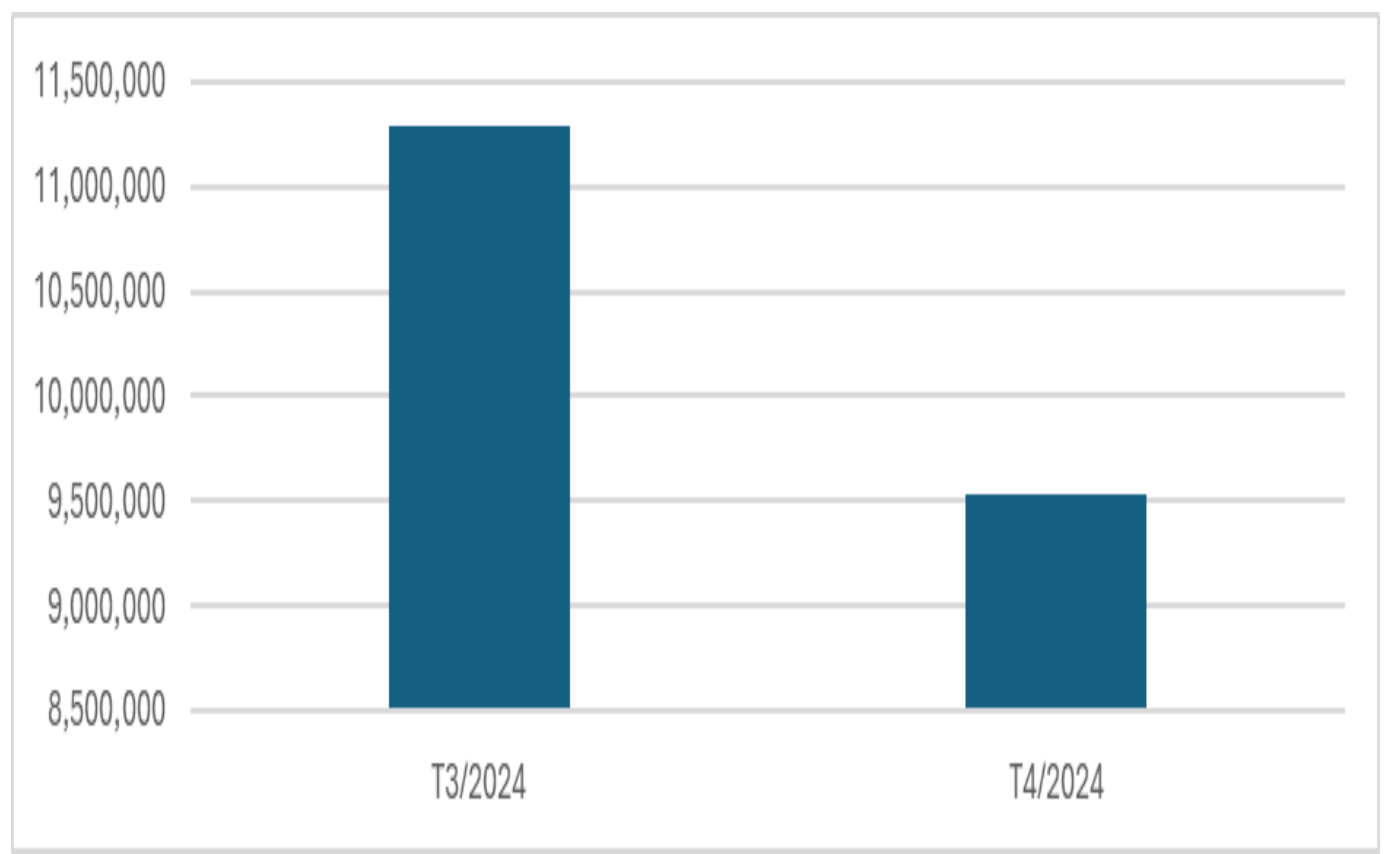
250 x 125 x 6 x 9 x 12m, Thép hình I 294 x 200 x 8 x 12 x 12m, Thép hình I 300 x 150 x 6.5 x 9 x 12m, Thép hình I 350 x 175 x 7 x 11 x 12m, Thép hình I 390 x 300 x 10 x 16 x 12m, Thép hình I 400 x 200 x 8 x 13 x 12m, Thép hình I 450 x 200 x 9 x 14 x 12m, Thép hình I 482 x 300 x 11 x 15 x 12m...

Các kích thước thép H Posco: Thép H 100 x 100 x 6 x 8 x 12m, Thép H 125 x 125 x 6.5 x 9 x 12m, Thép H 150 x 150 x 7 x 10 x 12m, Thép H 175 x 175 x 7.5 x 11 x 12m, Thép H 200 x 200 x 8 x 12 x 12m, Thép H 250 x 250 x 9 x 14 x 12m, Thép H 300 x 300 x 10 x 15 x 12m, Thép H 340 x 250 x 9 x 14 x 12m, Thép H 350 x 350 x 12 x 19 x 12m, Thép H 400 x 400 x 13 x 21 x 12m, Thép H 440 x 300 x 11 x 18 x 12m...

2. Tình hình xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường

Biểu đồ 01: Giá trị xuất khẩu mặt hàng thép hình từ Việt Nam sang các thị trường trong tháng 3,4 năm 2024

Đơn vị: USD

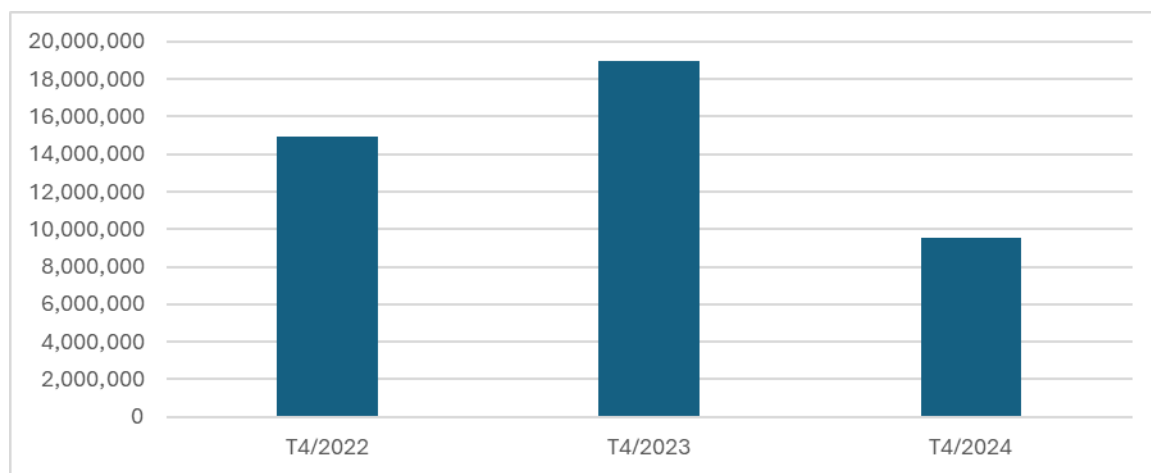


Nguồn: IHS Markit

So với tháng 3/2024, tổng giá trị xuất khẩu thép hình từ Việt Nam sang các thị trường giảm 18,34% xuống còn 9.537.159 USD.

Biểu đồ 02: Giá trị xuất khẩu mặt hàng thép hình từ Việt Nam sang các thị trường trong tháng 4 các năm 2022, 2023, 2024

Đơn vị: USD

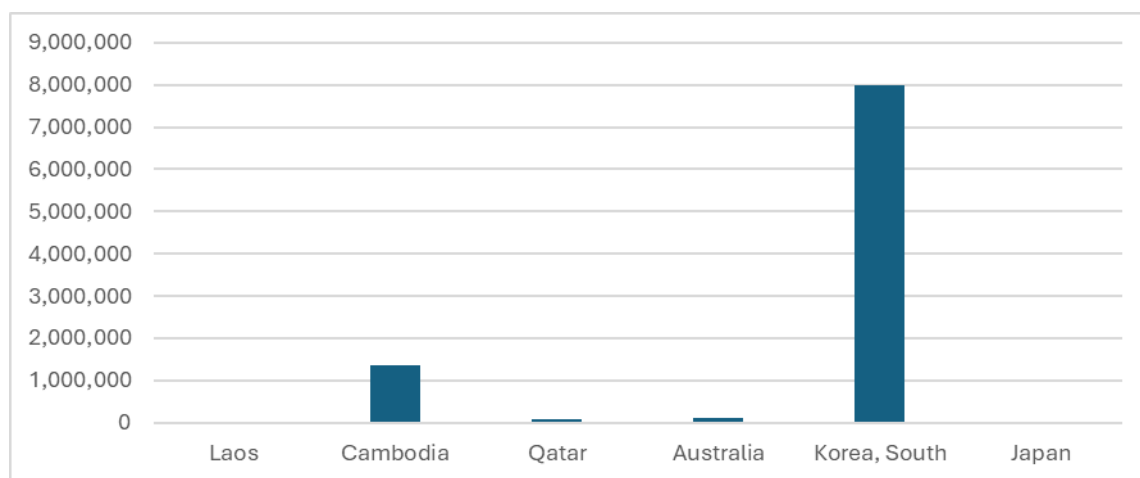


Nguồn: IHS Markit

Tháng 4/2022, tổng giá trị xuất khẩu thép hình từ Việt Nam sang các thị trường đạt 14.945.954 USD. So với tháng 4/2023, tổng giá trị xuất khẩu thép hình từ Việt Nam sang các thị trường tăng 26,79% lên 18.950.533 USD. Đến tháng 4/2024, xuất khẩu thép hình sang các nước giảm gần một nửa xuống còn 9.537.159 USD.

Biểu đồ 03: Giá trị xuất khẩu mặt hàng thép hình từ Việt Nam sang các thị trường trong tháng 4 năm 2024

Đơn vị: USD



Nguồn: IHS Markit

Trong tháng 4/2024, tổng giá trị xuất khẩu thép hình từ Việt Nam sang các thị trường đạt 9.537.159 USD, với 04 nước nhập khẩu chính là Hàn Quốc, Campuchia, Úc và Qatar. Hàn Quốc là nhà nhập khẩu thép hình lớn nhất của Việt Nam, với gần 8 triệu USD, chiếm 83,88% tổng lượng xuất khẩu. Tiếp đến là Campuchia với khoảng 1,4 triệu USD, chiếm 14,24% tổng lượng xuất khẩu. Úc và Qatar với lần lượt khoảng 102 nghìn USD (1%) và 64 nghìn USD (0,67%).

3. Cập nhật các biện pháp phòng vệ thương mại đối với mặt hàng thép hình

Ngày 21 tháng 3 năm 2017, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 957/QĐ-BCT về việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời đối với một số mặt hàng thép hình chữ H nhập khẩu vào Việt Nam, có xuất xứ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (bao gồm cả Hồng Kông), có mã HS 7216.33.00, 7228.70.10, 7228.70.90 (mã vụ việc AD03).

Ngày 21 tháng 8 năm 2017, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 3283/QĐ-BCT về việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá chính thức đối với sản phẩm thép hình H có xuất xứ từ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 4243/QĐ-BCT về việc giữ nguyên việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số mặt hàng thép hình chữ H có xuất xứ từ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 2251/QĐ-BCT về việc tiến hành điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá (CBPG) đối với một số sản phẩm thép hình chữ H có mã HS 7216.33.11, 7216.33.19, 7216.33.90, 7228.70.10 và 7228.70.90 có xuất xứ từ Ma-lai-xi-a.

Thời gian	Sự kiện
24/08/2020	Khởi xướng điều tra CBPG (Quyết định số 2251/QĐ-BCT)
08/09/2020	Công văn v/v ban hành Bản câu hỏi điều tra đối với nhà sản xuất trong nước, nhà nhập khẩu vụ việc AD12 Công văn v/v ban hành Bản câu hỏi điều tra đối với nhà sản xuất, nhà xuất khẩu nước ngoài vụ việc AD12
02/04/2021	Áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời (Quyết định số 1162/QĐ-BCT)
18/08/2021	Ban hành quyết định áp thuế CBPG chính thức (Quyết định số 1975/QĐ-BCT) ở mức 10,64%.
19/08/2022	Ban hành kết luận cuối cùng (Quyết định số 1640/QĐ-BCT) về biện pháp chống bán phá giá được gia hạn thêm 05 năm với mức thuế CBPG được áp dụng từ 22,09% đến 33,51%.

Ngày 05 tháng 12 năm 2023, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 3133/QĐ-BCT về việc rà soát lần thứ hai việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm thép hình chữ H có xuất xứ từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (mã vụ việc AR02.AD03).

Bộ Công Thương bắt đầu điều tra vụ việc từ tháng 12/2023 trên cơ sở đề nghị của nhóm Công ty Jinxi (Trung Quốc) nộp vào tháng 8/2022.

Ngày 25/11/2024, Bộ Công Thương tiếp tục ban hành Quyết định 3098/QĐ-BCT về kết quả rà soát lần hai đối với biện pháp chống bán phá giá áp dụng cho thép chữ H từ Trung Quốc. Kết luận điều tra cho thấy mức độ bán phá giá của nhóm Công ty Jinxi giảm còn 13,38%.

4. Cảnh báo và kiến nghị

Thép hình cũng như nhiều sản phẩm sắt thép khác nằm trong danh mục các nhóm hàng bị áp dụng nhiều biện pháp phòng vệ thương mại nhất trên thế giới. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp xuất khẩu thép của Việt Nam nói chung và thép hình của Việt Nam nói riêng, Cục Phòng vệ thương mại (Bộ Công Thương) khuyến nghị các doanh nghiệp liên quan theo dõi sát diễn biến thị trường, tình hình nhập khẩu của các thị trường. Đồng thời, các doanh nghiệp cần chủ động tìm hiểu hoặc liên hệ Cục Phòng vệ thương mại để được cung cấp thông tin và nắm vững quy định, trình tự, thủ tục điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại tại các thị trường xuất khẩu. Do đó các doanh nghiệp thép của Việt Nam cần chuẩn bị đầy đủ giấy tờ, chứng từ chứng minh về xuất xứ hàng hóa hợp pháp, không tiếp tay cho các đối tượng có ý định lẩn tránh thuế. Trước năm 2017, Ma-lai-xi-a không sản xuất và xuất khẩu sản phẩm thép hình H sang Việt Nam. Tuy nhiên, sau khi Việt Nam áp dụng thuế CBPG thép hình H với Trung Quốc, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm này của Ma-lai-xi-a sang Việt Nam đã tăng đột biến, lên hơn 213 tỷ đồng trong năm 2019 và 848 tỷ đồng trong năm 2020. Do đó, có dấu hiệu về việc thép hình chữ H được sản xuất tại Ma-lai-xi-a sau đó xuất khẩu sang Việt Nam nhằm lẩn tránh thuế CBPG áp dụng đối với thép hình H của Trung Quốc.

THEO DÕI TÌNH HÌNH PHÔI THÉP NHẬP KHẨU

1. Tình hình nhập khẩu mặt hàng phôi thép

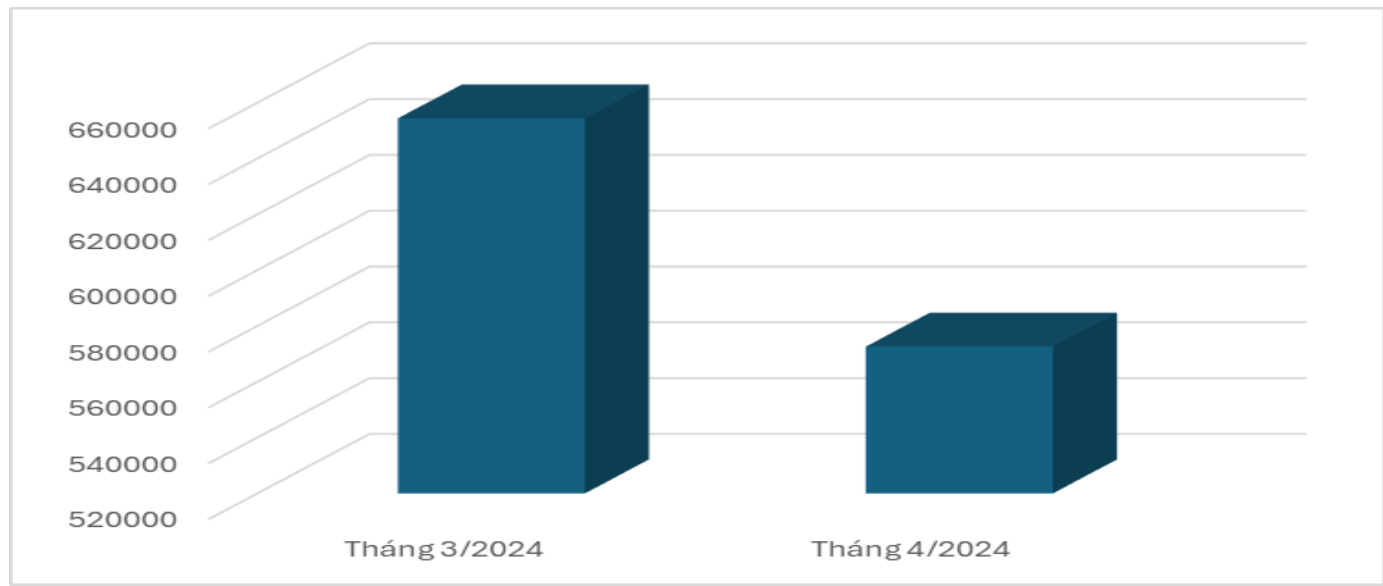
Giá trị nhập khẩu mặt hàng phôi thép

Tháng 4/2024, giá trị nhập khẩu phôi thép vào Việt Nam đạt 572.595 USD, giảm đáng kể so với tháng 3/2024 (654.375 USD), tương đương giảm 12,5%.

So với tháng 4/2023, giá trị nhập khẩu phôi thép tháng 4/2024 đã giảm 266.185 USD, tương đương giảm 31,7%.

Giá trị nhập khẩu mặt hàng phôi thép vào Việt Nam từ các thị trường trong tháng 3 và tháng 4 năm 2024

Đơn vị: USD



Nguồn: IHS Markit

Tháng 4/2024, giá trị nhập khẩu phôi thép vào Việt Nam đạt 572.595 USD. Nguồn cung từ Trung Quốc là yếu tố chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng giá trị nhập khẩu phôi thép tháng 4/2024. Với mức 47%, Trung Quốc đóng góp khoảng 268.618 USD trong tổng giá trị nhập khẩu. Nguyên nhân chính là do giá thành sản xuất phôi thép từ Trung Quốc thường thấp hơn so với các quốc gia khác, giúp các doanh nghiệp Việt Nam tiết kiệm chi phí và duy trì khả năng cạnh tranh trong thị trường thép trong nước. Tuy nhiên, mặc dù phôi thép Trung Quốc có ưu điểm về giá, doanh nghiệp Việt Nam cũng cần phải cân trọng trước các sản phẩm thép nhập khẩu giá rẻ, việc lựa chọn nguồn cung từ Trung Quốc cần phải cân nhắc kỹ lưỡng, đặc biệt là về chất lượng và các yếu tố ngoại cảnh ảnh hưởng đến thị trường thép quốc tế.

Hàn Quốc, là nguồn cung quan trọng thứ hai cho thị trường thép Việt Nam, chiếm 26% tổng giá trị nhập khẩu phôi thép trong tháng 4/2024. Việt Nam đã nhập khẩu 148.451 USD từ Hàn Quốc. Phôi thép từ Hàn Quốc được đánh giá cao về chất lượng và độ ổn định, giúp các doanh nghiệp Việt Nam dễ dàng đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế trong sản xuất thép, đặc biệt là đối với các sản phẩm có yêu cầu cao về kỹ thuật

Đài Loan (Trung Quốc) đóng góp 16% tổng giá trị nhập khẩu phôi thép vào Việt Nam trong tháng 4/2024, tương đương với 91.615 USD. Phôi thép nhập khẩu từ Đài Loan có đặc điểm nổi bật về chất lượng, độ chính xác cao và khả năng đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật khắt khe từ các ngành công nghiệp chế tạo. Mặc dù giá phôi thép từ Đài Loan có thể cao hơn so với Trung Quốc và Hàn Quốc, nhưng với các ưu điểm về chất lượng và độ bền, sản phẩm từ Đài Loan vẫn được ưa chuộng trong các ngành đòi hỏi thép chất lượng cao như cơ khí chế tạo, sản xuất ô tô, và các ngành công nghiệp có yêu cầu nghiêm ngặt về chất lượng.

2. Đánh giá chung về tình hình sản xuất trong nước

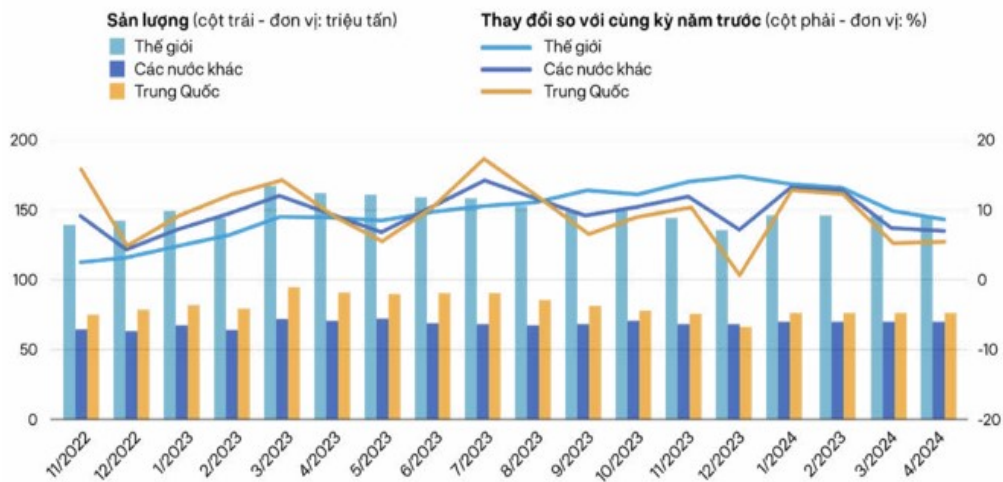
Các công ty sản xuất phôi thép trong nước:

Theo số liệu của Hiệp hội Thép Thế giới (Worldsteel), sản lượng thép thô thế giới của 71 quốc gia đạt 155,7 triệu tấn trong tháng 4/2024, giảm 5% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 4 tháng đầu năm, sản xuất thép thô ở 71 quốc gia đạt 625,4 triệu tấn, giảm 0,9% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, sản xuất thép thô ở Trung Quốc đạt 343,7 triệu tấn, tăng 3% so với cùng kỳ năm 2023. Đứng sau Trung Quốc, Ấn Độ sản xuất 49,5 triệu tấn thép thô, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm 2023.

Biểu đồ 1: Sản lượng thép thô thế giới đến tháng 4/2024

Nguồn: Worldsteel.



4 tháng đầu năm 2024, sản xuất thép thô của Việt Nam đạt 7,15 triệu tấn, tăng 19% so với cùng kỳ năm 2023. Tiêu thụ đạt 6,96 triệu tấn, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, xuất khẩu đạt 903.000 tấn, tăng 74% so với cùng kỳ năm 2023

Sản xuất thép thành phẩm đạt 9,36 triệu tấn, tăng 5,7% so với cùng kỳ năm 2023. Tiêu thụ đạt 9,35 triệu tấn, tăng 5,5% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, xuất khẩu đạt 2,95 triệu tấn, tăng 28,5% so với cùng kỳ năm 2023.

Bảng 3: Tình hình sản xuất – bán hàng thép thành phẩm các loại tháng 4/2024

Nguồn: VSA.

Ngành hàng	Tháng 4/2024			Tháng 4/2023			% so với cùng kỳ		
	Sản xuất (tấn)	Bán hàng (tấn)	Xuất khẩu (tấn)	Sản xuất (tấn)	Bán hàng (tấn)	Xuất khẩu (tấn)	Sản xuất	Bán hàng	Xuất khẩu
Thép xây dựng	1.016.385	1.192.914	167.562	711.205	735.759	95.100	▲ 42,9%	▲ 62,11%	▲ 76,2%
HRC	395.928	491.796	145.105	639.978	587.609	277.875	▼ 38,1%	▼ 16,3%	▼ 47,8%
Thép cán nguội	195.614	220.247	52.150	266.361	164.980	35.830	▼ 26,6%	▲ 33,5%	▲ 45,5%
Tôn mạ KL &SPM	496.579	537.115	315.280	373.656	353.807	209.488	▲ 32,9%	▲ 51,8%	▲ 50,5%
Ống thép	177.527	231.315	23.813	183.353	190.194	23.669	▼ 3,2%	▲ 21,6%	▲ 0,6%
Tổng cộng	2.282.032	2.673.387	703.910	2.174.553	2.032.349	641.926	▲ 4,9%	▲ 31,5%	▲ 9,6%

Tính riêng tháng 4, bán hàng thép xây dựng đạt 1,19 triệu tấn, tăng 23% so với tháng trước và tăng 62% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, xuất khẩu đạt 167.562 tấn, tăng 76% so với tháng 4/2023.

Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA) nhận định lượng hàng xuất trong tháng 4 phản ánh rõ về nhu cầu vào mùa xây dựng trễ hơn so với kỳ vọng tháng 3. Nhu cầu trên chủ yếu cung cấp cho các công trình, mảng dân dụng vẫn còn ở mức thấp.

3. Đánh giá và khuyến nghị

Ngày 18 tháng 12 năm 2016, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 2968/QĐ-BCT về việc áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phôi thép và thép dài nhập khẩu vào Việt Nam. Các sản phẩm thuộc mã HS: 7207.11.00; 7207.19.00; 7207.20.29; 7207.20.99; 7224.90.00; 7213.10.10; 7213.10.90; 7213.91.20; 7214.20.31; 7214.20.41; 7227.90.00; 7228.30.10; 9811.00.00.

Theo quy định của Hiệp định Tự vệ của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) mà Việt Nam là thành viên, Bộ Công Thương cũng đã quyết định lộ trình áp thuế tự vệ theo hướng giảm dần đối với các mặt hàng phôi thép và thép dài như sau:

Thời gian có hiệu lực	Thuế phôi thép
Từ ngày 22/3/2016 (ngày Quyết định áp dụng biện pháp tạm thời có hiệu lực) đến ngày 01/8/2016	23,3% (mức thuế tự vệ tạm thời)
Từ ngày 02/8/2016 (ngày Quyết định áp dụng biện pháp chính thức có hiệu lực) đến ngày 21/3/2017	23,3% (mức thuế tự vệ chính thức)
Từ ngày 22/3/2017 đến ngày 21/3/2018	21,3%
Từ ngày 22/3/2018 đến ngày 21/3/2019	19,3%
Từ ngày 22/3/2019 đến ngày 21/3/2020	17,3%
Từ ngày 22/3/2020 trở đi	0% (nếu không gia hạn)

Ngày 20/03/2020, Bộ Công Thương ban hành Quyết định 918/QĐ-BCT về việc gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phôi thép và thép dài nhập khẩu với mức thuế và thời gian gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ như sau:

Thời gian có hiệu lực	Thuế phôi thép
Từ ngày 22/3/2020 đến 21/3/2021	15,3%
Từ ngày 22/3/2021 đến 21/3/2022	13,3%
Từ ngày 22/3/2022 đến 21/3/2023	11,3%
Từ ngày 22/3/2023 trở đi	0% (nếu không gia hạn)

Ngày 21/03/2023, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 691/QĐ-BCT. Theo Quyết định này, Bộ trưởng Bộ Công Thương không gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phôi thép có mã HS: 7207.11.00; 7207.19.00; 7207.20.29; 7207.20.99; 7224.90.00; và 9811.00.10 được dẫn chiếu tới mã HS 7224.90.00. Theo đó, tại thời điểm tháng 4 năm 2024, mặt hàng phôi thép nhập khẩu và Việt Nam không phải chịu thuế tự vệ.

Phôi thép là sản phẩm trung gian để làm ra các sản phẩm thép khác được sử dụng rất rộng rãi trong các công trình xây dựng hiện nay, là vật liệu chủ đạo để xây nên những tòa nhà cao tầng, những nhịp cầu bắc qua sông. Quan điểm của Chính phủ Việt Nam luôn khuyến khích đầu tư sản xuất thép từ thượng nguồn, ưu tiên sản xuất trong nước vì thép được coi là nền tảng để sản xuất các sản phẩm công nghiệp, giúp các ngành sản xuất trong nước tự chủ được phần nguyên liệu. Bảo vệ sản xuất thượng nguồn trong nước cũng là bảo vệ công ăn việc làm và tạo nguồn thu ngân sách bền vững cho nhà nước. Bên cạnh đó, thép là mặt hàng có lượng nhập khẩu lớn, lại là ngành công nghiệp cốt lõi, tác động đến nhiều ngành kinh tế khác nhau..

Hiện nay, các quốc gia trên thế giới đang tăng cường áp dụng triệt để các hàng rào kỹ thuật và biện pháp phòng vệ thương mại để bảo vệ ngành sản xuất trong nước. Các rào cản kỹ thuật được áp dụng rõ ràng tại các quốc gia như Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Hàn Quốc, Ấn Độ, Úc, Anh.... Trong khi đó, gần như các sản phẩm thép nhập khẩu vào Việt Nam đều có thuế nhập khẩu bằng 0%. Hơn nữa, biện pháp tự vệ đối với mặt hàng phôi thép đã bị dỡ bỏ.

Tình hình nhập khẩu phôi thép hiện tại cho thấy khối lượng nhập khẩu còn rất thấp và khó có khả năng tăng nhanh trong thời gian tới. Phôi thép là sản phẩm trung gian trong chuỗi giá trị của ngành thép, chủ yếu phục vụ nhu cầu sản xuất nội bộ tại các nhà máy thép để chế tạo các sản phẩm hạ nguồn như thép xây dựng, thép tấm, thép cuộn. Chính vì đặc thù này, nhu cầu nhập khẩu phôi thép chỉ tăng khi nguồn cung nội địa không đáp ứng đủ hoặc chi phí sản xuất trong nước vượt quá chi phí nhập khẩu. Tuy nhiên, với mạng lưới sản xuất và phân phối phôi thép nội địa ngày càng phát triển, các doanh nghiệp trong nước có xu hướng ưu tiên sử dụng nguồn nguyên liệu nội địa để tối ưu hóa chi phí và duy trì tính ổn định trong chuỗi cung ứng. Bên cạnh đó, việc nhập khẩu phôi thép thường gặp phải các rào cản như chi phí vận chuyển cao, thuế nhập khẩu, và yêu cầu về chất lượng, khiến việc nhập khẩu trở thành phương án ít được ưu tiên.

Khả năng tăng nhanh khối lượng nhập khẩu phôi thép trong tương lai gần cũng rất thấp do các yếu tố liên quan đến cơ cấu thị trường và chính sách kinh tế. Nền công nghiệp thép nội địa thường được bảo hộ thông qua các chính sách hỗ trợ và ưu đãi dành cho sản xuất trong nước, từ đó tạo động lực cho các doanh nghiệp tập trung phát triển năng lực nội tại. Ngoài ra, việc phát triển hệ thống sản xuất khép kín, từ sản xuất phôi thép đến sản phẩm hạ nguồn, giúp các doanh nghiệp kiểm soát tốt hơn chi phí, chất lượng và thời gian giao hàng. Điều này càng củng cố xu hướng sử dụng phôi thép nội địa, thay vì phụ thuộc vào nguồn cung quốc tế.

Nhìn chung, việc nhập khẩu phôi thép ở mức thấp góp phần ổn định thị trường thép trong nước, giảm áp lực từ biến động giá trên thị trường quốc tế và đảm bảo sự bền vững cho ngành thép nội địa. Tuy nhiên, để duy trì và phát triển lợi thế này, các doanh nghiệp cần tiếp tục đầu tư vào công nghệ hiện đại, tối ưu hóa chi phí sản xuất, và nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng tiêu chuẩn ngày càng khắt khe của thị trường. Đồng thời, ngành thép cũng cần theo dõi sát sao diễn biến thị trường quốc tế, đặc biệt là giá nguyên liệu đầu vào và các thay đổi về chính sách thương mại, nhằm chủ động điều chỉnh chiến lược nhập khẩu hoặc sản xuất phù hợp. Việc này không chỉ giúp bảo vệ vị thế của ngành thép trong nước mà còn tạo điều kiện để mở rộng khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Hiện nay Việt Nam không còn áp dụng biện pháp tự vệ giá đối với mặt hàng phôi thép nhập khẩu từ Trung Quốc, các doanh nghiệp sản xuất phôi thép trong nước phải đối mặt với thách thức lớn trong việc duy trì sức cạnh tranh và bảo vệ thị phần. Nếu có dấu hiệu cho thấy phôi thép nhập khẩu bị bán phá giá, các doanh nghiệp trong nước cần khẩn trương triển khai các biện pháp nhằm bảo vệ lợi ích của ngành sản xuất nội địa và duy trì sự ổn định của thị trường. Cần thu thập thông tin và bằng chứng chi về hành vi bán phá giá, bao gồm việc so sánh giá nhập khẩu phôi thép với giá thị trường quốc tế, chi phí sản xuất nội địa và giá bán thực tế trong nước. Nếu giá nhập khẩu thấp hơn đáng kể so với chi phí sản xuất thông thường hoặc giá xuất khẩu tại quốc gia sản xuất, đó là dấu hiệu rõ ràng của hành vi bán phá giá. Ngoài ra, các doanh nghiệp cần theo dõi sát khối lượng nhập khẩu, đặc biệt khi có sự gia tăng đột biến về nguồn cung hoặc khi giá bán của phôi thép nhập khẩu thấp bất thường. Những dữ liệu này sẽ là cơ sở quan trọng để xác định tính chất và mức độ vi phạm, đồng thời làm căn cứ đề xuất đối với cơ quan có thẩm quyền.

Sau khi thu thập đầy đủ bằng chứng, các doanh nghiệp hoặc hiệp hội ngành thép cần phối hợp chặt chẽ để yêu cầu Bộ Công Thương khởi xướng cuộc điều tra chống bán phá giá. Hồ sơ đề nghị cần được chuẩn bị kỹ lưỡng, bao gồm các tài liệu chứng minh hành vi bán phá giá, thiệt hại cụ thể mà ngành thép nội địa phải chịu, và mối quan hệ nhân quả giữa hai yếu tố này. Ví dụ, thiệt hại có thể bao gồm sự sụt giảm doanh thu, lợi nhuận, hay thị phần của các nhà sản xuất nội địa. Trong quá trình điều tra, các doanh nghiệp cần cung cấp thông tin minh bạch về chi phí sản xuất, giá bán và các số liệu kinh doanh khác để hỗ trợ cơ quan chức năng phân tích và xác định bản chất của vấn đề. Nếu kết quả điều tra kết luận rằng có hành vi bán phá giá, các doanh nghiệp có thể yêu cầu áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại như áp thuế chống bán phá giá để điều chỉnh lại giá nhập khẩu về mức hợp lý.

Ngoài các biện pháp pháp lý, doanh nghiệp cần chú trọng vào việc tăng cường nội lực để nâng cao năng lực cạnh tranh. Một trong những chiến lược hiệu quả là đầu tư vào công nghệ sản xuất hiện đại nhằm giảm chi phí, tăng năng suất và cải thiện chất lượng sản phẩm. Khi sản phẩm nội địa có tính cạnh tranh cao về giá và chất lượng, áp lực từ hàng nhập khẩu giá rẻ sẽ giảm đáng kể. Đồng thời, các doanh nghiệp có thể mở rộng sản xuất sang các dòng sản phẩm giá trị gia tăng hoặc tập trung vào các phân khúc thị trường cao cấp để giảm thiểu sự cạnh tranh trực tiếp với hàng nhập khẩu trong các phân khúc giá thấp. Bên cạnh đó, việc đa dạng hóa thị trường tiêu thụ và tìm kiếm cơ hội

xuất khẩu mới cũng là một giải pháp hiệu quả để giảm sự phụ thuộc vào thị trường nội địa và đối phó với tác động của hàng nhập khẩu bán phá giá.

Phối hợp với các hiệp hội ngành thép và các đối tác thương mại cũng đóng vai trò quan trọng trong việc đối phó với hàng nhập khẩu bán phá giá. Các hiệp hội ngành thép có thể đại diện cho tiếng nói chung của các doanh nghiệp, thúc đẩy quá trình điều tra và vận động áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại trên quy mô toàn ngành. Hơn nữa, hiệp hội có thể đóng vai trò trung gian trong việc chia sẻ thông tin, tạo diễn đàn để các doanh nghiệp hợp tác và phối hợp trong việc giải quyết vấn đề. Ngoài ra, làm việc với các đối tác thương mại quốc tế có thể giúp phát hiện và ngăn chặn sớm các hành vi cạnh tranh không lành mạnh từ các nhà xuất khẩu.

Hiện tại, Trung Quốc chiếm gần 50% tổng giá trị nhập khẩu phôi thép vào Việt Nam, điều này đồng nghĩa với sự phụ thuộc lớn vào một nguồn cung duy nhất. Mặc dù Trung Quốc có lợi thế về giá cả cạnh tranh và vị trí địa lý gần gũi, nhưng rủi ro từ các yếu tố như biến động chính sách xuất khẩu, chi phí vận chuyển hoặc các thay đổi bất ngờ trong nguồn cung là không thể xem nhẹ. Do đó, các doanh nghiệp sản xuất và nhập khẩu phôi thép cần chủ động tìm kiếm các nguồn cung khác, bao gồm Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản hoặc các nước trong khu vực ASEAN, để đảm bảo sự ổn định trong chuỗi cung ứng. Ngoài ra, việc tận dụng các hiệp định thương mại tự do như RCEP hoặc EVFTA sẽ giúp doanh nghiệp giảm thiểu thuế nhập khẩu và tiết kiệm chi phí đáng kể. Đồng thời, doanh nghiệp nên xây dựng mối quan hệ chiến lược với các nhà cung cấp lớn, không chỉ để đa dạng hóa nguồn cung mà còn đảm bảo chất lượng và ổn định lâu dài.

Bên cạnh việc nhập khẩu, các doanh nghiệp cần chú trọng đầu tư vào sản xuất trong nước để giảm sự phụ thuộc vào nguồn cung bên ngoài và nâng cao tính tự chủ. Việc đầu tư vào công nghệ sản xuất hiện đại sẽ giúp cải thiện năng suất và chất lượng phôi thép, từ đó đáp ứng được nhu cầu đa dạng của thị trường nội địa và giảm bớt sự cạnh tranh về giá với các sản phẩm nhập khẩu. Đặc biệt, doanh nghiệp có thể tận dụng nguồn nguyên liệu trong nước như thép phế liệu để tái chế và sản xuất phôi thép. Điều này không chỉ giúp tiết kiệm chi phí mà còn góp phần bảo vệ môi trường. Ngoài ra, phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ, như cung cấp quặng sắt hoặc thiết bị sản xuất, sẽ giúp xây dựng một chuỗi giá trị bền vững, hỗ trợ ngành thép phát triển mạnh mẽ hơn.

Chi phí nhập khẩu là một yếu tố quan trọng trong việc quyết định hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp. Để giảm thiểu chi phí và đảm bảo hiệu quả, doanh nghiệp cần đàm phán các hợp đồng dài hạn với nhà cung cấp, nhằm ổn định giá cả và tránh rủi ro từ biến động giá thép trên thị trường thế giới. Ngoài ra, việc tối ưu hóa logistics, như sử dụng các cảng trung gian có chi phí thấp hơn hoặc nhập khẩu theo quy mô lớn, cũng là những giải pháp quan trọng giúp giảm chi phí vận chuyển. Các doanh nghiệp nên chủ động theo dõi giá nguyên liệu toàn cầu để đưa ra quyết định nhập khẩu vào thời điểm giá thấp nhất, đồng thời sử dụng các công cụ phái sinh như hợp đồng tương lai để bảo hiểm rủi ro giá cả.

Trong bối cảnh thị trường ngày càng cạnh tranh khốc liệt, việc duy trì và củng cố vị thế không chỉ đòi hỏi các doanh nghiệp phải đáp ứng tốt các yêu cầu về chất lượng sản phẩm, mà còn phải nhanh chóng nắm bắt và thích nghi với những xu hướng mới nhất trên thị trường. Để đạt được điều này, một trong những chiến lược quan trọng là tập trung vào việc nhập khẩu từ các thị trường nổi tiếng với sản phẩm chất lượng cao, đặc biệt là Hàn Quốc và Đài Loan. Các sản phẩm thép từ hai quốc gia này không chỉ đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế nghiêm ngặt mà còn rất phù hợp với nhu cầu sản xuất của các ngành công nghiệp đòi hỏi khắt khe như xây dựng hạ tầng, chế tạo máy móc, và sản xuất thiết bị

điện tử tiên tiến. Đây là những lĩnh vực luôn yêu cầu sử dụng các vật liệu có chất lượng vượt trội để đảm bảo độ bền, tính an toàn và hiệu quả lâu dài.

Song song với việc chọn lựa nguồn cung chất lượng, các doanh nghiệp cần đặt mục tiêu đảm bảo rằng tất cả các sản phẩm nhập khẩu đều đạt được các tiêu chuẩn quốc tế như ISO hoặc ASTM. Điều này không chỉ tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp thâm nhập vào các thị trường xuất khẩu đầy tiềm năng mà còn góp phần nâng cao uy tín thương hiệu trên thị trường nội địa. Việc đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế là minh chứng rõ ràng cho cam kết của doanh nghiệp về chất lượng, giúp xây dựng lòng tin với khách hàng và đối tác kinh doanh, đồng thời khẳng định vị trí cạnh tranh trong ngành công nghiệp thép.

THEO DÕI TÌNH HÌNH PHÂN BÓN NHẬP KHẨU

1. Tình hình nhập khẩu mặt hàng phân bón DAP, MAP tháng 4 năm 2024

Tình hình nhập khẩu phân bón chung:

Giá phân bón thế giới tháng 4/2024 tiếp tục đi xuống khi nhu cầu yếu và nguồn cung dồi dào. Nhập khẩu phân bón của Việt Nam tăng mạnh. Tính trong 4 tháng đầu năm 2024 lượng phân bón nhập khẩu của cả nước đạt trên 1,59 triệu tấn, trị giá trên 505,37 triệu USD, giá trung bình đạt 317,7 USD/tấn.

Theo thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, trong tháng 4/2024 cả nước nhập khẩu 495.103 tấn phân bón, tương đương 163,17 triệu USD, giá trung bình 329,6 USD/tấn, tăng 15,5% về lượng, tăng 32,3% kim ngạch và tăng 14,6% về giá so với tháng 3/2024. So với tháng 4/2023 cũng tăng 60,8% về lượng, tăng 48,6% kim ngạch nhưng giảm 7,6% về giá.

Trong tháng 4/2024 nhập khẩu phân bón từ thị trường chủ đạo Trung Quốc tiếp tục tăng 10,5% về lượng, tăng 57,9% kim ngạch và tăng 42,9% về giá so với tháng 3/2024, đạt 192.850 tấn, tương đương 63,12 triệu USD, giá 327,3 USD/tấn; So với tháng 4/2023 tăng 9% về lượng, tăng 8% kim ngạch nhưng giảm 0,9% về giá. Nhập khẩu từ thị trường Nga tháng 4/2024 tăng mạnh 417% về lượng, tăng 276,9% kim ngạch nhưng giảm 27% về giá so với tháng 3/2024, đạt 101.515 tấn, tương đương trên 31,88 triệu USD, giá 314 USD/tấn; so với tháng 4/2023 thì tăng mạnh 916% về lượng, tăng 536,8% kim ngạch nhưng giảm 37,3% về giá.

Tính chung trong 4 tháng đầu năm 2024 lượng phân bón nhập khẩu của cả nước đạt trên 1,59 triệu tấn, trị giá trên 505,37 triệu USD, giá trung bình đạt 317,7 USD/tấn, tăng 75% về khối lượng, tăng 49,4% về kim ngạch nhưng giảm 14,6% về giá so với 4 tháng đầu năm 2023. Trung Quốc vẫn đứng đầu về thị trường cung cấp phân bón cho Việt Nam, chiếm 46,5% trong tổng lượng và chiếm 33% trong tổng kim ngạch nhập khẩu phân bón của cả nước, đạt 659.463 tấn, tương đương 167,29 triệu USD, giá trung bình 253,7 USD/tấn, tăng 37,7% về lượng, tăng 0,8% về kim ngạch nhưng giảm 26,8% về giá so với 4 tháng đầu năm 2023.

Tiếp đến thị trường Nga đứng thứ 2, chiếm 15,2% trong tổng lượng và chiếm 22,9% trong tổng kim ngạch, với 241.950 tấn, tương đương 115,69 triệu USD, giá trung bình 478,2 USD/tấn, tăng 684% về lượng, tăng 563,7% về kim ngạch nhưng giảm 15,4% về giá so với 4 tháng đầu năm 2023.

Nhập khẩu phân bón từ thị trường Đông Nam Á đạt 163.218 tấn, tương đương 51,75 triệu USD, tăng 36,4% về lượng, tăng 3% kim ngạch so với cùng kỳ, chiếm trên 10% trong tổng lượng và tổng kim ngạch nhập khẩu phân bón của cả nước.

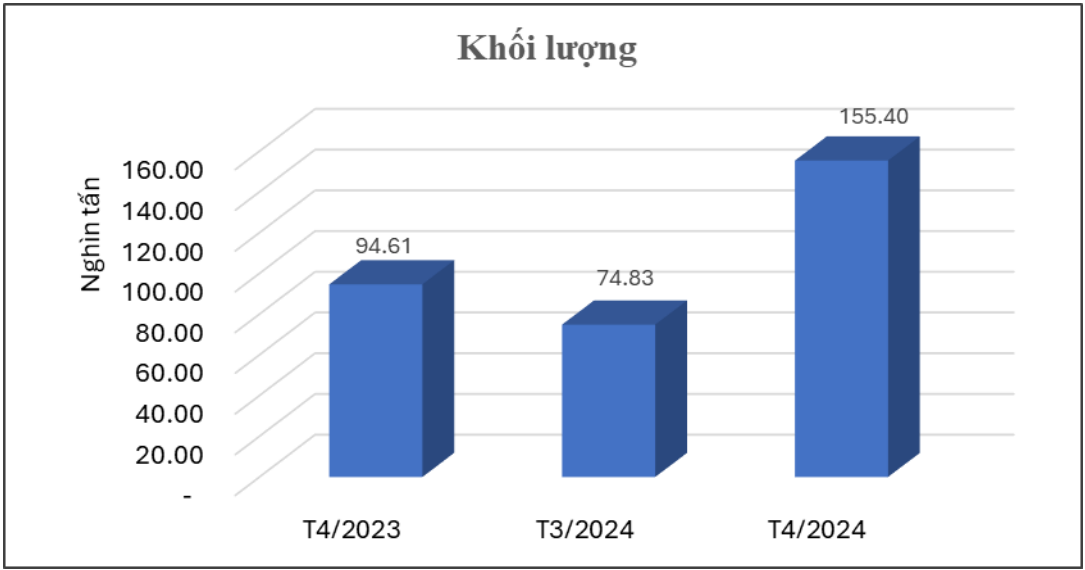
Phân bón nhập khẩu từ thị trường FTA RCEP đạt gần 1,01 triệu tấn, tương đương 259,02 triệu USD, tăng 35% về lượng, tăng 2,9% kim ngạch so với cùng kỳ, chiếm 63,3% trong tổng lượng và chiếm 51,3% trong tổng kim ngạch nhập khẩu phân bón của cả nước. Nhập khẩu phân bón từ thị trường FTA CPTTP đạt 236.087 tấn, tương đương 50,29 triệu USD, tăng 92,4% về lượng, tăng 161% kim ngạch so với cùng kỳ, chiếm 14,8% trong tổng lượng và chiếm 10% trong tổng kim ngạch nhập khẩu phân bón của cả nước.

Nhìn chung, trong 4 tháng đầu năm 2024 nhập khẩu phân bón từ đa số các thị trường tăng so với 4 tháng đầu năm 2023.

Tình hình nhập khẩu mặt hàng phân bón DAP và MAP vào Việt Nam tháng 4 năm 2024 như sau:

Hình 1 - Lượng nhập khẩu mặt hàng phân bón DAP và MAP vào

Việt Nam trong tháng 4 các năm 2023, 2024

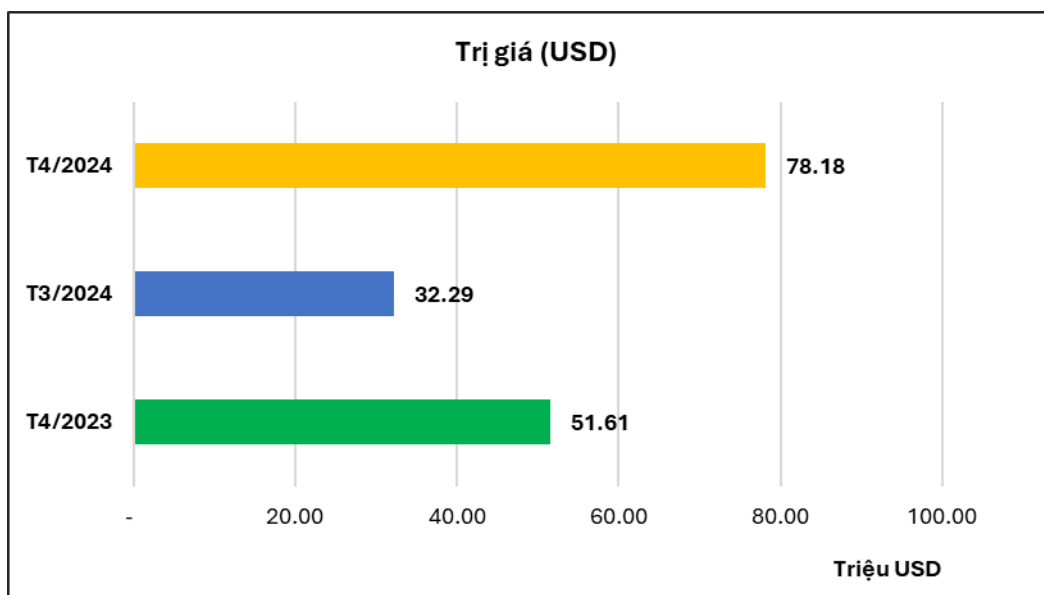


Nguồn: IHS Markit

Khối lượng nhập khẩu mặt hàng phân bón DAP, MAP vào Việt Nam từ các thị trường trong tháng 4 năm 2023 và tháng 4 năm 2024 lần lượt là 94,61 nghìn tấn và 155,4 nghìn tấn. Như vậy, lượng nhập khẩu mặt hàng phân bón này vào Việt Nam trong tháng 4 năm 2024 đã tăng gần 60,8 nghìn tấn so với cùng kỳ năm 2023 (tương ứng tăng 64,26%); và tăng 80,57 nghìn tấn so với tháng 3 năm 2024 (tăng gần 107%).

Hình 2 – Trị giá nhập khẩu mặt hàng phân bón DAP, MAP vào

Việt Nam trong tháng 4 các năm 2023, 2024



Nguồn: IHS Markit

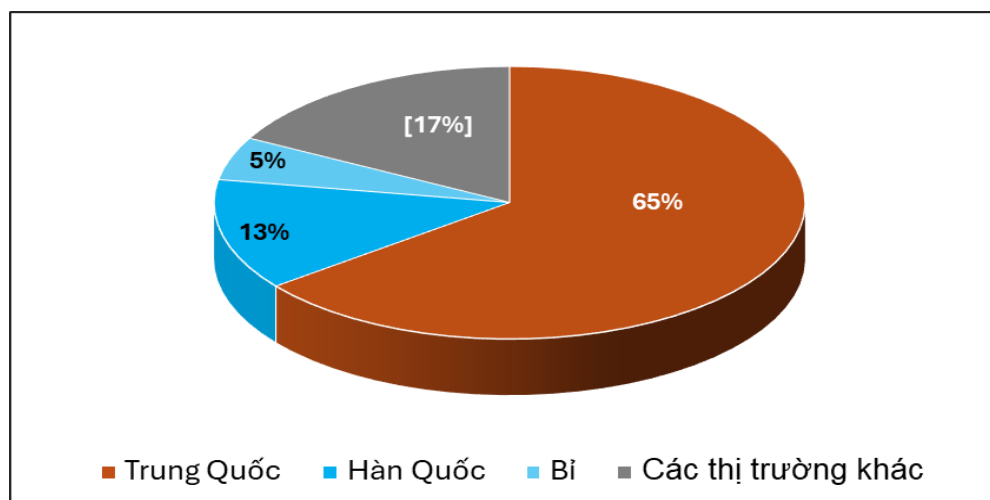
Tháng 4 năm 2024, giá trị nhập khẩu mặt hàng phân bón này đạt 78,18 triệu USD, tương đương tăng gần 142,17% so với tháng trước và giảm 51,5% so với cùng kỳ năm 2023.

Bảng 1- Trị giá và khối lượng nhập khẩu mặt hàng phân bón DAP, MAP vào Việt Nam từ các thị trường trong tháng 4 năm 2024

Nguồn: IHS Markit

Về cơ cấu thị trường nhập khẩu mặt hàng phân bón DAP vào Việt Nam tháng 4 năm 2024, nhập khẩu từ Trung Quốc đạt 50,42 triệu USD, chiếm tỉ trọng cao nhất là 65%. Tiếp đến là Hàn Quốc với mức nhập khẩu đạt 10,32 triệu USD, chiếm 13%. Thứ ba là Bỉ với 4 triệu USD, chỉ chiếm 5%. Nhập khẩu từ các thị trường khác khoảng 13,42 triệu USD; chiếm 17%.

Hình 3 – Tỉ trọng nhập khẩu mặt hàng phân bón vào Việt Nam từ các thị trường trong tháng 4 năm 2024



2. Đánh giá chung về tình hình sản xuất phân bón trong nước

Theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu phân bón của Việt Nam trong tháng 4 đạt 123.796 tấn với trị giá hơn 44 triệu USD, giảm 16,8% về lượng và giảm 29,8% về trị giá so với tháng 3/2024.

Tính chung trong 4 tháng đầu năm, xuất khẩu phân bón đã thu về hơn 252 triệu USD với 624.462 tấn, tăng 16,2% về lượng và tăng 8,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Xét về thị trường, trong 4 tháng đầu năm, Campuchia giữ vị trí là khách hàng lớn nhất với sản lượng đạt 145.793 tấn, tương đương trị giá hơn 59 triệu USD, giảm nhẹ 3% về lượng và giảm 9% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Giá xuất khẩu đạt bình quân 406 USD/tấn, giảm 6% so với cùng kỳ năm trước.

Ngoại trừ Campuchia, các thị trường khác đều tăng mạnh nhập khẩu phân bón từ Việt Nam. Cụ thể, Hàn Quốc là thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 của phân bón Việt Nam với 83.385 tấn, trị giá tương đương hơn 34 triệu USD, tăng mạnh 74% về lượng và tăng 96% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Giá xuất khẩu bình quân đạt 413 USD/tấn, tăng mạnh 13% so với cùng kỳ năm trước.

Đứng thứ 3 là thị trường Philippines với 38.633 tấn, tương đương trị giá hơn 18 triệu USD, đây cũng là thị trường chứng kiến mức tăng mạnh nhất với 281% về lượng và 192% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Giá xuất khẩu đạt bình quân 481 USD/tấn, mức giá đắt nhất trong số các thị trường tuy nhiên vẫn giảm 23% so với cùng kỳ năm trước.

Bên cạnh 3 thị trường chủ đạo này, các quốc gia và vùng lãnh thổ khác đang tăng mạnh nhập khẩu phân bón từ Việt Nam phải kể đến Lào, Đài Loan (Trung Quốc), Myanmar, Malaysia...

Năm 2024, các chuyên gia dự báo nguồn cung phân bón sẽ ngày càng thắt chặt do hai nhà cung cấp lớn của thế giới là Trung Quốc và Nga hạn chế xuất khẩu. Điều này có thể khiến giá phân bón trong năm 2024 tăng nhẹ so với các năm trước. Dự kiến thị trường phân ure thế giới sẽ sôi động hơn từ nửa sau năm 2024 khi các nhà tiêu thụ lớn gồm Trung Quốc, Ấn Độ, Mỹ, Brazil và châu Âu đồng loạt quay trở lại đấu thầu để đảm bảo nguồn cung phân bón cho giai đoạn cao điểm gieo hạt vụ hè thu sắp tới.

Như vậy, mặc dù Việt Nam có năng lực sản xuất phân bón DAP và MAP đáng kể, nhưng do hạn chế về công nghệ, chi phí sản xuất và biến động thị trường, việc nhập khẩu từ các nước khác vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu phân bón trong nước.

Ø Các công ty sản xuất phân bón DAP, MAP trong nước:

- Công ty Cổ phần DAP – VINACHEM;
- Công ty Cổ phần DAP 2– VINACHEM;
- Công ty Cổ phần Hóa chất và Phân bón Hóa chất Đức Giang.

Nhìn chung, trong tháng 4 năm 2024, sản xuất phân bón DAP và MAP tại Việt Nam sản xuất DAP tại Việt Nam vẫn tập trung chủ yếu ở các tỉnh phía Bắc, đặc biệt là Hải Phòng và Lào Cai.

3. Đánh giá & khuyến nghị

Từ các phân tích ở phần 1 và 2 trên, có thể thấy nhập khẩu hiện tại là không đáng kể so với sản xuất trong nước, do đó hiện tại nhập khẩu phân bón DAP và MAP chưa ảnh hưởng nhiều đến ngành sản xuất phân bón trong nước.

Tuy nhiên, với các biến động khó lường trước của thị trường thế giới, trong thời gian tới, Bộ Công Thương cùng với các doanh nghiệp cần tiếp tục bám sát diễn biến của thị trường, đặc biệt là diễn biến **tăng lượng nhập khẩu** để nghiên cứu, đề xuất chính sách, hoặc biện pháp can thiệp kịp thời nhằm đảm bảo sự lành mạnh của thị trường, tạo điều kiện sự phát triển bền vững của các doanh nghiệp trong nước.

Ø Thông tin vụ việc:

Ngày 12 tháng 5 năm 2017, căn cứ Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ của ngành sản xuất trong nước, quy định của WTO và Pháp lệnh Tự vệ, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 1682A/QĐ-BCT khởi xướng vụ việc điều tra áp dụng biện pháp tự vệ toàn cầu đối với phân bón DAP và MAP nhập khẩu vào Việt Nam.

Ngày 04 tháng 8 năm 2017, trên cơ sở Kết luận điều tra sơ bộ cho thấy hàng hóa nhập khẩu đã gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho sản xuất trong nước, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 3044/QĐ-BCT về việc áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời đối với phân bón DAP và MAP nhập khẩu, với mức thuế tự vệ tạm thời là 1.855.790 đồng/tấn và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 8 năm 2017 đến ngày 06 tháng 3 năm 2018.

Ngày 20/10/2021, Cơ quan điều tra nhận được hồ sơ yêu cầu rà soát cuối kỳ việc áp dụng biện pháp tự vệ đối với một số sản phẩm phân bón DAP, MAP nhập khẩu bởi đại diện ngành sản xuất trong nước gồm ba công ty: CTCP DAP- Vinachem, CTCP DAP số 2-Vinachem và CTCP hóa chất Đức Giang. Bộ Công Thương quyết định không gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phân bón DAP, MAP nhập khẩu theo Quyết định 1845/QĐ-BCT. Như vậy, từ ngày 7/9/2022, biện pháp tự vệ hết hạn, mức thuế về 0 đồng/tấn. Những thay đổi này có những tác động nhất định đến tình hình hoạt động của ngành sản xuất phân bón DAP, MAP trong nước.

Việc áp dụng thuế tự vệ theo lộ trình giảm dần một mặt tạo môi trường công bằng cho sản xuất trong nước phát triển nhưng cùng với đó cũng hướng tới việc duy trì thị trường cạnh tranh để mang tới lợi ích cho người sử dụng phân bón. Các biện pháp phòng vệ thương mại, trong đó có biện pháp tự vệ, là các biện pháp có tính chất dài hạn nhằm đem lại một môi trường cạnh tranh công bằng giữa hàng hóa sản xuất trong nước và hàng hóa nhập khẩu.

Diễn biến vụ việc:

Thời gian	Sự kiện
12/05/2017	Khởi xướng điều tra
04/08/2017	Quyết định áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời
02/03/2018	Quyết định áp dụng biện pháp tự vệ chính thức
21/03/2018	Thông báo về Hướng dẫn thực hiện việc miễn trừ áp dụng biện pháp tự vệ
12/10/2018	Thông báo tiếp nhận đơn yêu cầu miễn trừ áp dụng biện pháp tự vệ
31/05/2019	Thông báo công khai về việc tiếp nhận hồ sơ yêu cầu rà soát cuối kỳ
02/07/2019	Cục PVTM đã nhận được Hồ sơ yêu cầu từ Công ty Cổ phần DAP -
10/07/2019	Ban hành Công văn đề nghị bên yêu cầu bổ sung một số thông tin liên quan
02/08/2019	Cục PVTM đã nhận được hồ sơ bổ sung thông tin theo yêu cầu
13/08/2019	Cơ quan điều tra xác nhận hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ theo quy định
03/09/2019	Ban hành Quyết định 2700/QĐ-BCT rà soát cuối kỳ
18/09/2019	Ban hành Công văn số 817/PVTM-P2 v/v bản câu hỏi rà soát cuối kỳ cho
07/10/2019	Ban hành Công văn số 874/PVTM-P2 v/v thông báo nộp hồ sơ đề nghị
13/01/2020	Tổ chức buổi tham vấn để các bên liên quan có thể trình bày các quan
03/03/2020	Quyết định gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ
28/01/2022	Quyết định rà soát cuối kỳ biện pháp tự vệ (Quyết định 117/QĐ-BCT)
14/09/2022	Quyết định không gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ (Quyết định 1845/QĐ-

Ø Thông tin chính sách và thị trường:

Khi những mâu thuẫn về bảo hộ thị trường và những căng thẳng địa chính trị đặt ra nhiều thách thức cho hoạt động của các chuỗi cung ứng trên thế giới, việc định hình lại chuỗi cung ứng toàn cầu và đa dạng hóa các nguồn cung đã trở thành những chiến lược thiết yếu để tồn tại. Với mục đích bảo vệ thị trường trong nước, nhiều quốc gia đang mở rộng phạm vi các quy định thương mại cùng với những tiêu chuẩn môi trường chặt chẽ và các cuộc điều tra chống trợ cấp đối với hàng nhập khẩu. Xu hướng này sẽ tiếp diễn trong năm 2024 và trở thành chủ đề bao trùm đối với toàn bộ chuỗi cung ứng trên thế giới. Do vậy, các công ty cần có những tầm nhìn chiến lược đối với hoạt động khai thác nguồn cung ứng, hợp tác và tạo động lực để hình thành môi trường chính sách ổn định.

Bên cạnh đó, các chính phủ trên khắp thế giới đã nhận thức vai trò quan trọng của những chính sách công nghiệp kiên định nhằm đạt mục tiêu phát thải ròng cacbon bằng 0. Một điều rõ ràng là ngoài việc giảm phát thải cacbon của

hệ thống năng lượng và hỗ trợ việc tiếp cận các nguồn tái tạo thì việc đạt được mục tiêu quay vòng nguyên liệu gốc và các thành phần ban đầu như thép, nhôm, hóa chất sẽ là yêu cầu bắt buộc.

Tại châu Âu, Ủy ban châu Âu và Hội đồng châu Âu dự kiến sẽ ưu tiên cho các chính sách công nghiệp và vai trò quan trọng của công nghiệp hóa chất trong việc thực hiện Thỏa thuận xanh châu Âu. Một “Đạo luật công nghiệp hóa chất EU” có thể sẽ được đưa ra để hỗ trợ đầu tư tại châu Âu, cùng với Khung pháp lý chuyển đổi và Đạo luật giảm lạm phát. Trong khi đó, Đạo luật giảm lạm phát tại Mỹ đang đóng vai trò quan trọng trong xu hướng tăng cường đầu tư vào các công nghệ với phát thải cacbon thấp, các giải pháp tuần hoàn, các giải pháp thu giữ, sử dụng và lưu trữ cacbon trong các lĩnh vực hóa chất và các ngành công nghiệp khác.

THEO DÕI TÌNH HÌNH VÁN GỖ MDF NHẬP KHẨU

1. Tình hình nhập khẩu mặt hàng Ván gỗ MDF

Ván MDF là loại gỗ công nghiệp rất phổ biến ở nước ta, xuất hiện trong hầu hết các sản phẩm nội thất với giá phù hợp cùng chất lượng ổn định.

MDF – Medium Density Fiberboard hay còn gọi là ván ép sợi gỗ, ván sợi mật độ trung bình,... Có thể nói khi nhắc đến ván ép công nghiệp làm nội thất, rất nhiều người sẽ nghĩ ngay đến ván MDF. Loại ván sợi này không chỉ thuyết phục người dùng bởi ngoại hình đa dạng, đẹp mắt mà còn với mức giá phù hợp với khả năng chịu lực tương đối tốt. Như tên gọi, loại ván này có cấu tạo chính từ sợi gỗ, bột gỗ và được phân loại theo khả năng chống ẩm, theo xuất xứ hoặc theo bề mặt phủ.

Sơ bộ số liệu nhập khẩu Ván gỗ MDF lũy kế từ đầu năm đến 17/4/2024: 204.16k. TOP thị trường nhập khẩu chính của Việt Nam: Indonesia (66.9K), Australia (50K), Lào (21.7K), Myanmar (19.6K), Thái Lan (18.2K), Campuchia (2.2K), Malaysia (0.8K).

+ MYANMAR:

Trong nửa đầu tháng 4, Myanmar bất ngờ vươn lên vị trí dẫn đầu về xuất khẩu Ván gỗ MDF sang Việt Nam với khoảng 7,5 ngàn tấn Ván gỗ MDF, nâng tổng lũy kế lượng Ván gỗ MDF nhập khẩu từ nước này từ đầu năm lên mức 19,6 ngàn tấn. Nguyên nhân của sự vươn lên này là do trong giai đoạn này, lượng Ván gỗ MDF nhập khẩu từ Indonesia sụt giảm mạnh chỉ còn khoảng 1 ngàn tấn đã đẩy vị trí của các quốc gia khác về xuất khẩu Ván gỗ MDF sang Việt Nam tăng lên. Trong nửa đầu tháng 4, mức giá Ván gỗ MDF nhập khẩu từ Myanmar dao động quanh mức 642-650 USD/tấn (FOB), và mức 675 USD/tấn (CFR), không biến động nhiều so với tháng trước.

+ THÁI LAN:

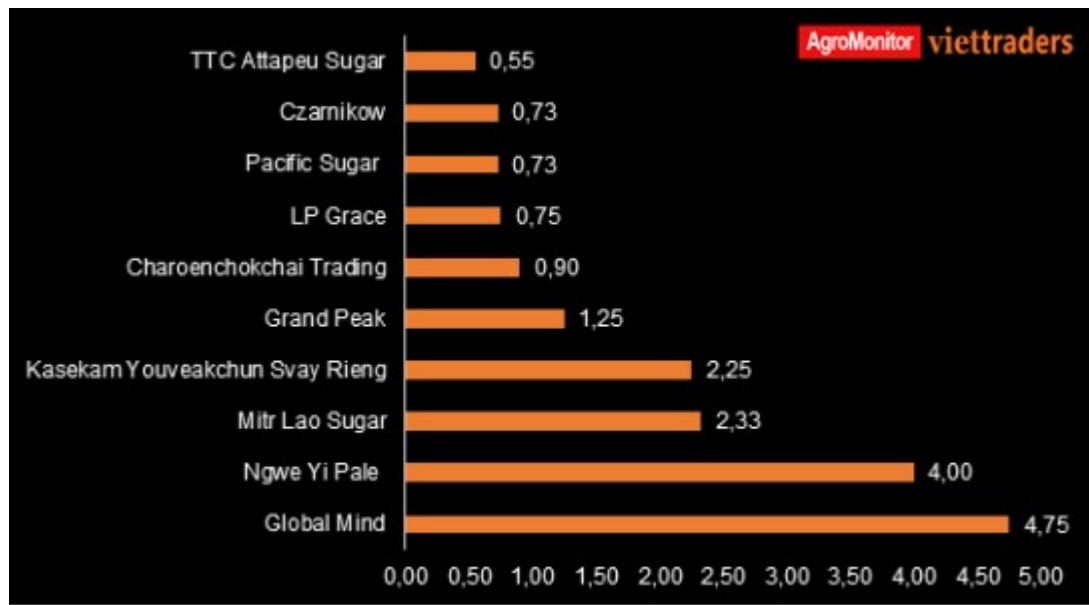
Cũng do sự sụt giảm mạnh về xuất khẩu Ván gỗ MDF từ Indonesia sang Việt Nam đã đẩy vị trí của Thái Lan lên vị trí thứ 2 với khoảng 4,5 ngàn tấn, tăng 27,5% so với nửa đầu tháng 3 và giảm 29,7% so với tháng trước. Mức giá các đơn hàng nhập khẩu Ván gỗ MDF từ Thái Lan trong nửa đầu tháng 4 dao động quanh mức 549-695 USD/tấn (CFR), 587-677 USD/tấn (CIF) và 660 USD/tấn (FOB).

+ LÀO:

Trong nửa đầu tháng 4, Lào vươn lên vị trí thứ 3 về xuất khẩu Ván gỗ MDF sang Việt Nam với khoảng 3,8 ngàn tấn Ván gỗ MDF. Trong đó, lượng Ván gỗ MDF nhập khẩu từ Lào vào khoảng 3,2 ngàn tấn và khoảng 0,5 ngàn tấn Ván gỗ MDF.

Đặc biệt, trong khoảng thời gian này có sự nhập khẩu Ván gỗ MDF từ Campuchia đầu tiên trong năm 2024 với khoảng 2,2 ngàn tấn Ván gỗ MDF của doanh nghiệp Kasekam Youveakchun Svay Rieng cho Thành Thành Công.

10 doanh nghiệp xuất khẩu Ván gỗ MDF sang Việt Nam trong 1-17/4/2024, ngàn tấn



Về giá nhập khẩu

Mặt bằng giá Ván gỗ MDF nhập khẩu tăng mạnh so với tháng trước. Đây là tháng thứ 4 liên tiếp tăng giá kể từ đầu năm tới nay. Nguồn cung Ván gỗ MDF ít, cùng với nhu cầu tăng đột biến từ các khách hàng thương mại, sản xuất trước kì nghỉ Lễ 30/4. Mặt khác, giá Ván gỗ MDF cao, nguồn về ít cũng là một nguyên nhân hỗ trợ giá Ván gỗ MDF nhập khẩu tiếp tục tăng.

Ván gỗ MDF Indonesia

Giá Ván gỗ MDF Indonesia tiếp tục tăng mạnh so với tháng trước. Giá Ván gỗ MDF trong tháng tăng liên tiếp kể từ đầu tháng. Mức giá Ván gỗ MDF trong tháng dao động từ 19,200-20,500 đ/kg so với mức 18,300-19,100 đ/kg tháng trước. Giá Ván gỗ MDF tăng. Nguồn Ván gỗ MDF chủ yếu được chào bán tại khu vực miền Nam và miền Tây là chủ yếu. Tuy vậy, giá Ván gỗ MDF cao khiến giao dịch Ván gỗ MDF nhập khẩu yếu. Nếu như nửa đầu tháng mặt bằng giá tăng nhẹ đều đặn từ 300-400 đ/kg, đẩy giá dao động trong khoảng 19,000-19,600 đ/kg. Cuối tháng, giá Ván gỗ MDF tăng đột biến trên mức 20,000 đ/kg. Theo đó, Ván gỗ MDF Indonesia chào bán tại Biên Hòa và Sài Gòn vào cuối tháng 4 đạt mức từ 20,000-20,500 đ/kg tại kho trong khi kéo về miền Tây cao hơn 200-300 đ/kg.

Ván gỗ MDF Myanmar

Cùng xu hướng với Ván gỗ MDF Indonesia, Ván gỗ MDF Myanmar có giá tăng mạnh lên mức 18,200-19,800 đ/kg tại khu vực miền Nam và miền Tây so với mức 18,100-18,200 đ/kg tháng trước. Giá Ván gỗ MDF tăng mạnh vào giai đoạn cuối tháng 4 lên mức 19,600-19,800 đ/kg so với mức 18,200-18,300 đ/kg hồi đầu tháng. Lượng Ván gỗ MDF Myanmar được chào bán nhiều về các khu vực miền Tây, nhu cầu tiêu thụ đều.

Ván gỗ MDF Malaysia

Ván gỗ MDF Malaysia chủ yếu doanh nghiệp lớn chào bán. Giá cũng được chào bán tăng liên tiếp trong tháng với mức giá dao động từ 18,800-20,000 đ/kg, tăng từ mức 18,700-18,800 đ/kg tháng trước. Nhu cầu tiêu thụ chậm, nhiều khách hàng lựa chọn mua hàng nội địa từ các nhà máy nhiều hơn.

3.4. Giá Ván gỗ MDF

Nguồn Ván gỗ MDF về ít, giá Ván gỗ MDF tăng cao so với tháng trước. Trong tháng giá Ván gỗ MDF liên tiếp tăng tại các khu vực miền trung và miền Tây.

Tại miền trung, giá Ván gỗ MDF tăng cao liên tục. Mặt bằng giá Ván gỗ MDF nằm trong khoảng 18,000-19,000 đ/kg so với mức 17,700-18,000 đ/kg tháng trước. Giá Ván gỗ MDF liên tiếp tăng trong các tháng qua. Do các cơ quan chức năng làm chặt, nguồn Ván gỗ MDF về ít lại. Ván gỗ MDF được chào bán cao trên thị trường.

Tại miền Tây, giá Ván gỗ MDF tiếp tục xu hướng tăng lên mức 18,000-19,500 đ/kg. Giá Ván gỗ MDF tăng mạnh trong nửa cuối tháng 4 lên mức 19,400-19,700 đ/kg. Mặt khác, nguồn Ván gỗ MDF từ Campuchia về hạn chế.

2. Tình hình sản xuất trong nước

Tại Việt Nam, hiện tại trong nước có các nhà máy sản xuất Ván gỗ MDF như sau:

Nhà máy sản xuất gỗ Kim Tín

Kim Tín là một trong những nhà sản xuất ván MDF hàng đầu và sớm nhất tại Việt Nam. Tập đoàn Kim Tín được thành lập từ năm 2000. Trải qua hơn 20 năm tồn tại và phát triển, Kim Tín đã có chỗ đứng vững chắc trên thị trường ván MDF tại Việt Nam. Hiện tại Kim Tín sở hữu 2 nhà máy sản xuất ván MDF hiện đại bậc nhất Việt Nam. Các dây chuyền trong nhà máy đều nhập khẩu hoàn toàn từ châu Âu. Trong đó nhà máy thứ nhất là FSC Việt Nam có diện tích 250.000 m² và công suất 400.000 m³/năm. Nhà máy thứ hai là nhà máy MDF Kim Tín Chơn Thành có diện tích xây dựng là 331.281 m² với công suất khoảng 500.000 m³/năm. Với những sự nỗ lực của mình, Kim Tín hiện đang nắm giữ được khoảng 20% thị phần ván MDF tại Việt Nam.

Nhà máy sản xuất MDF của VRG Dongwha

Đây là thương hiệu liên doanh giữa tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG) và tập đoàn Dongwha đến từ Hàn Quốc. Nhà máy VRG Dongwha đầu tiên được khởi công xây dựng tại tỉnh Bình Phước vào năm 2010 với quy mô 39 ha cùng mức đầu tư 160 triệu USD. Hầu hết các trang thiết bị hiện đại của nhà máy được nhập khẩu từ Đức, Thụy Sĩ và Phần Lan.

Đến năm 2020 VRG Dongwha tiến hành khởi công xây dựng thêm nhà máy thứ hai tại tỉnh Thái Nguyên. Chính thức đi vào hoạt động sản xuất năm 2021. Nhà máy có diện tích khoảng 50.000 m² và đạt công suất khoảng 300.000 m³ ván MDF một năm. Tuy là một thương hiệu mới nhưng VRG Dongwha đang nhanh chóng được người dùng tin tưởng.

Nhà máy sản xuất VRG Quảng Trị

Đây cũng là một nhà máy sản xuất ván MDF thuộc tập đoàn VRG. Nhà máy đầu tiên của VRG Quảng Trị được xây dựng vào năm 2005 với công suất 60.000 m³/ năm. Đến năm 2014, tập đoàn tiếp tục xây dựng thêm nhà máy thứ hai tại KCN Quán Ngang, Quảng Trị. Công suất ước tính của nhà máy này đạt khoảng 120.000 m³/ năm.

Nhà máy sản xuất ván MDF Thanh Thành Đạt Hà Tĩnh

Đây là nhà máy sản xuất được khởi công xây dựng tại Vũ Quang, Hà Tĩnh từ năm 2016. Dự án được xây dựng trên diện tích trên 18 ha. Nhà máy sử dụng dây chuyền sản xuất vô cùng hiện đại nhập khẩu từ châu Âu. Công suất ước tính đạt 120.000 m³/ năm.

Về giá Ván gỗ MDF nhập khẩu trong nước, Thị trường nội địa giao dịch khá chậm, các nhà máy ra hàng ít, giá Ván gỗ MDF được kéo lên cao khiến các đơn vị khó mua hàng. Cuối tháng, nhiều đơn vị ngưng chào bán, nghỉ lễ sớm chờ qua lễ mới chào bán tiếp.

3. Đánh giá/khuyến nghị:

Các doanh nghiệp nhập khẩu tại Việt Nam

Cuối năm 2024, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 1514/QĐ-BCT áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số sản phẩm Ván gỗ MDF nhập khẩu từ Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia và Myanmar.

Quyết định áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại được ban hành trên cơ sở quá trình điều tra được thực hiện một cách khách quan, minh bạch theo đúng các quy định pháp luật trong nước và phù hợp với các cam kết quốc tế. Các nội dung chính của kết luận điều tra đã được gửi trước đến các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan cũng như các doanh nghiệp để tham gia ý kiến.

Trên cơ sở thu thập, tổng hợp thông tin và ý kiến do các bên liên quan cung cấp, bao gồm thông tin từ ngành sản xuất trong nước, các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu nước ngoài, doanh nghiệp nhập khẩu và từ các cơ quan chức năng, kết luận điều tra xác định việc sử dụng nguyên liệu Ván gỗ MDF có xuất xứ từ Thái Lan để sản xuất và xuất khẩu một số sản phẩm Ván gỗ MDF mía sang Việt Nam của các doanh nghiệp từ Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar là hành vi lẫn tránh biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp đang áp dụng với sản phẩm Ván gỗ MDF của Thái Lan.

Đồng thời, các chỉ số kinh tế cho thấy hiệu quả của biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp đối với sản phẩm Ván gỗ MDF có xuất xứ từ Thái Lan hiện đang bị suy giảm do tác động của Ván gỗ MDF nhập khẩu từ 5 quốc gia nói trên.

Bộ Công Thương nhấn mạnh, nhằm đảm bảo một môi trường cạnh tranh công bằng giữa hàng hóa sản xuất trong nước với hàng hóa nhập khẩu, bảo vệ lợi ích chính đáng của ngành sản xuất trong nước và người nông dân trồng mía, Ván gỗ MDF nhập khẩu từ Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar có sử dụng nguyên liệu Ván gỗ MDF của Thái Lan sẽ bị áp dụng cùng mức thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp đang áp dụng với Ván gỗ MDF Thái Lan với tổng mức thuế là 47,64%, trong đó thuế chống bán phá giá là 42,99% và thuế chống trợ cấp là 4,65%. Ván gỗ MDF nhập khẩu từ 5 quốc gia nếu chứng minh được sản xuất từ mía thu hoạch tại các quốc gia này sẽ không bị áp dụng biện pháp chống lẩn tránh.

Biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại sẽ có hiệu lực sau 7 ngày kể từ ngày Quyết định được ban hành cho đến ngày 15/6/2026, trừ trường hợp được thay đổi, gia hạn theo các quyết định khác của Bộ Công Thương. Các bên liên quan có thể nộp hồ sơ yêu cầu Bộ Công Thương tiến hành rà soát việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại trên cơ sở quy định tại Điều 82 và Điều 90 Luật Quản lý ngoại thương và Chương IV Nghị định số 10/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại.

Phòng vệ thương mại (PVTM) là một trong những công cụ nhằm bảo đảm môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa hàng hóa nhập khẩu và hàng hóa sản xuất trong nước trong bối cảnh mở cửa nền kinh tế và đưa ra các cam kết về xóa bỏ hàng rào thuế, hàng rào phi thuế quan. Bao gồm các biện pháp: Tự vệ, chống bán phá giá, chống trợ cấp. Đây cũng là công cụ chính sách được Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) cho phép các nước thành viên sử dụng nhằm bảo vệ ngành sản xuất trong nước trước các hành vi cạnh tranh không lành mạnh của hàng hóa nhập khẩu như bán phá giá hay nhận trợ cấp từ chính phủ; hoặc trong trường hợp hàng hóa nhập khẩu tăng mạnh gây ảnh hưởng tới ngành sản xuất nội địa. Chính vì vậy, cùng với sự phát triển của thương mại toàn cầu, các biện pháp phòng vệ thương mại cũng ngày càng được các nước sử dụng nhiều hơn. Nhiều nước coi phòng vệ thương mại (PVTM) là "van an toàn" trong chính sách ngoại thương để ổn định sản xuất trong nước, bảo vệ công ăn việc làm của người lao động.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế sâu rộng hiện nay thì việc gia tăng áp dụng các biện pháp bảo hộ để bảo vệ sản xuất trong nước là xu hướng trên toàn cầu. Quy định của WTO cho phép sử dụng các biện pháp phòng vệ thương mại (PVTM) như là các công cụ chính sách thương mại để bảo vệ ngành sản xuất trong nước khỏi thiệt hại do sự gia tăng của hàng nhập khẩu. Để áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, các nước thành viên phải tiến hành điều tra theo các nguyên tắc, quy trình, thủ tục đã được quy định trong các hiệp định liên quan của WTO.

Bên cạnh việc thực hiện cắt giảm thuế quan theo các cam kết trong các FTA đưa ra mức thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt xuống rất thấp, nhiều dòng thuế ở mức 0%; tình hình thương mại khu vực và toàn cầu, xung đột thương mại giữa một số nước diễn biến phức tạp kéo theo đó là xu thế bảo hộ thương mại tại nhiều nước; đồng thời chi phí nhiều loại hàng hóa đầu vào, chi phí vận tải tăng cao..... trong bối cảnh đó, nhiều ngành sản xuất trong nước chịu thiệt hại bởi hàng hóa nhập khẩu đã đề nghị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại với hàng hóa nhập khẩu. Việc điều tra, áp dụng các biện pháp PVTM tiếp tục được đẩy mạnh đã góp phần bảo vệ, tạo lập lại môi trường cạnh tranh bình đẳng cho các ngành sản xuất trong nước trong bối cảnh nhiều hàng hóa nhập khẩu có dấu hiệu bị bán phá giá hoặc được trợ

cấp, gây thiệt hại nghiêm trọng cho một số ngành sản xuất trong nước. Tính đến nay, Bộ Công Thương đã khởi xướng điều tra áp dụng tổng cộng 25 vụ việc PVTM. Các mặt hàng điều tra đa dạng gồm: các sản phẩm kim loại cơ bản (nhôm, thép, vật liệu hàn), hóa chất (sorbitol, sợi filament, màng BOPP), vật liệu xây dựng (ván gỗ MDF, kính nổi), hàng tiêu dùng cơ bản (bột ngọt, đường mía, đường lỏng HFCS), trong đó có nhiều sản phẩm có mối quan hệ mật thiết và đặc biệt quan trọng tới đời sống của người nông dân (sản phẩm đường, bột ngọt (liên quan tới cây mía), sorbitol (liên quan tới cây sắn)).

Các vụ việc chống bán phá giá gồm: Vụ việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với sản phẩm thép không gỉ cán nguội nhập khẩu từ Trung Quốc, Đài Loan- Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a và Ma-lay-xi-a; Vụ việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với sản phẩm tôn mạ nhập khẩu từ Trung Quốc và Hàn Quốc; Vụ việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với sản phẩm tôn mạ nhập khẩu từ Trung Quốc và Hàn Quốc; Vụ việc điều tra chống bán phá giá thép hợp kim hoặc không hợp kim được cán phẳng, được sơn hoặc quét vecni hoặc phủ plastic hoặc phủ loại khác; Vụ việc điều tra chống bán phá giá một số sản phẩm bằng nhôm, hợp kim hoặc không hợp kim, ở dạng thanh, que và hình có xuất xứ từ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa; Vụ việc điều tra chống bán phá giá đối với gỗ ván MDF; Vụ việc điều tra chống bán phá giá một số sản phẩm plastic và sản phẩm bằng plastic được làm từ các polyme từ propylene; Vụ việc điều tra chống bán phá giá một số sản phẩm thép cán nguội (ép nguội) dạng cuộn hoặc tấm; Vụ việc điều tra chống bán phá giá đối với một số sản phẩm bột ngọt có xuất xứ từ Trung Quốc và In-đô-nê-xi-a; Vụ việc điều tra chống bán phá giá đối với một số sản phẩm sợi dài làm từ polyester có xuất xứ từ Trung Quốc, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a; Vụ việc điều tra chống bán phá giá đối với một số sản phẩm đường lỏng chiết xuất từ tinh bột ngô (HFCS) có xuất xứ từ Trung Quốc và Hàn Quốc; Vụ việc điều tra chống bán phá giá đối với sản phẩm thép hình chữ H xuất xứ từ Ma-lai-xi-a; Vụ việc điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với một số sản phẩm đường mía có xuất xứ từ Thái Lan; Vụ việc điều tra chống bán phá giá đối với sản phẩm sorbitol xuất xứ từ Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a, Ấn Độ.

Các vụ việc tự vệ gồm: Vụ việc điều tra tự vệ đối với sản phẩm kính nổi; Vụ việc điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm dầu thực vật; Vụ việc điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm bột ngọt; Vụ việc điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phôi thép và thép dài; Vụ việc tự vệ đối với tôn màu; Vụ việc tự vệ đối với phân bón DAP và MAP.

Các vụ việc chống lẫn tránh thuế: Vụ việc điều tra áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp PVTM đối với sản phẩm thép dây/thép cuộn nhập khẩu vào Việt Nam từ các quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau; Vụ việc điều tra áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp PVTM đối với một số sản phẩm đường mía nhập khẩu từ Vương quốc Cam-pu-chia, Cộng hòa In-đô-nê-xi-a, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Ma-lai-xi-a và Cộng hòa liên bang Mi-an-ma. Cho đến nay, hiện mới chỉ có 01 vụ việc điều tra chống trợ cấp đối với một số sản phẩm đường mía có xuất xứ từ Thái Lan.

Thực tế cho thấy, các biện pháp PVTM với hàng nhập khẩu đã bảo vệ các ngành sản xuất trong nước và công ăn việc làm của hàng trăm nghìn lao động. Nhờ việc áp dụng biện pháp PVTM hợp lý, phù hợp với cam kết quốc tế, các ngành sản xuất trong nước được bảo vệ trước những hành vi cạnh tranh không bình đẳng, từ đó tạo điều kiện để các ngành sản xuất trong nước phát triển, tạo thêm việc làm và giá trị gia tăng cho nền kinh tế.

Tuy nhiên, điều này chỉ có thể thực hiện được khi các doanh nghiệp hiểu và biết cách sử dụng các công cụ phòng vệ thương mại được pháp luật quy định.

Trong thời gian tới, Bộ Công Thương sẽ tiếp tục phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Hải quan và các cơ quan liên quan theo dõi tác động của các biện pháp phòng vệ thương mại, tình hình sản xuất, cung, cầu, giá cả... để triển khai các công cụ quản lý phù hợp theo quy định nhằm đảm bảo một môi trường cạnh tranh công bằng, bình đẳng và hài hòa lợi ích giữa người người sản xuất, các doanh nghiệp sản xuất Ván gỗ MDF, các doanh nghiệp tiêu thụ Ván gỗ MDF và người tiêu dùng.

Do vậy, trong thời gian tới cần chủ động kiểm soát lượng sản xuất, nhập/xuất khẩu để đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh, tạo lập xu hướng xuất khẩu, nhập khẩu bền vững nói chung.